

CẬP NHẬT PHÁP LUẬT THUẾ NĂM 2025 - 2026



ThS. Nguyễn Hữu Tuyên

NỘI DUNG TRÌNH BÀY

**CẬP NHẬT PHÁP
LUẬT VỀ THUẾ
GTGT - HĐĐT**

**CẬP NHẬT PHÁP
LUẬT VỀ THUẾ
THU NHẬP
DOANH NGHIỆP**

**CẬP NHẬT PHÁP
LUẬT VỀ THUẾ THU
NHẬP CÁ NHÂN**

**CHIA SẺ KINH
NGHIỆM & GIẢI
ĐÁP VƯỚNG MẮC**

PHẦN I. PHÁP LUẬT VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG & HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

LUẬT THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG 2024

LUẬT SỬA ĐỔI BỔ SUNG LUẬT THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG LUẬT SỐ 149/2025/QH15 MỚI NHẤT?

TOÀN VĂN NGHỊ ĐỊNH 181/2025/NĐ-CP QUY ĐỊNH CHI TIẾT LUẬT THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG 2024

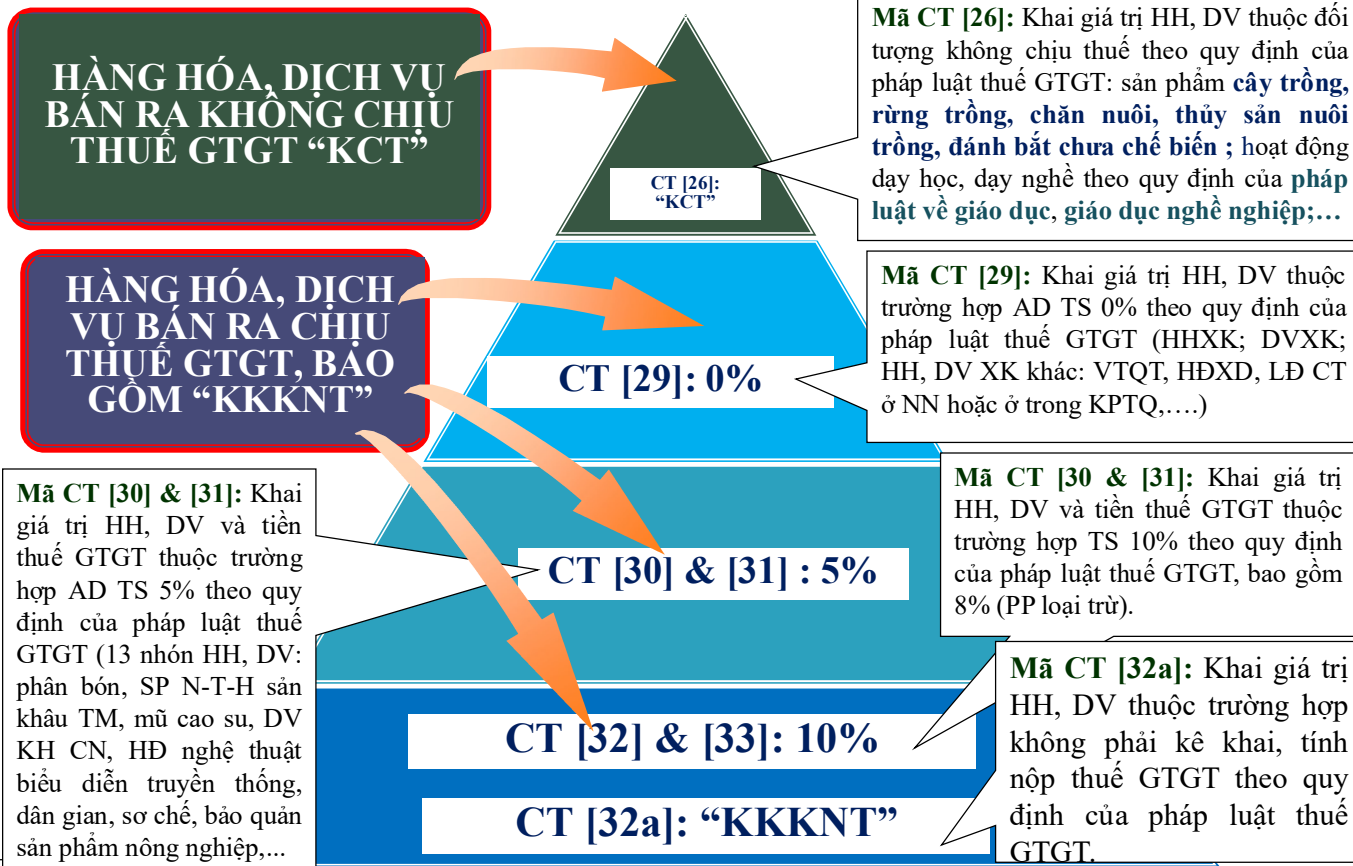
TOÀN VĂN NGHỊ ĐỊNH 359/2025/NĐ-CP

..\\..\CHUYÊN ĐỀ BỒ TRỢ\CHUYÊN ĐỀ THUẾ GTGT\LUẬT THUẾ GTGT NĂM 2024.pptx

..\\..\CHUYÊN ĐỀ BỒ TRỢ\CHUYÊN ĐỀ QUẢN TRỊ RỦI RO VỀ THUẾ\CHUYÊN ĐỀ QUẢN TRỊ RỦI RO VỀ THUẾ GTGT.pptx

Tài liệu sử dụng tại lớp học CNKT VACPA ngày 26/05/2026

THUẾ SUẤT THUẾ GTGT Đ.9 LUẬT 48/2024/QH15 - K.1 & K.2 Đ.1 LUẬT 149/2025/QH15



ĐỐI TƯỢNG KHÔNG CHỊU THUẾ GTGT

- ✓ (1) SP cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt
- ✓ (2) SP giống vật nuôi, vật liệu nhân giống cây trồng
- ✓ (3) Thức ăn chăn nuôi;
- ✓ (4) SP muối.
- ✓ (5) Nhà ở thuộc TS công do NN bán cho người đang thuê;
- ✓ (7) Chuyển QSDĐ;
- ✓ (18) SP QP, AN theo DM.
- ✓ (17) MM, TB, PTTT, VT thuộc loại trong nước chưa SX được cần NK...;
- ✓ (24) SP nhân tạo dùng để thay thế cho BP cơ thể của người bệnh; nặng, xe lăn và DC chuyên dùng khác cho người khuyết tật



- ✓ (6) Tươi, tiêu nước; cà, bừa đất; ... phục vụ SXNN; dịch vụ thu hoạch SPNN;
- ✓ (10) DV YT, thú y.
- ✓ (8) BH liên quan đến con người...;
- ✓ (9) DV tài chính, NH, KDCK, TM;
- ✓ (11) DV tang lễ
- ✓ (16) VCHK công cộng bằng xe buýt, tàu điện, PT thủy nội địa .
- ✓ (21) Chuyển giao công nghệ; chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ; SP phần mềm và dịch vụ phần mềm theo quy định của pháp luật.

K.8. Đ.5 48/2024/QH15 QUY ĐỊNH “KCT: “...TÁI BH...”
Đ.1 NĐ 144/2026/NĐ-CP BS K.3a Đ.4 NĐ 181/2025/NĐ-CP QUY ĐỊNH “KCT
: “... TÁI BH THEO QUY ĐỊNH CỦA PL VỀ KDBH...”

ĐỐI TƯỢNG KHÔNG CHỊU THUẾ GTGT

- ✓ (12) HĐ duy tu, sửa chữa, XD bằng NV đóng góp của nhân dân, vốn viện trợ nhân đạo (chiếm từ 50%) đối với ...các công trình VH, NT, công trình PV công cộng, CSHT và nhà ở cho ĐT CSXH.
- ✓ (13) Hoạt động dạy học, dạy nghề;
- ✓ (14) Phát sóng truyền thanh, truyền hình bằng nguồn vốn NSNN.
- ✓ (23) SP XK là TN, KS khai thác chưa chế biến thành SP khác và SP XK là TN, KS khai thác đã chế biến thành SP khác theo DM CP.



- ✓ (15) Xuất bản, NK, phát hành báo, tạp chí, ..., sách CT, sách GK, ...;
- ✓ (22) Vàng dạng thỏi, miếng chưa được chế tác ở khâu NK.
- ✓ (19) HH NK trong trường hợp viện trợ nhân đạo, ...;
- ✓ (26) HH NK là quà biếu thuộc trường hợp “KCT”;
- ✓ (20) HH chuyển khẩu.
- ✓ (25) HH, DV HKD có mức DT hàng năm **từ 01 tỷ trở xuống** TS của TC, CN không KD; ...

NĐ 141/2026/NĐ-CP

Sửa đổi cụm từ “500 triệu đồng” thành “01 tỷ đồng”...

HỒ SƠ - THỦ TỤC XÁC ĐỊNH ĐỐI TƯỢNG KHÔNG CHỊU THUẾ GTGT (K.2 Đ.3 TT 69/2025/TT-BTC)



a) SP giống vật nuôi: bản công bố tiêu chuẩn áp dụng của CSSX và hồ sơ giống; NK: VB nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng giống, mục đích sử dụng



b) Đối với nhập khẩu báo, tạp chí, , bản tin, đặc san, sách chính trị, sách giáo khoa, ...: Giấy xác nhận nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh của CQ có thẩm quyền



c) HH, DV bán cho tổ chức, cá nhân NN, TCQT để viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại cho VN: VB của tổ chức, cá nhân NN, tổ chức QT



d) Đối với chuyển nhượng QSH công nghiệp: QĐ cấp văn bằng bảo hộ hoặc công nhận đăng ký quốc tế & HĐ CN QSHCN.



đ) Đối với chuyển nhượng quyền đối với giống cây trồng: QĐ cấp Bằng bảo hộ giống cây trồng và hợp đồng chuyển nhượng



e) Đối với HH NK ủng hộ, tài trợ cho phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm họa, thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh: VB phê duyệt tiếp nhận HH ủng hộ, tài trợ của các CQ, TC tiếp nhận

SẢN PHẨM XUẤT KHẨU LÀ TÀI NGUYÊN, KHOÁNG SẢN ĐỐI TƯỢNG KHÔNG CHỊU THUẾ

SẢN PHẨM XUẤT KHẨU LÀ TÀI NGUYÊN, KHOÁNG SẢN ĐỐI TƯỢNG KHÔNG CHỊU THUẾ

SP XK là TN, KS khai thác chưa chế biến thành SP khác và SP XK là TN, KS khai thác đã chế biến thành SP khác theo định hướng của nhà nước về không khuyến khích XK, hạn chế XK các TN, KS thô được quy định tại DM (PL I, PL II).

TỪ NGÀY 20/6/2026: THAY THẾ DM (PL I, PL II).

.. \CẬP NHẬT CHÍNH SÁCH THUẾ 2025\ND 181\PL I & PL II NĐ 181-2025-NĐ-CP.docx

.. \CẬP NHẬT CHÍNH SÁCH THUẾ 2026\LUẬT THUẾ GTGT\PL I & PL II NĐ 144-2026-NĐ-CP.docx

CÁC DỊCH VỤ TÀI CHÍNH, NGÂN HÀNG, KINH DOANH CHỨNG KHOÁN, THƯƠNG MẠI “KCT”

CHUYÊN
NHƯỢNG CK

CHUYÊN
NHƯỢNG VỐN

SẢN PHẨM PHÁI
SINH

LÃI TIỀN GỬI
NGÂN HÀNG

ĐIỂM đ K.4 Đ.4 NĐ số 181/2025/NĐ-CP “KCT”: “Bán nợ bao gồm bán khoản phải trả và khoản phải thu, bán chứng chỉ tiền gửi **giữa NNT không phải là TCTD**”

TỪ 20/6/2026: Đ.1 NĐ 144/2026/NĐ-CP “KCT”: “Bán nợ bao gồm bán khoản phải trả và khoản phải thu, **bán chứng chỉ tiền gửi**”

TT 20/2026/TT-BTC: “ Đối với CNCK, **chứng chỉ tiền gửi**, thời điểm XD DT tính thuế TNDN là **thời điểm chuyển nhượng**; Đối với CNCK **phái sinh** là **HB tương lai**, thời điểm XD DT tính thuế TNDN là **thời điểm khớp lệnh mua, bán HB tương lai** của nhà đầu tư trên hệ thống giao dịch của SGDCK hoặc **thời điểm HB tương lai đáo hạn** ”

SẢN PHẨM PHẦN MỀM & DỊCH VỤ PHẦN MỀM

LUẬT CÔNG NGHỆ
CÔNG NGHỆ SỐ
(TỪ 01/01/2026)
LUẬT CNTT 67/2026/QH

CHO THUÊ BẢN
QUYỀN PMMT

BẢN QUYỀN PM
(LICENSE)
PM HỒĐT

NĐ 353//2025/NĐ-CP
(TỪ 01/01/2026)
NĐ 71/2007/NĐ-CP
(TRƯỚC 01/01/2026)

QSD PM CSDL
CHỮ KÝ SỐ
CHATGPT & AI

BẢN QUYỀN PM &
C. GIAO C. NGHỆ

DỊCH VỤ KHÔNG
PHẢI PM

THUẾ GTGT: 10%

PM DỊCH VỤ PM

KHÔNG CHỊU THUẾ
THUẾ GTGT

ĐỐI TƯỢNG “ KCT” VÀ “KKKNT”

K.1 Đ.1 LUẬT 149/2025/QH15

Sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu: “KCT”.

DN, HTX, liên hiệp HTX mua sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các SP khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường bán cho DN, HTX, LH HTX khác thì không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT nhưng được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào: “KKKNT”.

K.2 Đ.1 LUẬT 149/2025/QH15 BỔ

SP NN chưa qua chế biến dùng làm TACN, được liệu: áp dụng theo thuế suất của SPNN

K.2 Đ.1 LUẬT 149/2025/QH15 SĐ, BS K.5 Đ.1 LUẬT 48/2024/QH15

Phế phẩm, phụ phẩm, phế liệu được thu hồi trong QTSX thì AD mức TS của mặt hàng phế phẩm, phụ phẩm, phế liệu đó

SẢN PHẨM TRỒNG TRỌT, CHĂN NUÔI, THỦY SẢN NUÔI TRỒNG, ĐÁNH BẮT

K.1 Đ.4 NĐ 181/2025/NĐ-CP

SP chỉ qua sơ chế thông thường là SP mới (1) được làm sạch, phơi, sấy khô, bóc vỏ, xay xát, đánh bóng hạt, hồ hạt, chia tách ra từng phần, bỏ xương, băm, lột da, nghiền, cán mỏng, ..., (2) ướp muối, (3) đóng hộp kín khí, bảo quản lạnh, (4) bảo quản bằng khí sunfuro, bảo quản theo phương thức cho hóa chất để tránh thối rữa, ngâm trong dung dịch lưu huỳnh...

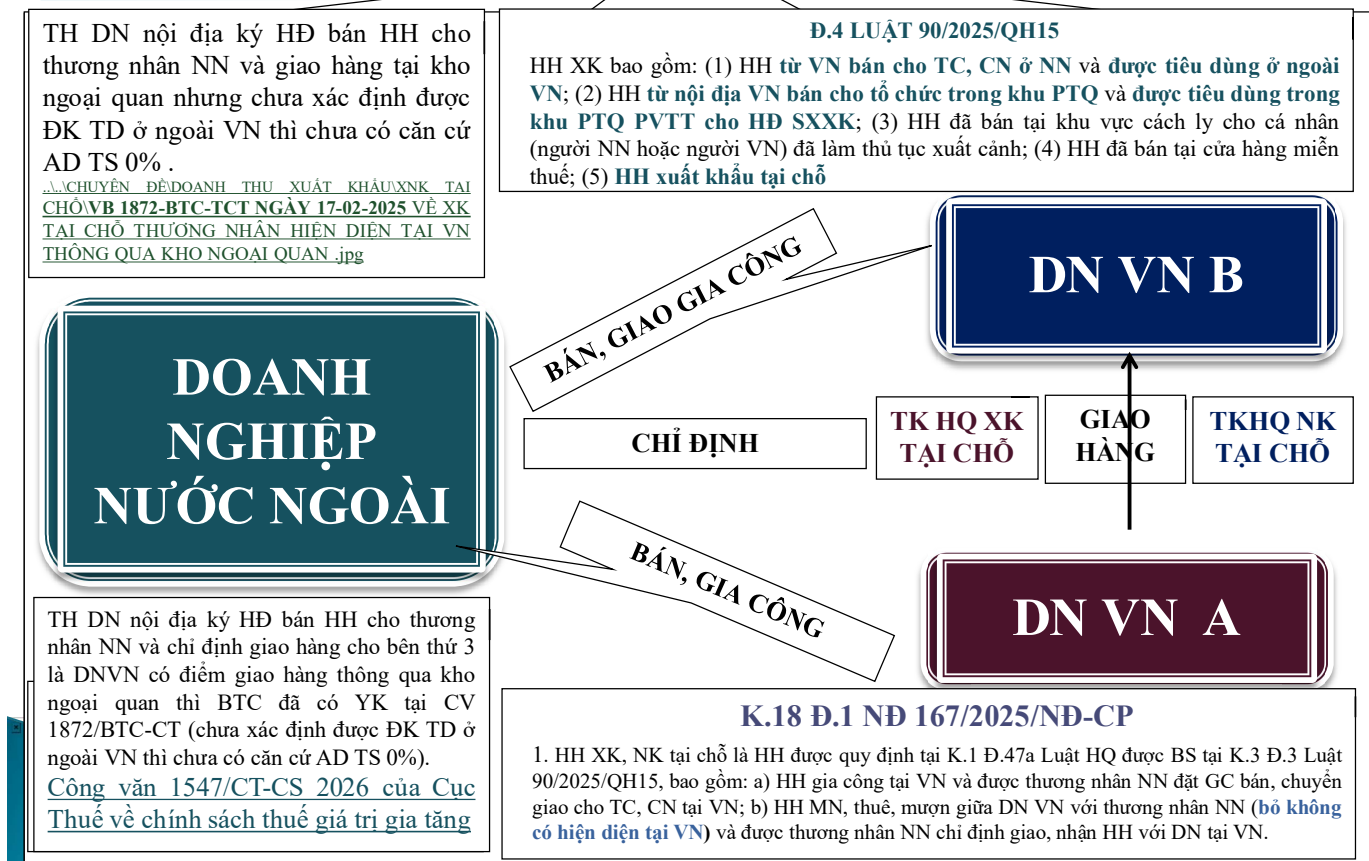
Trường hợp không xác định được thì Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm ... để xác định ...theo quy định của pháp luật

HÀNG HÓA, DỊCH VỤ THUẾ SUẤT 0%

(ĐK AD TS 0%: (1) HĐ, (2) CT TT KHÔNG DÙNG TM; (3) TKHQ)



MÔ HÌNH KINH DOANH XUẤT KHẨU TẠI CHỖ



MỘT SỐ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ THUẾ SUẤT 5%

ĐIỂM b, g, k KHOẢN 2 ĐIỀU 5 LUẬT THUẾ GTGT SỐ 48/2024/QH15

Phân bón, MM; tàu khai thác thủy sản tại vùng khơi, vùng biển; máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp theo quy định của CP “5%”

Hoạt động nghệ thuật biểu diễn truyền thống, dân gian “5%”

TB bị dùng để giảng dạy và học tập, gồm các loại mô hình, hình vẽ, bảng, phấn, thước, com-pa “5%”

SP cây trồng (chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường) khâu SX bán ra hoặc bán vật liệu nhân giống cây trồng theo quy định của pháp luật về trồng trọt thì thuộc đối tượng “KCT” .

SP cây trồng (chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường) khâu TM thuế suất thuế GTGT 5% (từ 01/7/2025 đến 31/12/2025) .

[CẬP NHẬT CHÍNH SÁCH THUẾ 2026 VẤN BẢN CQTCV 3609-QNG-QLDNI NGÀY 13.12.2025 VỀ HẠT GIỐNG.pdf](#)

HÀNG HÓA, DỊCH VỤ THUẾ SUẤT 5%



SP cây trồng, rừng trồng (trừ gỗ, măng), CN, TS nuôi trồng, đánh bắt chưa CB (Trước 01/07/25 & sau 31/12/25: “KKKNT”)



Mủ cao su dạng mủ cờ rệp, mủ tờ, mủ bún, mủ côm; lưới, dây giềng và sợi để đan lưới đánh cá.



SP bằng dây, cói, tre, nứa, lá, rom, vỏ dừa, sọ dừa, bèo tây và các SP thủ công khác SX bằng NVL tận dụng từ NN; xơ bông đã qua chải thô, chải kỹ; giấy in báo



Tàu khai thác thủy sản tại vùng biển; MM, TB chuyên dùng phục vụ cho SXNN



Phân bón, quặng để SX phân bón, thuốc BVTV và chất kích thích tăng trưởng v.nuôi theo quy định của PL



Đồ chơi cho trẻ em; sách các loại, trừ sách quy định tại khoản 8 Điều 4 (KCT) của ND này



DV đào đắp, nạo vét kênh, mương, ao hồ phục vụ SXNN; nuôi trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng; sơ chế, bảo quản SP NN



TBYT theo quy định của PL về QL TBYT; thuốc phòng bệnh, chữa bệnh; dược chất, dược liệu là NL SX thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh
Thuốc phòng bệnh, chữa bệnh bao gồm thuốc thành phẩm, nguyên liệu làm thuốc, trừ thực phẩm chức năng; vắc-xin thì thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 5% (Công văn 29640/CHQ-NVTHQ 2025 thuế giá trị gia tăng mặt hàng thuốc vắc xin thú y)



Hoạt động NT biểu diễn truyền thống, dân gian là các hoạt động NT biểu diễn, NT trình diễn dân gian theo quy định PL về NT BG & DSVH

THUẾ SUẤT THUẾ GTGT 10% & KHÁC

ÁP DỤNG NGUYÊN TẮC LOẠI TRỪ

QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 3 ĐIỀU 9 LUẬT THUẾ GTGT SỐ 48/2024/QH15

Mức thuế suất 10% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ không quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, **bao gồm cả dịch vụ được các nhà cung cấp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam cung cấp cho tổ chức, cá nhân tại Việt Nam qua kênh thương mại điện tử và các nền tảng số.**

THUẾ SUẤT THUẾ GTGT KHÁC: AB.CD%

17

TRƯỜNG HỢP “KCT” - “KKKNT” - “0%” - “5%” - “10%” “KHÔNG KHAI MẪU 01/GTGT”

HOẠT ĐỘNG LOGISTICS TH TẠI NN

- TH DN ký hợp đồng với khách hàng VN để cung cấp dịch vụ logistics được thực hiện (diễn ra) tại NN không thuộc diện điều chỉnh của pháp luật thuế GTGT.

- Các DV khác liên quan đến dịch vụ logistics thực hiện tại VN thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 10% theo quy định tại K.3 Đ.9 Luật Thuế GTGT.

VĂN BẢN CQT\CV 33.TMĐT-QLT NGÀY 06-3-2026 LOGISTIC TH TẠI NN .doc

HOẠT ĐỘNG LOGISTICS TH TẠI NN

Đối với các HĐ logistics như: phí bốc xếp, xử lý lô hàng PS tại NN:

- TH cung cấp DV nêu trên cho TC, CN VN không phải là DVXK theo K.2 Đ.17 Luật 48/2024/QH15 áp dụng thuế suất thuế GTGT 10%/8%.

- TH cung cấp DV nêu trên trực tiếp TC, CN NN & có đủ HS theo quy định tại K.2 Đ.18 NĐ 181/2025/NĐ-CP áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%.

VĂN BẢN CQT\CV 861 THUE CS 14 DV THỰC HIỆN TẠI NN.pdf

HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU

PHÁP LUẬT HÓA ĐƠN
HĐ TMDT ĐÁP ỨNG ĐK CHUYỂN DL
BẰNG PTĐT ĐẾN CQT
HÓA ĐƠN GTGT/HĐBH ĐIỆN TỬ

ĐG, TT: GHI NGUYÊN TỆ
TG: HQ, HĐ, SKT, TÍNH THUẾ
THỜI ĐIỂM GHI NHẬN DT KT
THỜI ĐIỂM TÍNH THUẾ

VĂN BẢN CQT\CV 4889 NGÀY
09.12.2025 TG LẬP HÓA ĐƠN .pdf

NGÀY ĐK
TKHQ

NGÀY
XUẤT KHO

NGÀY TQ

NGÀY TQ +
1 NGÀY LV

NGÀY HH QUA
KVGS/BILL

TT 20/2026/TT-BTC

Đối với HHXK, thời điểm xác định doanh thu tính thuế TNDN là **ngày chuyển giao QSH theo HĐXKHH**. Trường hợp **HĐXKHH không quy định về thời điểm chuyển giao QSH** thì thời điểm xác định doanh thu tính thuế TNDN được căn cứ theo quy định về cơ sở xác định hàng hóa xuất khẩu của pháp luật về hải quan.

HOẠT ĐỘNG BÁN ĐIỆN CỦA CÁC CÔNG TY PHÁT ĐIỆN

THỜI ĐIỂM LẬP
HÓA ĐƠN

ĐIỂM h K.4 Đ.9 ND 123/2020/ND-CP

THỜI ĐIỂM TÍNH
THUẾ GTGT

ĐIỂM a K.2 Đ.16 ND 181/2025/ND-CP

THỜI ĐIỂM TÍNH
THUẾ TNDN CHUYỂN
GIAO QSH, QSD

Thời điểm lập HĐĐT được xác định **căn cứ thời điểm về đối soát số liệu thanh toán** giữa đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện, đơn vị phát điện và đơn vị mua điện theo quy định của BCT hoặc hợp đồng mua bán điện đã được BCT hướng dẫn, phê duyệt **nhưng chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn kê khai, nộp thuế đối với tháng** phát sinh nghĩa vụ thuế theo quy định pháp luật về thuế.

...

HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG, LẮP ĐẶT

Thời điểm nghiệm thu, bàn giao công trình, hạng mục công trình, KL XD, XL hoàn thành, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền

MỘT SỐ LƯU Ý
(1) Thời điểm nghiệm thu, bàn giao & quyết toán.
(2) Thời điểm nhận tạm ứng.
(3) Trường hợp thanh toán theo tiến độ KH.

TT 20/2026/TT-BTC

Đối với HĐ XD, LD (bao gồm cả đóng tàu), thời điểm XD DT tính thuế TNDN là thời điểm nghiệm thu công trình, hạng mục công trình, khối lượng xây dựng, lắp đặt, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền

TIỀN ĐỘ KẾ HOẠCH: (CÓ TK 337/NỢ TK 131)

KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN: XÁC ĐỊNH ĐÁNG TIN CẬY (CÓ TK 511/NỢ TK 3387)

KHAI THUẾ GTGT HỖXD VẮNG LAI & TK 01/GTGT

PHÁP LUẬT VỀ KẾ TOÁN & THUẾ TNDN

21

NNT ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

NNT đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử

1 ngày

Công thông tin điện tử tự động đối chiếu thông tin NNT (bao gồm thông tin sinh trắc học) giữa dữ liệu đăng ký DN, đăng ký thuế với dữ liệu tại Hệ thống CSDL Quốc gia về dân cư hoặc theo dữ liệu tại Hệ thống định danh và xác thực điện tử

XÁC THỰC SINH TRẮC HỌC TRÊN ỨNG DỤNG ETAX MOBILE

DN, TC, HKD, CNKD ĐKSDHĐĐT, thay đổi thông tin ĐKSDHĐĐT do thay đổi thông tin về người ĐDPL (trừ trường hợp là người NN chưa đáp ứng quy định về định danh điện tử mức độ 02 của HT định danh và xác thực điện tử theo lộ trình thực hiện của cơ quan chức năng).

[.\\CẬP NHẬT CHÍNH SÁCH THUẾ 2026\\HÓA ĐƠN\\CV 3706.CT-NV NGÀY 15.5.2026\\XN SINH TRẮC HỌC.doc](#)



Nếu thông tin không khớp

Gửi Thông báo không chấp nhận hồ sơ và cung cấp các trường thông tin không đúng

Nếu thông tin khớp đúng

Công thông tin tự động gửi yêu cầu đề nghị NNT xác nhận qua thư điện tử, SĐT

Ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất ngày làm việc tiếp theo

HÌNH THỨC & LOẠI HÓA ĐƠN

HÌNH THỨC & LOẠI HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Cre: Ths. Nguyễn Hữu Tuyển

HÌNH THỨC HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ
(Đ.3 NĐ 123/2020/NĐ-CP)

- (1) HĐĐT có mã của cơ quan thuế.
- (2) HĐĐT khởi tạo từ MTT kết nối chuyển dữ liệu điện tử với CQT.
- (3) HĐĐT không có mã của cơ quan thuế.

LOẠI HÓA ĐƠN (Đ.8 NĐ 123/2020/NĐ-CP; SĐ BS K.5 Đ.1 NĐ 70/2025/NĐ-CP)

- (1) Hóa đơn GTGT
- (2) Hóa đơn GTGT tích hợp biên lai thu thuế, phí, lệ phí
- (3) Hóa đơn bán hàng
- (4) Hóa đơn bán hàng tích hợp biên lai thu thuế, phí, lệ phí
- (5) Hóa đơn thương mại
- (6) Hóa đơn nhà cung cấp ở nước ngoài không có CSTT tại VN
- (7) Hóa đơn bán tài sản công
- (8) Hóa đơn bán hàng dự trữ quốc gia
- (9) Các loại hóa đơn khác
- (10) Các chứng từ được in, phát hành, sử dụng và quản lý như hóa đơn.

..\CHUYÊN ĐỀ\CẬP NHẬT CHÍNH SÁCH THUẾ 2025\KHAC\TỜ KHAI ĐKSD HĐĐT- ĐN 70-2025-NĐ-CP.doc

..\CHUYÊN ĐỀ\CẬP NHẬT CHÍNH SÁCH THUẾ 2025\KHAC\TỜ KHAI ĐKSD HĐĐT- ĐN 70-2025-NĐ-CP.doc

NGUYÊN TẮC LẬP HÓA ĐƠN

NGUYÊN TẮC LẬP HÓA ĐƠN
(Đ.4 NĐ 123/2020/NĐ-CP,
ĐƯỢC SĐ, BS TẠI K.3 Đ.1 NĐ
70/2025/NĐ-CP)

Cre: Ths. Nguyễn Hữu Tuyển

BÁN HÀNG HÓA, CUNG CẤP DỊCH VỤ

KM, QC, HÀNG MẪU, BIỂU, TẶNG, TRAO ĐỔI TRẢ THAY LƯƠNG

XUẤT HÀNG CHO VAY, MƯỢN & HOÀN TRẢ

TIÊU DÙNG NỘI BỘ
(TRỪ HH LƯN CHUYÊN NỘI BỘ ĐỂ TIẾP TỤC QTSX)

CÁC TRƯỜNG HỢP LẬP HĐĐT THAY THẾ/ĐIỀU CHỈNH

HỒ GHI ĐẦY ĐỦ NỘI DUNG,
Đ.10 NĐ 123/2020/NĐ-CP; SĐ, BS TẠI K.3 Đ.1 NĐ
70/2025/NĐ-CP.
TH SỬ DỤNG HĐĐT PHẢI CHUẨN DỮ LIỆU CỦA CQT
Đ.12 NĐ 123/2020/NĐ-CP; SĐ, BS TẠI K.3 Đ.1 NĐ
70/2025/NĐ-CP

LƯU Ý PHẠT VPHC HÀNH VI

BÁN HÀNG KHÔNG LẬP HÓA ĐƠN,
KHÔNG LẬP HÓA ĐƠN HH KM, QC, MẪU, BIỂU, TẶNG
TRAO ĐỔI, TRẢ THAY LƯƠNG VÀ
GHI KHÔNG ĐẦY ĐỦ NỘI DUNG BẮT BUỘC

Đ.12 NĐ 123/2020; SĐ, BS TẠI K.9 Đ.1 NĐ 70/2025/NĐ-CP

TCT XD thành phần chứa dữ liệu nghiệp vụ HĐĐT và phương thức truyền nhận với CQT...
TCT công bố thành phần chứa dữ liệu nghiệp vụ HĐĐT và phương thức truyền nhận với CQ
QLT để AD thống nhất; cung cấp công cụ hiển thị các ND của HĐĐT theo quy định tại ND.

..\CẬP NHẬT CHÍNH SÁCH THUẾ 2025\HÓA ĐƠN\QĐ1306 QUY ĐỊNH VỀ THÀNH PHẦN CHỨA DLNV HĐ CT ĐT.docx

NỘI DUNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

NỘI DUNG HÓA ĐƠN



THÀNH PHẦN CHỨA DỮ LIỆU NGHIỆP VỤ HÓA ĐƠN DANH MỤC CHỈ TIÊU TÍNH CHẤT (HÀNG HÓA, DỊCH VỤ).doc

THỜI ĐIỂM LẬP HÓA ĐƠN & TÍNH THUẾ MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP ĐẶC THÙ

LẬP HÓA ĐƠN THỜI ĐIỂM ĐỐI SOÁT

THỜI ĐIỂM HOÀN THÀNH VIỆC ĐỐI SÓT CHẠM NHẤT KHÔNG QUÁ 7 NGÀY CỦA THÁNG SAU/KỲ QUY ƯỚC

CÁC TRƯỜNG HỢP ĐẶC THÙ ĐƯỢC LIỆT KÊ TẠI K.6 Đ.1 NĐ 70/2025/NĐ-CP SĐ, BS ĐIỂM a K.4 Đ.9 NĐ 123/2020/NĐ-CP

THỜI ĐIỂM TÍNH THUẾ GTGT-TNDN:
(1) CHUYÊN GIAO QSH, QSD;
(2) DV HOÀN THÀNH;
(3) CC ĐIỆN, NƯỚC SẠCH: NGÀY XN CHỈ SỐ CÔNG TƠ;
(4) CK PHÁI SINH: KHỚP LỆNH.

CÁC TRƯỜNG HỢP ĐẶC THÙ ĐƯỢC LIỆT KÊ TẠI K.1 Đ.6 NĐ TT 32/2025/TT-BTC
(SP phá sinh, DV cung cấp suất ăn CN, DV của sở giao dịch HH, DV thông tin tín dụng, DV KDVTBK bằng xe taxi (đối với khách hàng là các DN, tổ chức))

HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ LẬP KÈM BẢNG KÊ

**DỊCH VỤ ĐẶC THÙ
K.7 Đ.1 NĐ 70/2025/NĐ-CP
SD, BS ĐIỀM a K.6 ĐIỀU
10 NĐ 123/2020/NĐ-CP**

K1 Đ.6 TT32/2025/TT-BTC
SP phái sinh, DV cung cấp suất ăn CN,
DV của sở giao dịch HH, DV thông tin
tín dụng, DV KDVTHK bằng xe taxi
(đối với khách hàng là các DN, tổ chức)

**CƠ SỞ KHÁM CHỮA BỆNH;
CƯỚC DV V. THÔNG BÁN
THẺ TRẢ TRƯỚC**

**KHUYẾN MẠI, BIỂU
TẶNG; CHIẾT KHẤU TM**

**DV VC HÀNG KHÔNG
XUẤT CHO ĐẠI LÝ; . CS HT
PHỤ THUỘC, ĐẠI LÝ BÁN
HÀNG**

**DỊCH VỤ NGÂN HÀNG;
CSKD TM BÁN LẺ - DV ĂN
UỐNG (BÃI BỎ)**

NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH GIÁ TÍNH THUẾ GTGT

**Bao gồm phụ thu
& phí phụ thêm
ngoài giá**

**GB đã CKTM; CQNN
có thẩm quyền ĐC giá
thì XĐ lại theo KL**

Không bao gồm các khoản: (1) Bồi thường bằng tiền; (2) Tiền thưởng; (3) Thu hộ; (4) Các khoản thù lao từ CQNN; (5) Các khoản thu tài chính

KHÔNG TÍNH THUẾ GTGT & KHÔNG LẬP HÓA ĐƠN

..\..\CHUYÊN ĐỀ\CẬP NHẬT CHÍNH SÁCH THUẾ 2025\VB CQT\CV 4696-CT-CS NGÀY 27-10-2025 KHÔNG TÍNH THUẾ GTGT & KHÔNG LẬP HĐ.jpg

..\..\CHUYÊN ĐỀ\CẬP NHẬT CHÍNH SÁCH THUẾ 2025\VB CQT\CV 4500-CT-CS NGÀY 07-10-2025 TIỀN THƯỞNG KHÔNG TÍNH THUẾ GTGT & KHÔNG LẬP HĐ .doc

..\..\CHUYÊN ĐỀ\CẬP NHẬT CHÍNH SÁCH THUẾ 2024\CẬP NHẬT 06-2024\VB 4129-CTTPHCM-TTHT NGÀY 24-04-2024 VỀ HĐĐT THUẾ GTGT ĐIỆN, NƯỚC THEO TIỀN THUẾ VP .pdf

Công văn 76782/CTHN-TTHT 2023 xuất hóa đơn tiền điện nước cho khách thuê bất động sản Hà Nội

TRƯỜNG HỢP KHÔNG TÍNH THUẾ GTGT



HH, DV ĐỂ TIẾP
TỤC QUÁ
TRÌNH SX,KD



TS ĐIỀU CHUYỂN NỘI BỘ:
CÁC ĐVPT TRONG CSKD;
CHIA, TÁCH, HN, SN, CHUYỂN
LOẠI HÌNH; TSCĐ ĐANG SD ĐC
THEO GIÁ SKT ĐVPT DO CSKD SH
100% VỐN; TS GÓP VỐN



HH, DV XUẤT SD
PHỤC VỤ HĐ
SX,KD (BAO GỒM
TSCĐ TỰ XD, SX)

ĐIỀU CHUYỂN TÀI
SẢN, HÀNG HÓA
KHÔNG LẬP HÓA
ĐƠN

ĐIỀU CHUYỂN TÀI
SẢN, HÀNG HÓA LẬP
HÓA ĐƠN & TÍNH
THUẾ

ĐIỀU CHUYỂN TÀI
SẢN, HÀNG HÓA LẬP
HÓA ĐƠN & KHÔNG
TÍNH THUẾ

..\..\CHUYÊN ĐỀ BỔ TRỢ\CHUYÊN ĐỀ THUẾ GTGT\HƯỚNG DẪN KIỂM
TRA MẪU 01-GTGT.docx

TRƯỜNG HỢP KHÔNG TÍNH THUẾ GTGT



DT HH, DV & DT
HH ĐL BÁN HH,
DV “KCT”



DT HH, DV NHẬN ĐL &
DT HH ĐL BÁN ĐÚNG GIÁ: (1)
DV BC, VT, VÉ XS, VÉ MB, Ô
TÔ, TÀU HOẢ, TÀU THỦY; (2)
ĐL VTQT; (3) ĐL CÁC DV
HÀNG KHÔNG, HÀNG HẢI MÀ
AD TS 0%; (4) ĐLBH



HH XK CÓ XN HQ
NHƯNG KHÔNG
ĐỦ CÁC TT KHÁC

CÁC TRƯỜNG HỢP KHÔNG PHẢI TÍNH THUẾ GTGT K.1 Đ.9 NĐ 181/2025/NĐ-CP

- DT HH, DV nhận bán đại lý và doanh thu hoa hồng được hưởng từ hoạt động đại lý bán đúng giá quy định của bên giao đại lý hưởng hoa hồng của dịch vụ: **buur chính, viễn thông, bán vé xổ số, vé máy bay, ô tô, tàu hỏa, tàu thủy; đại lý vận tải quốc tế; đại lý của các dịch vụ ngành hàng không, hàng hải mà được áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0%; đại lý bán bảo hiểm.**
- DT HH, DV và doanh thu hoa hồng đại lý được hưởng từ hoạt động đại lý bán hàng hóa, dịch vụ thuộc diện không chịu thuế GTGT.

HOẠT ĐỘNG BẢO HIỂM



**“KHÔNG
TÍNH THUẾ
GTGT:
ĐẠI LÝ BẢO
HIỂM**



“KCT”

BH nhân thọ, BH sức khỏe, BH người học, các DV BH khác liên quan đến con người; BH vật nuôi, bảo hiểm cây trồng, các DV BH nông nghiệp khác; BH tàu, thuyền, trang thiết bị và các dụng cụ cần thiết khác phục vụ trực tiếp đánh bắt thủy sản; tái BH; BH các CT, TB dầu khí, tàu chứa dầu mang QT NN do NT dầu khí hoặc NT phụ NN thuê để hoạt động tại vùng biển Việt Nam, vùng biển chồng lấn mà VN và các QG có bờ biển tiếp liền hay đối diện đã thỏa thuận đặt dưới chế độ khai thác chung.



**“10%” MÔI
GIỚI BẢO HIỂM &
BH KHÔNG
THUỘC “KCT”**

TỪ 20/6/2026

**ĐT HH MGDV
BH THUỘC “KCT”:
“KKKNT”**

..\..\CHUYÊN ĐỀ\CẬP NHẬT CHÍNH SÁCH THUẾ 2025\VB CQT\CV THUẾ
CS1 HCM VỀ MGBH.pdf

31

ĐẠI LÝ BÁN VÉ MÁY BAY



**ĐẠI LÝ KHÔNG
PHẢI KHAI
THUẾ GTGT
KHOẢN TIỀN VÉ
MB & THU HỘ**



ĐẠI LÝ LẬP HỒ

- (1) Khoản tiền vé của VNA;
- (2) Các khoản thu hộ để trả công ty khác ngoài VNA.
- (3) Phí dịch vụ của đại lý, tiền thuế GTGT.



VNA

Lập hóa đơn là thời điểm hoàn thành việc **đối soát dữ liệu** giữa các bên **nhưng chậm nhất không quá ngày 10 của tháng sau tháng phát sinh.**

XUẤT HÀNG TIÊU DÙNG NỘI BỘ



PHÁP LUẬT THUẾ TNDN

DOANH THU
Không bao gồm HH,
DV sử dụng để tiếp
tục quá trình SX, KD
của DN



PHÁP LUẬT HÓA ĐƠN - THUẾ GTGT

KHÔNG LẬP HÓA ĐƠN
HH luân chuyển nội bộ để tiếp tục
quá trình sản xuất
KHÔNG TÍNH THUẾ GTGT
HH, DV vụ sử dụng để tiếp tục quá
trình SX, KD của CSKD



PHÁP LUẬT KẾ TOÁN HẠCH TOÁN CHI PHÍ

ĐIỂM d K.3 Đ.8 & NĐ 320/2025/NĐ-CP

Đối với HH, DV dùng để trao đổi, tiêu dùng nội bộ (không bao gồm hàng hóa, dịch vụ sử dụng để tiếp tục quá trình SX, KD của DN) được xác định theo giá bán của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương trên thị trường tại thời điểm trao đổi, tiêu dùng nội bộ

HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KHUYẾN MẠI (K.2 Đ.6 NĐ 181/2025/NĐ-CP)



ĐƯA HÀNG MẪU, DV MẪU DÙNG THỬ KHÔNG TRẢ TIỀN



TẶNG HH, DV KHÔNG THU TIỀN



BÁN HH, DV KÈM THEO THAM DỰ CHƯƠNG TRÌNH MANG TÍNH MAY RỦI

Giá tính thuế bằng không (0)

Giá tính thuế không bao gồm giá trị của hàng hóa, dịch vụ dùng để trao thưởng

ĐIỂM b KHOẢN 3 ĐIỀU 1 NĐ 128/2024/NĐ-CP
SỬA ĐỔI KHOẢN 2 ĐIỀU 17 NĐ 81/2018/ NĐ-CP

Không phải thực hiện thủ tục hành chính TB SCT

Đăng ký hoạt động khuyến mại theo quy định tại Đ.19 NĐ 81/2018/ NĐ-CP, sửa đổi tại K.5 Đ.1 NĐ 128/2024/NĐ-CP (về thủ tục)

HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KHUYẾN MẠI (K.2 Đ.6 NĐ 181/2025/NĐ-CP)



BÁN HH, DV
KÈM CÓ THEO
PMH, PHIẾU
SDDV

Giá tính thuế không bao
gồm giá trị phiếu mua
hàng hoá, phiếu SDDV.

**ĐIỂM b KHOẢN 3 ĐIỀU 1 NĐ
128/2024/NĐ-CP SỬA ĐỔI KHOẢN
2 ĐIỀU 17 NĐ 81/2018/ NĐ-CP**

Không phải thực hiện thủ tục hành
chính TB SCT



BÁN HH, DV
KÈM THEO
PHIẾU DỰ THI
CÓ THƯỞNG

Giá tính thuế không bao
gồm giá trị của hàng hóa,
dịch vụ trúng thưởng
theo phiếu dự thi.

**ĐIỂM b KHOẢN 3 ĐIỀU 1 NĐ 128/2024/NĐ-CP SỬA ĐỔI KHOẢN
2 ĐIỀU 17 NĐ 81/2018/ NĐ-CP**

Không phải thực hiện TTHC TB thực hiện KM theo các hình thức quy
định tại Điều 12, Điều 14 NĐ này có **tổng giá trị giải thưởng, quà tặng
dưới 100 triệu đồng/HH, DV** được bán thông qua sàn GD TMDT, ứng
dụng sàn GD TMDT, website khuyến mại trực tuyến và ứng dụng KM
trực tuyến.



TỔ CHỨC CHƯƠNG
TRÌNH CHO
KHÁCH HÀNG
THƯỜNG XUYÊN

Giá tính thuế không bao gồm
giá trị của thẻ khách hàng,
phiếu ghi nhận sự mua HH,
DV hoặc các hình thức khác.

**SAI, SÓT ĐẦU RA THỰC HIỆN
THEO PHÁP LUẬT VỀ QLT**

**TRƯỜNG HỢP LẬP HĐĐT
ĐC/TT CHO HĐ ĐÃ LẬP SAI**

**TRƯỜNG HỢP KHẤU
TRỪ SAI, SÓT
ĐIỂM d KHOẢN 1 ĐIỀU 14 LUẬT
THUẾ GTGT SỐ 48/2024/QH15**

**TRƯỜNG HỢP HÀNG BÁN TRẢ
LẠI, DV KHÔNG THỰC HIỆN,
CKTM**

**KHAI CT [23], [24], [25] HAY [37]
[38] KỶ HIỆN HÀNH.
LƯU Ý HĐĐT << TK THUẾ GTGT**

**KHAI SAI, SÓT NẾU
KHAI LẠI LÀM
TĂNG SỐ THUẾ
PHẢI NỘP:
KHAI ĐIỀU CHỈNH,
BỔ SUNG KỶ BỊ SAI,
SÓT (KỶ GỐC)**

**KHAI SAI, SÓT NẾU
KHAI LẠI LÀM
GIẢM SỐ THUẾ
PHẢI NỘP/TẶNG,
GIẢM KHẤU TRỪ:
KHAI KỶ PHÁT
HIỆN SAI, SÓT (KỶ
HIỆN HÀNH)**

1. Theo Nghị định 181/2025/NĐ-CP – Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt

Các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt theo Nghị định 181/2025/NĐ-CP và Nghị định 52/2024/NĐ-CP

Hình thức thanh toán không dùng tiền mặt

1. Thanh toán thông thường (chuyển khoản qua ngân hàng)
2. Bù trừ giữa giá trị mua và bán hàng hóa, dịch vụ, vay mượn hàng
3. Bù trừ công nợ qua bên thứ ba có vay/mượn tiền
4. Thanh toán ủy quyền hoặc theo chỉ định của bên thứ ba (Bên thứ ba là một tổ chức hoặc **thẻ nhân đang hoạt động theo quy định của pháp luật**)
5. Thanh toán bằng cổ phiếu, trái phiếu
6. Phần còn lại ≥ 5 triệu sau khi bù trừ
7. Thanh toán vào tài khoản bên thứ ba tại Kho bạc Nhà nước để cưỡng chế
8. Mua trả chậm, trả góp từ 5 triệu đồng trở lên
9. Giá trị nhập khẩu hoặc hóa đơn < 5 triệu đồng hoặc hàng quà biếu, mẫu
10. Người lao động thanh toán hộ theo quy chế, công ty thanh toán lại không dùng tiền mặt
11. Mua nhiều lần trong cùng ngày từ 1 người bán có tổng ≥ 5 triệu đồng

Yêu cầu chứng từ/ chứng minh

1. Chứng từ chuyển khoản không dùng tiền mặt theo quy định tại Nghị định 52/2024/NĐ-CP (không chấp nhận nộp tiền mặt vào tài khoản bên bán) (*)
2. Hợp đồng quy định rõ phương thức bù trừ + biên bản đối chiếu giữa các bên
3. Hợp đồng vay/mượn + chuyển tiền từ bên cho vay sang bên vay
4. Phải có hợp đồng và văn bản ủy quyền rõ + bên thứ ba là tổ chức/cá nhân hợp pháp
5. Hợp đồng mua bán hoặc tài liệu pháp lý
6. Chứng từ chuyển khoản không dùng tiền mặt cho phần còn lại
7. Quyết định của cơ quan nhà nước + chứng từ chuyển tiền vào tài khoản Kho bạc
8. Hợp đồng mua bán + chứng từ thanh toán từng kỳ
9. Không yêu cầu chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt
10. Quy chế tài chính hoặc nội bộ + chứng từ thanh toán lại cho người lao động
11. Chỉ được khấu trừ nếu có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt

2. (*) Theo Nghị định 52/2024/NĐ-CP - các chứng từ và phương tiện được sử dụng để thanh toán không dùng tiền mặt bao gồm:

Chứng từ thanh toán:

1. Séc
2. Lệnh chi
3. Ủy nhiệm chi
4. Nhờ thu
5. Ủy nhiệm thu

Phương tiện thanh toán:

1. Thẻ ngân hàng, bao gồm:
 - 1.1 Thẻ ghi nợ
 - 1.2 Thẻ tín dụng
 - 1.3 Thẻ trả trước
2. Ví điện tử
3. Các phương tiện thanh toán khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước

Đ.4 NĐ 144/2026/NĐ-CP
BS ĐIỂM K.2
Đ.26 NĐ
181/2025/NĐ-CP:
NĐ HÓA CV
5487/CT-CST
NGÀY
25/11/2025

CT [37]/[38]

NGUYÊN TẮC
KHẤU TRỪ
THUẾ GTGT
(KHOẢN 1 ĐIỀU 14
LUẬT THUẾ THUẾ
GTGT 48/2024/QH15)

CT [25]

- a) Thuế GTGT đầu vào sử dụng cho SX, KD HH, DV chịu thuế GTGT: khấu trừ toàn bộ, kể cả thuế GTGT đầu vào không được bồi thường của HH, DV chịu thuế GTGT bị tổn thất, HH bị hao hụt tự nhiên do tính chất lý hóa trong quá trình vận chuyển.
- b) Thuế GTGT đầu vào của HH, DV vụ sử dụng đồng thời: phân bổ.
- c) Thuế GTGT đầu vào của HH, DV bán cho tổ chức, cá nhân sử dụng nguồn vốn viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại được khấu trừ toàn bộ.
- d) Thuế GTGT đầu vào của HH, DV sử dụng cho hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển mỏ dầu khí được khấu trừ toàn bộ.

TK NM LÀ TK CN

ĐIỀU KIỆN KHẤU TRỪ THUẾ GTGT

TK NB LÀ CN

K.2 Đ.14 LUẬT 48/2024/QH15

a) Có hóa đơn GTGT mua HH, DV hoặc chứng từ nộp thuế GTGT ở khâu NK hoặc chứng từ nộp thuế GTGT thay cho phía nước ngoài quy định tại K.3 & K.4 Đ.4 của Luật này. BTC quy định chứng từ nộp thuế GTGT thay cho phía NN.

b) Có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với HH, DV mua vào, trừ một số trường hợp đặc thù theo quy định của CP.

Đ.25 & Đ.26 NĐ 181/2025/NĐ-CP

- Chứng từ nộp thuế GTGT thay cho phía NN theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 14 Luật Thuế GTGT (bao gồm cả chứng từ nộp thuế GTGT theo tỷ lệ % nhân với doanh thu thay cho phía NN).

- CTTT không dùng TM đối với HH, DV mua vào (bao gồm cả HH NK) từ 05 triệu đồng trở lên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

CTTT không dùng TM là chứng từ chứng minh việc TT không dùng TM theo quy định của NĐ 52/2024/NĐ-CP, trừ các chứng từ bên mua **nộp TM** vào TK của bên bán.

ĐIỀU KIỆN KHẤU TRỪ ĐỐI VỚI HH, DV XUẤT KHẨU (NGOÀI ĐK KT THUẾ GTGT ĐẦU VÀO: HĐ, CT & TT KHÔNG DÙNG TM)

HÓA ĐƠN
TMĐT/HĐ BH
HĐ GTGT

HĐ KÝ BÊN
NƯỚC NGOÀI

TỜ KHAI HẢI
QUAN
ĐỐI VỚI HÀNG
XUẤT KHẨU

CHỨNG TỪ
THANH TOÁN
KHÔNG DÙNG
TM

PHIẾU ĐÓNG
GÓI, VẬN ĐƠN,
CT BH (NẾU CÓ)

TRƯỜNG HỢP QUÁ HẠN THANH TOÁN THEO HỢP ĐỒNG DOANH NGHIỆP KHÔNG ĐƯỢC KHẤU TRỪ. SAU ĐÓ CÓ CHỨNG TỪ THANH TOÁN KHÔNG DÙNG TIỀN MẶT

**ĐIỀU KIỆN KHẤU TRỪ THUẾ GTGT ĐẦU VÀO ĐỐI
VỚI TRƯỜNG HỢP ĐẶC THÙ**
(NGOÀI ĐK KT THUẾ GTGT ĐẦU VÀO: HĐ, CT & TT KHÔNG DÙNG TM)

**XÂY DỰNG, LẮP ĐẶT CÔNG TRÌNH Ở NƯỚC NGOÀI
HOẶC TRONG KHU PHI THUẾ QUAN**

K.7 Đ.28 NĐ 181/2025/NĐ-CP

(1) HĐ xây dựng, lắp đặt; (2) Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt

(1) TKHQ hàng hóa, vật tư do CSKD XK để thực hiện CTXD ở NN;
(2) Hàng hóa, vật tư XK phải phù hợp với DM hàng hóa xuất khẩu để thực hiện CTXD ở NN
(K.8 Đ.28 NĐ 181/2025/NĐ-CP)

Hàng hóa là vật liệu xây dựng mua từ nội địa để xây dựng công trình tại DNCX được lựa chọn thực hiện hoặc không thực hiện TTHQ
(K.50 Đ.71 TT 39/2018/TT-BTC)

..CẬP NHẬT CHÍNH SÁCH THUẾ 2026\VĂN BẢN CQT\CV 1767-DNL NGÀY 30.12.25 DN EPE SAU KHI HTXD HQ XN .pdf

4

**ĐIỀU KIỆN KHẤU TRỪ THUẾ GTGT ĐẦU VÀO ĐỐI
VỚI TRƯỜNG HỢP ĐẶC THÙ**
(NGOÀI ĐK KT THUẾ GTGT ĐẦU VÀO: HĐ, CT & TT KHÔNG DÙNG TM)

HÀNG HÓA GIA CÔNG CHUYÊN TIẾP ĐỂ XUẤT KHẨU

K.6 Đ.28 NĐ 181/2025/NĐ-CP

(1) HĐ GC XK & các PLHĐ (nếu có) ký với NN, trong đó ghi rõ cơ sở nhận hàng tại VN; (2) HĐ GTGT ghi rõ giá GC và SL HHGC trả NN và tên CS nhận hàng theo chỉ định của bên NN; (3) Phiếu chuyên giao SP gia công chuyên tiếp có đủ xác nhận của bên giao, bên nhận SP GC chuyên tiếp; (4) HH GC cho NN phải thanh toán không dùng tiền mặt; (5) TKHQ.

1. SPGC của HĐGC này được sử dụng làm nguyên liệu gia công cho HĐGC khác tại VN.
2. SPGC của HĐGC công đoạn trước được giao cho thương nhân theo chỉ định của bên đặt gia công cho hợp đồng gia công công đoạn tiếp theo.

Nếu không có đủ các thủ tục, hồ sơ về điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào theo quy định thì phải tính và nộp thuế GTGT như hàng hóa tiêu thụ nội địa

**ĐIỀU KIỆN KHẤU TRỪ THUẾ GTGT ĐẦU VÀO ĐỐI
VỚI TRƯỜNG HỢP ĐẶC THÙ
(NGOÀI ĐK KT THUẾ GTGT ĐẦU VÀO: HB, CT & TT KHÔNG DÙNG TM)**

SP NỘI DUNG THÔNG TIN SỐ

K.5 Đ.28 NĐ 181/2025/NĐ-CP

Hồ sơ, tài liệu chứng minh DV được tiêu dùng ở ngoài VN theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 17 NĐ này và có CTTT không dùng TM.

ĐIỂM d K.3 Đ.17 NĐ 181/2025/NĐ-CP

SP NỘI DUNG THÔNG TIN SỐ

Bao gồm văn bản, dữ liệu, hình ảnh, âm thanh được thể hiện dưới dạng số, được lưu giữ, truyền đưa trên môi trường mạng xác định theo quy định của pháp luật về CNTT.

HỒ SƠ, TÀI LIỆU CM TD Ở NN

TT về tình trạng cư trú của bên NN; thông tin về truy cập của tổ chức, cá nhân ở NN, như TT về mã vùng ĐT QG của thẻ SIM, địa chỉ IP, vị trí đường dây ĐT CD hoặc các TT tương tự của TC, CN mua HH, DV.

**ĐIỀU KIỆN KHẤU TRỪ THUẾ GTGT ĐẦU VÀO ĐỐI
VỚI TRƯỜNG HỢP ĐẶC THÙ
(NGOÀI ĐK KT THUẾ GTGT ĐẦU VÀO: HB, CT & TT KHÔNG DÙNG TM)**

HH BÁN TẠI KHU VỰC CÁCH LY

K.4 Đ.28 NĐ 181/2025/NĐ-CP

Đối với HH đã bán tại khu vực cách ly cho cá nhân (người nước ngoài hoặc người VN) đã làm thủ tục xuất cảnh; HH đã bán tại cửa hàng miễn thuế: CSKD phải có tài liệu CM việc HH đã bán tại khu vực cách ly, cửa hàng miễn thuế; CSKD phải có BK HH đã bán cho khách xuất cảnh tại khu vực cách ly, cửa hàng miễn thuế theo mẫu tại PL III.

PHỤ LỤC III

**BẢNG KÊ HÀNG HÓA BÁN CHO KHÁCH XUẤT CẢNH
TẠI KHU VỰC CÁCH LY, CỬA HÀNG MIỄN THUẾ**

**..\.\CHUYÊN ĐỀ\CẬP NHẬT CHÍNH SÁCH THUẾ 2025\ND
181\PL III.docx**

HOÀN THUẾ GTGT HÀNG HÓA, DỊCH VỤ XUẤT KHẨU

CSKD CÓ HÀNG HÓA & DỊCH VỤ XK: THUẾ GTGT ĐẦU VÀO TỪ 300 TRIỆU TRỞ LÊN KHÔNG HOÀN THUẾ HÀNG HÓA NHẬP KHẨU, SAU ĐÓ XUẤT KHẨU SANG NƯỚC KHÁC

SỐ THUẾ GTGT ĐƯỢC HOÀN CỦA HH, DV XK \leq 10% (X) DT HH, DV XK CỦA KỲ HT; SỐ THUẾ > 10% ĐƯỢC CHUYỂN KT & XD SỐ THUẾ GTGT ĐƯỢC HOÀN CỦA KỲ TIẾP THEO

CSKD VỪA CÓ HH, DV XK VỪA CÓ HH, DV TT NĐ PHẢI HT RIÊNG. TRƯỜNG HỢP KHÔNG HT RIÊNG THÌ THUẾ GTGT Đ.VÀO XD THEO % DTXK/TỔNG DT CHỊU THUẾ CỦA KỲ HT (TỪ KỲ CÓ THUẾ GTGT Đ.VÀO CHƯA KT HẾT LIÊN TỤC ĐẾN KỲ ĐN HT)

CÁCH XÁC ĐỊNH SỐ THUẾ ĐƯỢC HOÀN ĐỐI VỚI HH, DV XK

[..\CHUYÊN ĐỀ\CẬP NHẬT CHÍNH SÁCH THUẾ 2025\TT 69\PL 2 .doc](#)

HOÀN THUẾ CSKD SX HH, CUNG ỨNG DV TS 5%) KHOẢN 3 ĐIỀU 15 LUẬT THUẾ GTGT SỐ 48/2024/QH15

CSKD SX HÀNG HÓA & CUNG ỨNG DỊCH VỤ THUẾ SUẤT 5%: THUẾ GTGT ĐẦU VÀO TỪ 300 TRIỆU TRỞ LÊN SAU 12 THÁNG/4 QUÝ

Trường hợp CSSX HH, CU DV chịu nhiều mức thuế suất thuế GTGT khác nhau thì được hoàn thuế theo tỷ lệ phân bổ do CP quy định.

CÁCH XÁC ĐỊNH SỐ THUẾ ĐƯỢC HOÀN ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT HÀNG HÓA, CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỊU THUẾ SUẤT THUẾ GTGT 5%

[..\CHUYÊN ĐỀ\CẬP NHẬT CHÍNH SÁCH THUẾ 2025\TT 69\PL3 .docx](#)

HOÀN THUẾ GTGT DỰ ÁN ĐẦU TƯ (KHOẢN 2 ĐIỀU 15 LUẬT THUẾ GTGT SỐ 48/2024/QH15)

**DAĐT (MỚI & MỞ RỘNG) ĐANG TRONG GIAI ĐOẠN
ĐẦU TƯ CHƯA ĐI VÀO HOẠT ĐỘNG & ĐÃ HOÀN
THÀNH TRONG THỜI HẠN 01 NĂM**

Đ.39 NĐ 181/2025/NĐ-CP
Đối với DAAĐT đã được đầu tư trước ngày 01/7/2025 mà vẫn đang trong giai đoạn đầu tư kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì được áp dụng quy định HT đối với đầu tư tại Đ.30 NĐ này.

[..\CHUYÊN ĐỀ\CẬP NHẬT CHÍNH SÁCH THUẾ 2025\KHAC\VB 3577 CT-CS NGÀY 04.9.2025 VẤN HÀNH, CHAY THỦ THUỘC GD THỰC HIỆN DA \(TRUỐC 01.7.2025\).pdf](#)

KHÔNG HOÀN
**(1) KHÔNG GÓP ĐỦ VỐN;
VI PHẠM PL VỀ ĐẦU TƯ,
PL CHUYÊN NGÀNH; PL
ĐẤT ĐAI, XÂY DỰNG.**
**(2) DAAĐT KHAI THÁC TN,
KS & DAAĐT SPXK LÀ TN,
KS KHAI THÁC ĐÃ CB
THÀNH SP KHÁC.**

Đ.30 NĐ 181/2025/NĐ-CP

Trường hợp DAAĐT đang trong giai đoạn DT chưa đi vào hoạt động SX, KD nhưng phải **chậm dứt hoạt động của DAAĐT**, chưa phát sinh thuế GTGT đầu ra của hoạt động SX, KD chính theo DAAĐT thì CSKD phải nộp lại số thuế GTGT đã được hoàn của DAAĐT vào NSNN theo quy định của pháp luật về quản lý thuế; **đối với số thuế GTGT chưa được hoàn thì không được giải quyết hoàn thuế.**

ĐIỀU KIỆN HOÀN THUẾ GTGT K.9, K.10 ĐIỀU 15 LUẬT THUẾ GTGT SỐ 48/2024/QH15

**CƠ QUAN
THUẾ**

Trên cơ sở KQXL của HT CNTT tự động để xác định NB đã kê khai, nộp thuế GTGT

**NB ĐÃ KHAI &
NỘP THUẾ
GTGT**

TỪ 01/01/2026 LUẬT
149/2025/QH15 BỘ ND NÀY

**NB CHƯA NỘP
HSKT/NỘP
THUẾ**

Không được HT đối với các hóa đơn tương ứng

**TRƯỜNG HỢP HĐ GIÁ TRỊ Đ.RA >< TK 01/GTGT
ÁP DỤNG CHO KỲ TÍNH THUẾ THÁNG 07/2025 HOẶC Q.3/2025**

[..\CHUYÊN ĐỀ\CẬP NHẬT CHÍNH SÁCH THUẾ 2025\KHAC\UD TMS HOÀN THUẾ.doc](#)

HOÀN THUẾ GIẢI THỂ - PHÁ SẢN KHOẢN 4 ĐIỀU 15 LUẬT THUẾ GTGT SỐ 48/2024/QH15

**CSKD NỘP THUẾ THEO PHƯƠNG PHÁP KHẤU TRỪ
HOÀN THUẾ KHI GIẢI THỂ, PHÁ SẢN CÓ SỐ THUẾ
GTGT ĐẦU VÀO CHƯA ĐƯỢC KHẤU TRỪ HẾT**

Trường hợp CN của DN giải thể, tổ hợp tác chuyển đổi thành HTX, liên hiệp HTX thì DN, HTX, liên hiệp HTX được kế thừa số thuế GTGT nộp thừa hoặc số thuế GTGT ĐV chưa được khấu trừ hết của tổ hợp tác, chi nhánh để khấu trừ, hoàn thuế theo quy định.

KHÔNG PHẢI GỬI MẪU 01/HT (K1. Đ. 31 TT 80/2021/TT-BTC)

HSĐN HTGTGT ĐV chưa được khấu trừ hết khi chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, **giải thể, phá sản**, chấm dứt hoạt động **thuộc diện CQT phải kiểm tra tại trụ sở của NNT** theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 110 Luật QLT và Chương VIII TT 80/2021/TT-BTC thì **NNT không phải gửi Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu NSNN**. CQT căn cứ kết quả kiểm tra để xác định số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết đủ điều kiện hoàn thuế tại BBKT thuế và thực hiện giải quyết hoàn thuế cho NNT theo quy định.

PHẦN II. PHÁP LUẬT VỀ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP



**NGHỊ ĐỊNH 320/2025/NĐ-CP
HƯỚNG DẪN LUẬT
THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**



**THÔNG TƯ 20/2026/TT-BTC
HƯỚNG DẪN LUẬT THUẾ THU NHẬP
DOANH NGHIỆP VÀ NGHỊ ĐỊNH 320**

HIỆU LỰC THI HÀNH

LUẬT THUẾ TNDN SỐ 67/2025/QH15 CÓ HIỆU LỰC THI HÀNH TỪ NGÀY 01/10/2025; ÁP DỤNG TỪ KỶ TÍNH THUẾ NĂM 2025.

NĐ SỐ 320/2025/NĐ-CP CÓ HIỆU LỰC THI HÀNH TỪ NGÀY 15/12/2025; ÁP DỤNG TỪ KỶ TÍNH THUẾ NĂM 2025.

TT 20/2026/TT-BTC CÓ HIỆU LỰC THI HÀNH TỪ NGÀY 12/3/2026; ÁP DỤNG TỪ KỶ TÍNH THUẾ NĂM 2025.

Đ.55 & Đ.58 LUẬT BAN HÀNH VBQPPL 64/2025/QH15

1. VB QPPL được áp dụng từ thời điểm **bắt đầu có hiệu lực**.
2. VB QPPL được áp dụng đối với hành vi, sự kiện xảy ra tại thời điểm mà văn bản đó đang có hiệu lực. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật có **quy định hiệu lực trở về trước** thì áp dụng theo quy định đó.
3. VB QPPL **không được** quy định hiệu lực trở về trước đối với các trường hợp sau đây: a) Quy định trách **nhiệm pháp lý mới** đối với hành vi mà vào thời điểm thực hiện hành vi đó pháp luật không quy định trách nhiệm pháp lý; b) Quy định **trách nhiệm pháp lý nặng hơn**.

KỶ KẾ TOÁN & KỶ TÍNH THUẾ TNDN

1. Kỳ tính thuế theo **năm dương lịch** hoặc **năm tài chính** do DN **lựa chọn**, trừ trường hợp quy định tại K.2 Điều này. Trường hợp năm tài chính thì **TB với CQT** trước khi thực hiện.

2. Kỳ tính thuế đối với DN quy định tại **điểm c** (DN NN có CSTT tại VN nộp thuế đối với TNCT PS tại VN mà khoản TN này không LQ đến HĐ của CSTT: PP tỷ lệ, Mẫu 05/TNDN-TT 21/2026/TT-BTC), **điểm d** (DN NN không có CSTT tại VN, bao gồm cả các DN KD TMĐT, KD dựa trên NT số, nộp thuế đối với TNCT PS tại VN: PP tỷ lệ) K.2 Đ.2 của Luật này thực hiện theo quy định của **PL về QLT**.

K.4 Đ.2 LUẬT 56/2024/QH15 SĐ, BS K.4 Đ.12 LUẬT KẾ TOÁN

Trường hợp kỳ kế toán năm đầu tiên hoặc kỳ kế toán năm cuối cùng có thời gian **không quá 03 kỳ kế toán tháng liên tiếp** thì được phép cộng với kỳ kế toán năm tiếp theo hoặc cộng với kỳ kế toán năm trước đó để tính thành một kỳ kế toán năm; kỳ kế toán năm đầu tiên hoặc kỳ kế toán năm cuối cùng phải không quá 15 tháng.

THU NHẬP CHỊU THUẾ TNDN

THU NHẬP CHỊU THUẾ

Thu nhập chịu thuế TNDN bao gồm thu nhập từ hoạt động SX, KD hàng hóa, DV và thu nhập khác.

Thu nhập khác (K.2 Đ.3 Luật 67/2025/QH15)

QUY ĐỊNH VỀ THUẾ TTTC

DN phải nộp thuế TNDN bổ sung về tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu (IIR) theo quy định của PL thì thuế TNDN BS phải nộp được trừ vào số thuế TNDN phải nộp tại VN theo quy định của Luật này.

..\CHUYÊN ĐỀ BỒ TRỢ\CHÔNG XÓI MÒN CƠ SỞ THUẾ TOÀN CẦU\CHÔNG XÓI MÒN CƠ SỞ THUẾ TOÀN CẦU.pptx

TN PS TẠI VN CỦA DN NN

Quy định tại điểm c, điểm d khoản 2 Điều 2 của Luật này là thu nhập nhận được có nguồn gốc từ VN, **không phụ thuộc vào ĐĐ tiến hành kinh doanh.**

DN VN ĐẦU TƯ Ở NN

Có PS thu nhập từ hoạt động SX, KD tại NN trong kỳ tính thuế được trừ số thuế TNDN phải nộp theo quy định của nước tiếp nhận ĐT vào số thuế TNDN phải nộp ở VN, nhưng **không được vượt quá số thuế TNDN tính theo quy định của pháp luật về thuế TNDN của VN.**

THU NHẬP KHÁC

TT 99/2025/TT-BTC

- Trường hợp DN được tài trợ, biếu, tặng TS phi tiền tệ hoặc cổ phần/cổ phiếu/phần vốn góp mà **chưa có thông tin về giá trị** thì việc xác định giá trị của các tài sản này có thể căn cứ vào **giá TT** của TS hoặc GT theo đánh giá của DN phải TM trên BCTC.

- Khoản tiền **phạt VPHĐ**, DN xem xét bản chất để hạch toán phù hợp:

+ Đối với bên **bán**: khoản tiền phạt **nằm ngoài GTHĐ** ghi nhận là TN khác.

+ Đối với **NM**: khoản tiền phạt thu được từ NB **nằm ngoài GTHĐ** ghi nhận là TN khác. Nếu số tiền phạt này thỏa thuận giảm trừ số tiền NM phải TT thì **ghi giảm GT hàng mua.**

Bỏ: khi hết thời hạn bảo hành công trình xây lắp: Nợ TK 352 / Có TK 711

PHÁP LUẬT THUẾ TNDN BẰNG (=)

(I) TK 515:

a) Thu nhập từ **CNV, CN quyền góp vốn, CNCK**;

e) Thu nhập từ **lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn, bán ngoại tệ, trừ thu nhập từ hoạt động tín dụng của TCTD**;

m) TN từ hoạt động SX, KD ở nước ngoài;...

(II) TK DT - TK CP:

b) **Bỏ TN từ CN BDS của DN KD BDS**;

l) Thu nhập từ **hợp đồng HTKD**;...

(III) Cộng TK 711:

h) **CL giữa thu về tiền phạt, tiền bồi thường do VP HĐKT hoặc thưởng do thực hiện tốt cam kết theo HĐ**;

k) **CL do đánh giá lại TS** theo quy định của pháp luật để góp vốn, điều chuyển khi sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi CSH, chuyển đổi loại hình DN;...

..\CHUYÊN ĐỀ BỒ TRỢ\CHUYÊN ĐỀ KHÁC\SO SÁNH TK 511 - TK 515 - TK 711 & PHÁP LUẬT THUẾ GTGT - TNDN.pptx

THU NHẬP MIỄN THUẾ

Đ.4 NĐ 320/2025/NĐ-CP

1. TN từ HĐ đánh bắt hải sản; thu nhập của DN từ sản xuất SP cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản ở địa bàn có ĐKKT-XH ĐBKK.
2. TN của HTX, LHHTX HĐ trong lĩnh vực N-L-N-D nghiệp ở địa bàn có ĐKKT-XH KK hoặc ở địa bàn có ĐKKT-XH ĐBKK.
3. TN từ việc thực hiện DV kỹ thuật trực tiếp PV nông nghiệp.
4. TN từ việc thực hiện HĐ R&D, PT công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, từ bán SP làm ra từ công nghệ mới lần đầu tiên áp dụng ở VN được miễn thuế 03 năm.
5. TN từ HĐ SX, KD của DN có từ 30% số LĐBQ trong năm trở lên là người khuyết tật, người sau cai nghiện ma túy, người nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS).
6. TN từ HĐ GD nghề nghiệp, ĐT nghề nghiệp dành riêng cho người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, đối tượng tị nạn xã hội.
7. TN được chia từ HĐ góp vốn, mua cổ phần, liên doanh, liên kết kinh tế với DN trong nước.
8. Khoản tài trợ nhận được để sử dụng cho HĐ giáo dục, văn hóa, nghệ thuật, từ thiện, nhân đạo và HĐ xã hội khác tại VN.

Đ.4 NĐ 320/2025/NĐ-CP

9. Khoản CL do đánh giá lại TS theo quy định của PL để cổ phần hóa, sắp xếp lại DN do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.
10. TN từ CN chứng chỉ giảm phát thải, CN tín chỉ các-bon lần đầu của DN được cấp chứng chỉ giảm phát thải, tín chỉ các-bon; thu nhập từ tiền lãi trái phiếu xanh; thu nhập từ CN trái phiếu xanh lần đầu sau khi phát hành.
11. TN (bao gồm cả lãi TGNH, lãi trái phiếu CP, lãi tín phiếu KB) từ thực hiện nhiệm vụ NN giao: a) NH Phát triển VN; b) NH CSXH; c) Công ty TNHH MTV quản lý TS của các TCTD; d) Quỹ BHHH VN, TC BH tiền gửi, Quỹ BHYT,...
12. Phần TN không chia của CS thực hiện XHH.
13. TN từ chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên chuyển giao cho tổ chức, cá nhân ở địa bàn có ĐKKT-XH ĐBKK.
14. TN của ĐVSN công lập từ CCDV vụ sự nghiệp công.
- 14.a. Thu nhập của DN, TC được thành lập theo quy định của pháp luật VN có tổng DT năm từ mức quy định của CP trở xuống (≤ 01 tỷ).

HOẠT ĐỘNG TRỒNG TRỌT, CHĂN NUÔI

THU NHẬP MIỄN THUẾ

SP cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản ĐKKT-XH ĐBKK

THUẾ SUẤT 10%

SP cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản ĐKKT-XH KK MIỄN 2 GIẢM 4

THUẾ SUẤT 15%

SP cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản ĐB KHÔNG THUỘC ĐB ƯU ĐÃI MIỄN 2 GIẢM 4: KHU KT KHÔNG NẪM TRÊN ĐB KK & ĐBKK

HOẠT ĐỘNG CHẾ BIẾN THỦY SẢN

- 1) Chế biến từ sản phẩm tươi sống đã qua đông lạnh đến -18 độ C (ngoại trừ hoạt động ướp lạnh thực hiện trên tàu đánh bắt);
- 2) Chế biến từ sản phẩm tươi sống thành sản phẩm chín;
- 3) CB từ nguyên liệu có pha trộn gia vị phụ liệu để ra hàng GTGT.

XÁC ĐỊNH LỖ - CHUYỂN LỖ & BÙ TRỪ LÃI - LỖ



NGUYÊN TẮC BÙ TRỪ

Lỗ của hoạt động sản xuất, kinh doanh được bù trừ vào thu nhập chịu thuế của các hoạt động sản xuất, kinh doanh có lãi.



SỐ, BS QUY ĐỊNH

Cho phép được bù trừ lãi, lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BĐS, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư với lãi, lỗ từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, trừ hoạt động sản xuất, kinh doanh đang được hưởng ưu đãi thuế



KHÔNG BÙ TRỪ

TNCT từ HĐ chuyển nhượng DABT thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; chuyển nhượng quyền tham gia DABT thăm dò, khai thác, chế biến KS; chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác, chế biến KS phải xác định riêng để kê khai nộp thuế, không được bù trừ lỗ, lãi với hoạt động sản xuất, kinh doanh trong kỳ tính thuế

TRÍCH LẬP QUỸ KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ

DN, TỔ CHỨC, ĐVSN

Được được trích tối đa **20%** thu nhập tính thuế hàng năm để lập Quỹ KH & CN. Trường hợp DN đã lựa chọn trích lập Q KH, CN và ĐMST, chuyển đổi số theo quy định tại NQ 198/2025/QH15 thì không trích lập Q KH & CN theo quy định tại Luật Thuế TNDN.

TRONG THỜI HẠN 5 NĂM

Nếu không SD hoặc SD không hết 70% hoặc SD không đúng mục đích thì phải nộp NSNN phần thuế TNDN và phần lãi phát sinh từ số thuế TNDN đó. LS tính lãi đối với số thuế thu hồi tính trên phần Quỹ không sử dụng hết quy định tại K.2 Đ.17 của Luật Thuế TNDN là lãi suất trái phiếu KB loại **kỳ hạn 05 năm hoặc kỳ hạn 10 năm** (trong trường hợp không có loại kỳ hạn 05 năm) được phát hành gần thời điểm thu hồi nhất và thời gian tính lãi là 02 năm, **kể cả trường hợp DN hoàn nhập Quỹ trước thời hạn 05 năm**. Lãi suất tính lãi đối với số thuế thu hồi tính trên **phần quỹ SD sai mục đích** là mức tính **tiền chậm nộp** theo quy định của Luật QLT và thời gian tính lãi là khoảng TG kể từ khi trích lập quỹ đến khi thu hồi.

TT 20/2026/TT-BTC

- Trường hợp TSCĐ đã được hình thành từ nguồn Quỹ PTKH & CN của DN để PV cho HĐ NC KH & CN chưa hết hao mòn mà được chuyển giao cho HĐ SX, KD của DN thì phần giá trị còn lại của TSCĐ tính vào thu nhập khác và phần giá trị còn lại của TSCĐ đó được trích KH, tính vào CP được trừ.
- DN lập BC trích lập, sử dụng Quỹ PTKH & CN theo Mẫu số 03-6.

DOANH NGHIỆP NỘP THUẾ PHƯƠNG PHÁP TỶ LỆ

Đ.12 NĐ 320/2025/NĐ-CP

DN có tổng DT năm không quá 03 tỷ đồng quy định tại Đ.11 của NĐ này (TS 15%, trong TH không XD được CP, TN của HĐ SX, KD thì nộp thuế theo tỷ lệ:

- 1) PP, CC HH: **0,3%**;
- 2) SX, VT, DV có gắn với HH, XD có bao thầu: **1,2%**;
- 3) DV (bao gồm cả lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay), XD không bao thầu: **4%**;
- 4) CC SP & DV nội dung thông tin số về giải trí, trò chơi điện tử, phim số, ảnh số, nhạc số, quảng cáo số: **4%**;
- 5) Hoạt động khác: **0,5%**.

K.2 Đ.12 LUẬT 48/2024/QH15

DN có DT hằng năm dưới mức ngưỡng doanh thu 01 tỷ đồng, trừ trường hợp tự nguyện áp dụng phương pháp khấu trừ thuế quy định tại khoản 2 Điều 11 của Luật này;

- 1) Phân phối, cung cấp hàng hóa: **1%**;
- 2) Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu: **5%**;
- 3) Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: **3%**;
- 4) HĐKD khác: **2%**.

[TT 69\BẢNG TÍNH TỶ LỆ % THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP.doc](#)

HTX, ĐVSN, TC KHÁC NỘP THUẾ P.PHÁP TỶ LỆ

Đ.12 NĐ 320/2025/NĐ-CP

ĐVSN được thành lập theo quy định của pháp luật VN; HTX, LHHTX được thành lập theo quy định của Luật HTX; TC khác có HĐ SX, KD hàng hoá, DV có thu nhập chịu thuế TNDN (trừ thu nhập được miễn thuế quy định tại Điều 4 của NĐ này) mà các đơn vị này HT được DT nhưng không XD được CP, TN của HĐ SX, KD:

- 1) Đối với DV (bao gồm cả lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay): **5%**. Riêng DV trong lĩnh vực giáo dục, y tế, biểu diễn nghệ thuật: **2%**;
- 2) Đối với SX, KD HH: **1%**;
- 3) Đối với hoạt động khác: **2%**.

K.2 Đ.12 LUẬT 48/2024/QH15

1) HTX, liên hiệp HTX có DT thu hằng năm dưới mức ngưỡng doanh thu 01 tỷ đồng, trừ trường hợp tự nguyện áp dụng phương pháp khấu trừ thuế quy định tại khoản 2 Điều 11 của Luật này;

2) Tổ chức khác, trừ trường hợp nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế quy định tại khoản 2 Điều 11 của Luật này.

- 1) Phân phối, cung cấp hàng hóa: **1%**;
- 2) Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu: **5%**;
- 3) SX, VT, DV có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: **3%**;
- 4) HĐKD khác: **2%**;

[TT 69\BẢNG TÍNH TỶ LỆ % THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP.doc](#)

NGƯỜI NỘP THUẾ PHƯƠNG PHÁP TỶ LỆ

TỜ KHAI THUẾ GTGT MẪU 04/GTGT

(Áp dụng đối với người nộp thuế tính thuế theo phương pháp trực tiếp trên doanh thu)

TỜ KHAI THUẾ TNDN MẪU 04/TNDN

(Áp dụng đối với PP tỷ lệ trên doanh thu)
[01] Kỳ tính thuế: Năm...../Lần phát sinh ngày.....tháng.....năm.....

K.6 Đ.8 NĐ 126/2021/NĐ-CP

Thuế TNDN: khai quyết toán năm. NNT phải tự xác định số thuế TNDN tạm nộp quý và được trừ số thuế đã tạm nộp với số phải nộp theo quyết toán thuế năm.

TT 133/2016/TT-BTC

DN siêu nhỏ nộp thuế TNDN tính theo tỷ lệ % trên doanh thu không bắt buộc phải lập BCTC để nộp cho CQT.

THUẾ NHÀ THẦU NƯỚC NGOÀI

ĐIỂM c K.3 Đ.10 TT 69/2025/TT-BTC (TỪ 01/7/2025 BÃI BỎ)

- Đ.6 TT 103/2014/TT-BTC: Đối tượng chịu thuế GTGT.
- Đ.9 & Đ.15 TT 103/2014/TT-BTC: Thuế GTGT thực hiện theo quy định của Luật Thuế GTGT và các VB hướng dẫn thi hành.
- Đ.12 TT 103/2014/TT-BTC: DT tính thuế GTGT và tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu.

ĐIỂM a K.7 Đ.10 TT 20/2026/TT-BTC (TỪ 12/3/2026 BÃI BỎ)

- Đ.1 & Đ.2 TT 103/2014/TT-BTC: Đối tượng AD & không áp dụng
 - Đ.7 & Đ.10 TT 103/2014/TT-BTC: Thu nhập chịu thuế TNDN thực hiện theo quy định của Luật Thuế TNDN và các VB hướng dẫn thi hành.
 - Đ.13 & Đ.16 TT 103/2014/TT-BTC: DT tính thuế GTGT;
- Trừ điểm b11 K. Đ.13 (còn áp dụng): DT tính thuế TNDN đối với giao dịch hoán đổi lãi suất.

NHÀ CUNG CẤP NƯỚC NGOÀI KINH DOANH DỰA TRÊN NỀN TẢNG TMĐT, NỀN TẢNG SỐ

TC KD tại VN áp dụng phương pháp tính thuế GTGT là phương pháp khấu trừ thuế mua DV của nhà CCNN không có CSTT tại VN thông qua kênh TMĐT hoặc các nền tảng số thực hiện khấu trừ, nộp thay NV thuế phải nộp của nhà CCNN

NHÀ CCNN KHÔNG CÓ CƠ SỞ THƯƠNG TRÚ TẠI VN CÓ HĐ TMĐT, KD DỰA TRÊN NỀN TẢNG SỐ & DV KHÁC

Cre: Ths. Nguyễn Hữu Tuyên

ĐĂNG KÝ TỰ NGUYỄN SỬ DỤNG HĐĐT
K.1 Đ.1 NĐ 70/2025/NĐ-CP BS ĐIỂM e VÀO K.1
Đ.2 NĐ 123/2020/NĐ-CP

KHAI THUẾ THEO PPKT & SỬ DỤNG HÓA ĐƠN.
K.5 Đ.1 NĐ 70/2025/NĐ-CP BS ĐIỂM đ VÀO K.1
Đ.8 NĐ 123/2020/NĐ-CP

KHAI THUẾ GTGT PP KHẤU TRỪ.
K.2 Đ.2 LUẬT THUẾ GTGT 48/2024/QH15

K.2 Đ.11 LUẬT THUẾ TNDN SỐ 67/2025/QH15

CP quy định số thuế TNDN phải nộp tính theo tỷ lệ % trên DT đối với các trường hợp sau đây:

a) DN quy định tại **điểm c** (DN NN có CSTT tại VN nộp thuế đối với TNCT PS tại VN mà khoản thu nhập này **không liên quan đến HĐ của CSTT**), **điểm d** (DN NN không có CSTT tại VN, bao gồm cả các **DN KD TMĐT, kinh doanh dựa trên nền tảng số, nộp thuế đối với TNCT phát sinh tại VN**) **K.2 Đ.2 của Luật này**; đối tượng thực hiện nghĩa vụ kê khai, nộp thuế, thời điểm và cách xác định doanh thu tính thu nhập chịu thuế phát sinh tại VN;

...

THUẾ NTNN THEO PHƯƠNG PHÁP TỶ LỆ

K.3 Đ.12 NĐ 320/2025/NĐ-CP

- 1) CC và phân PP HH tại VN theo hình thức XK, NK tại chỗ hoặc theo các điều khoản TMQT (Incoterms): 1%; riêng DNN bán NL, VT, LK tại khu PTQ để NK vào VN PV SX hàng XK, GC hàng XK theo HĐ không phải nộp CIT;
- 2) DV: 5%;
- 3) Cho thuê máy bay, trực thăng, tàu lượn (kể cả thuê động cơ, PT), tàu biển: 2%; cho thuê giàn khoan, MM, TB, PTVT: 5%;
- 4) Tiền bản quyền: 10%;
- 5) Lãi tiền vay: 5%; g) CNCK; tái BH ra NN: 0,1%; DVTC phát sinh: 2%; CNV: 2%;

K.2 Đ.12 LUẬT 48/2024/QH15

TCNN không có CSTT tại VN, C>NN là đối tượng không cư trú tại VNN có DTPS tại VN chưa thực hiện đầy đủ CDKT, hóa đơn, chứng từ (**không bao gồm** nhà CCNN không có CSTT tại VN có HĐKD TMĐT, KD dựa trên nền tảng số với TC, CN tại VN) áp dụng PP tỷ lệ % như sau (PL 1TT 69/2025/TT-BTC):

- 1) Phân phối, cung cấp hàng hóa: **1%**;
- 2) Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu: 5%;
- 3) SX, VT, DV có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: 3%;
- 4) HĐKD khác: **2%**;

6) XD, VT và HĐ khác: 2%.

CHUYÊN ĐỀ BỔ TRỢ THUẾ NHÀ THẦU KHÁC BẢNG TÍNH THUẾ GTGT - TNDN NTNN THEO TỶ LỆ.doc

GIAO DỊCH TÁI CƠ CẤU SỞ HỮU NỘI BỘ TĐ

Đ.12 NĐ 320/2025/NĐ-CP

i) CNV (trừ TH GD tái cơ cấu SH của các công ty trong NB TĐ không làm thay đổi công ty mẹ tối cao của các bên tham gia có SH TT, GT DN tại VN sau tái cơ cấu và không PS thu nhập): 2%;

K.1 Đ.7 TT20/2026/TT-BTC

Bao gồm các TH: chia, tách công ty; HN công ty; SN công ty; hoán đổi cổ phần; góp vốn bằng cổ phần; phân chia lợi nhuận, cổ tức bằng cổ phiếu trong NB TĐ và các giao dịch dịch chuyển SH TT hoặc GT DN tại VN.

Đáp ứng đồng thời các ĐK sau: (1) Không làm thay đổi CSH hưởng lợi cuối cùng;

(2) Giá trị CN không ghi cao hơn GTGS hoặc GT vốn góp ban đầu;

(3) GD không tạo CLGT, GT được XD theo HS tái cơ cấu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt không cao hơn GT được ghi nhận tại thời điểm CNV;

(4) Bên nhận CN kế thừa toàn bộ giá trị vốn, nghĩa vụ và quyền lợi liên quan đến khoản đầu tư của bên CN.

DOANH THU TÍNH THUẾ GTGT

Đ.13 NĐ 181/2025/NĐ-CP

Đối với DV do TC NN không có CSTT tại VN, CN ở NN là đối tượng không cư trú tại VN có DT phát sinh tại VN chưa thực hiện đầy đủ CĐKT, HĐ, CT, không bao gồm các nhà CC NN quy định tại K.4 Đ.4 của Luật Thuế GTGT thì giá tính thuế GTGT là toàn bộ DT do cung cấp DV, DV gắn với HH thuộc đối tượng chịu thuế GTGT mà DV NN, DV phụ NN nhận được, chưa trừ các khoản thuế phải nộp, kể cả các khoản chi phí do Bên VN trả thay DV NN, DV phụ NN (nếu có).

ĐIỂM a K.4 Đ.9 TT 69/2025/TT-BTC

Giá tính thuế GTGT là toàn bộ DT do CC DV, DV gắn với HH thuộc DT chịu thuế GTGT mà NTNN, NTPNN nhận được, chưa trừ các khoản thuế phải nộp, kể cả các khoản CP do Bên VN trả thay NTNN, NTPNN (nếu có) theo quy định tại Đ.13 NĐ 181/2025/NĐ-CP.

ĐIỂM a K.5 Đ.9 TT 69/2025/TT-BTC

Trường hợp theo thỏa thuận tại HĐ NT, HĐ NTP, DT NTNN, NTPNN nhận được không bao gồm thuế GTGT phải nộp thì DT tính thuế GTGT phải được quy đổi thành DT có thuế GTGT và được XD theo công thức sau:

DOANH THU TÍNH THUẾ TNDN

K.3 Đ.7 TT 20/2026/TT-BTC

DT tính TNDN là **toàn bộ DT** mà NTNN, NTPNN nhận được, chưa trừ các khoản thuế phải nộp. DT tính TNDN được tính bao gồm cả các khoản CP do bên VN trả thay NTNN, NTPNN (nếu có).

Trường hợp theo thỏa thuận tại HĐ NT, HĐ NTP, DT NTNN, NTPNN nhận được không bao gồm TNDN phải nộp thì DT tính TNDN được xác định theo công thức sau:

$$\text{DT tính thuế TNDN} = \frac{\text{DT không bao gồm thuế TNDN}}{1 - \text{Tỷ lệ \% trên DT tính TNDN}}$$

K.1 Đ.13 TT 103/2014/TT-BTC

DT tính thuế TNDN là toàn bộ DT **không bao gồm thuế GTGT** mà NTNN, NTP NN nhận được, chưa trừ các khoản thuế phải nộp. DT tính thuế TNDN được tính bao gồm cả các khoản CP do Bên VN trả thay NT NN, NTP NN (nếu có).

Trường hợp, theo thỏa thuận tại HĐ NT, HĐ NTP, DT NT NN, NTP NN nhận được không bao gồm thuế TNDN phải nộp thì DT tính thuế TNDN được xác định theo công thức sau:

$$\text{DT tính thuế TNDN} = \frac{\text{DT không bao gồm thuế TNDN}}{1 - \text{Tỷ lệ \% trên DT tính TNDN}}$$

..\CẬP NHẬT CHÍNH SÁCH THUẾ 2026\KHAC\BAN TINH THUE NNTT.xls

DOANH THU TÍNH THUẾ TNDN

1. Toàn bộ tiền bán HH, tiền gia công, tiền CC DV bao gồm cả khoản trợ giá, phụ thu, phụ trội mà DN được hưởng không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền (chưa bao gồm thuế GTGT).

2. Đối với DN nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp trên GTGT là doanh thu bao gồm cả thuế GTGT.



3. Trường hợp DN có hoạt động cho thuê tài sản trả tiền trước cho nhiều năm thì DT được PB cho số năm trả tiền trước hoặc được XD theo DT trả tiền một lần (không áp dụng ưu đãi).

DOANH THU BÁN HÀNG HÓA PHÁP LUẬT KẾ TOÁN & PHÁP LUẬT THUẾ TNDN

GHI NHẬN DOANH THU

TT 99/2025/TT-BTC

- DN đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với QSH SP, HH cho NM;
- DN không còn **nắm giữ quyền quản lý HH** như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát HH;
- DT được xác **định tương đối chắc chắn**;
- DN đã hoặc sẽ **thu được lợi ích kinh tế** từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các **chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng**.

TÍNH THUẾ TNDN

K.2 Đ.8 & NĐ 320/2025/NĐ-CP

Thời điểm **chuyển giao QSH hoặc QSD** cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.
Đối với hàng hóa, DV bán theo phương thức trả góp, trả chậm là tiền bán hàng hóa, DV trả tiền một lần, không bao gồm tiền lãi trả góp, tiền lãi trả chậm.

DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ PHÁP LUẬT KẾ TOÁN & PHÁP LUẬT THUẾ TNDN

GHI NHẬN DOANH THU

TT 99/2025/TT-BTC

- DT được **xác định tương đối chắc chắn**. **Khi HĐ quy định NM được quyền trả lại DV** đã mua theo những ĐK cụ thể, DN chỉ được ghi nhận DT khi những ĐK cụ thể đó không còn tồn tại và NM không được quyền trả lại DV đã cung cấp;
- DN **đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế** từ giao dịch CCDV đó;
- Xác định được **phần công việc đã hoàn thành** vào thời điểm BC;
- Xác **định được chi phí PS** cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch CCDV đó.

TÍNH THUẾ TNDN

K.2 Đ.8 & NĐ 320/2025/NĐ-CP

Đối với hoạt động cung ứng DV là thời điểm hoàn thành việc cung ứng DV hoặc hoàn thành từng phần việc cung ứng DV cho NM trừ trường hợp khoản 3 Điều này:

K.3 Đ.8 & NĐ 320/2025/NĐ-CP

- Đối với hoạt động cho thuê TS/ hoạt động kinh doanh DV khác là số tiền bên thuê trả từng kỳ/toàn bộ số tiền cho thuê TS của số năm trả tiền trước.
- Đối với hoạt động vận tải là toàn bộ **doanh thu vận chuyển hành khách, hàng hóa, hành lý phát sinh trong kỳ tính thuế**.

CHUYỂN NHƯỢNG VỐN, CHỨNG KHOÁN, SẢN PHẨM PHÁI SINH

K.2 Đ.8 & ND 320/2025/ND-CP

h) Đối với hoạt động ngân hàng, chứng khoán (bao gồm cả chứng khoán phái sinh), bảo hiểm, việc XD DT thực hiện theo quy định đối với pháp luật về chế độ tài chính của TCTD, chi nhánh NH nước ngoài, PL về chứng khoán và PL về BH.

Đối với dịch vụ tài chính phái sinh, việc xác định doanh thu thực hiện theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật khác có liên quan (nếu có);

K.2 Đ.5 TT 20/2026/TT-BTC

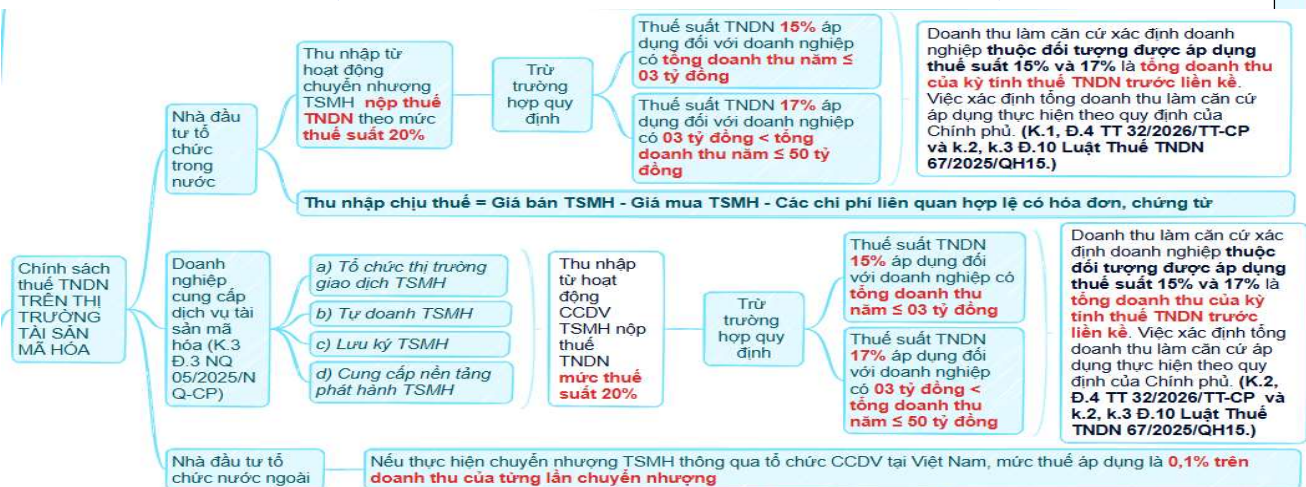
a) Đối với **HĐ CNV**, thời điểm xác định DT tính TNDN là thời điểm **HĐ CNV ban đầu có hiệu lực theo quy định**;

b) Đối với **CNCK**, chứng chỉ tiền gửi, thời điểm xác định DT tính TNDN là thời điểm **CN**;

c) Đối với **CNCK phái sinh là HĐ tương lai**, thời điểm xác định DT tính TNDN là thời điểm **khớp lệnh mua, bán HĐ tương lai** của nhà đầu tư trên hệ thống giao dịch của Sở GDCN hoặc thời điểm **HĐ tương lai đáo hạn**.

CHUYỂN NHƯỢNG TÀI SẢN MÃ HÓA

THUẾ TNDN TRÊN THỊ TRƯỜNG TÀI SẢN MÃ HÓA (Đ.4, Đ.6 TT 32/2026/TT-BTC NGÀY 27/03/2026)



Thời điểm tính thuế đối với hoạt động chuyển nhượng tài sản mã hóa **được thực hiện theo các quy định hiện hành** của PL về thuế TNDN, thuế TNCN **đối với chuyển nhượng chứng khoán** và các quy định pháp luật về tài sản mã hóa

Thời điểm xác định doanh thu

Thời điểm xác định doanh thu đối với chuyển nhượng chứng khoán, chứng chỉ tiền gửi là **thời điểm chuyển nhượng** (Thông tư 20/2026/TT-BTC hướng dẫn điểm c k.2 Đ.8 và k.3 Đ.12 ND 320/2025/ND-CP)

CHI PHÍ ĐƯỢC TRỪ TÍNH THUẾ TNDN

ĐIỀU KIỆN:

- (1) THỰC TẾ PHÁT SINH LIÊN QUAN ĐẾN HĐ SXKD
- (2) CÓ ĐỦ HÓA ĐƠN, CHỨNG TỪ HỢP PHÁP
- (3) THANH TOÁN KHÔNG DỪNG TIỀN MẶT (THEO PL VAT)



..\..\CHUYÊN ĐỀ BỔ TRỢ\CHUYÊN ĐỀ THUẾ TNDN\CHUYÊN ĐỀ CHI PHÍ KẾ TOÁN & ĐIỀU KIỆN XÁC ĐỊNH CHI PHÍ ĐƯỢC TRỪ TÍNH THUẾ TNDN.pptx

ĐIỀU KIỆN TÍNH CHI PHÍ ĐƯỢC TRỪ

CHI PHÍ THỰC
TẾ PHÁT SINH
LIÊN QUAN
ĐẾN HĐ SX, KD

HÓA ĐƠN,
CHỨNG TỪ
HỢP PHÁP

THANH TOÁN
KHÔNG DỪNG
TIỀN MẶT

..\..\CHUYÊN ĐỀ BỔ TRỢ\CHUYÊN ĐỀ THUẾ TNDN\CHUYÊN ĐỀ CHI PHÍ ĐƯỢC TRỪ.pptx

CHI PHÍ THỰC TẾ PHÁT SINH LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH

CÙNG KỲ
TÍNH
THUẾ

CHI PHÍ THỰC
TẾ PHÁT SINH
LIÊN QUAN
ĐẾN HĐ SX, KD

KHÁC KỲ
TÍNH THUẾ

CHI BIỂU TẶNG,
HỖ TRỢ CHO
KHÁCH HÀNG
GIÁN TIẾP

CHI NGHIÊN CỨU
TT, SP, DA PTSP,
DV MỚI KHÔNG
THÀNH CÔNG

KHOẢN CHI CÓ ĐỦ HÓA ĐƠN, CHỨNG TỪ THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT

HÓA ĐƠN, CHỨNG TỪ HỢP PHÁP

Là hóa đơn, chứng từ đảm bảo đúng, đầy đủ về hình thức và nội dung theo quy định NĐ 123/2020/NĐ-CP được SĐ, BS tại NĐ 70/2025/NĐ-CP

NGUYÊN TẮC LẬP
HÓA ĐƠN, THÀNH
PHẦN CHỨA DL
NGHIỆP VỤ HĐĐT;
HÌNH THỨC & NỘI
DUNG HÓA ĐƠN

SỬ DỤNG HÓA ĐƠN,
CHỨNG TỪ KHÔNG
HỢP PHÁP & SỬ
DỤNG KHÔNG HỢP
PHÁP HÓA ĐƠN,
CHỨNG TỪ

HÓA ĐƠN, CHỨNG TỪ THANH TOÁN KHÔNG DÙNG TIỀN MẶT

HÓA ĐƠN,
CHỨNG TỪ
THANH TOÁN
KHÔNG DÙNG
TIỀN MẶT

PHÁP LUẬT VỀ
THUẾ GTGT &
TNDN THUẾ

NGUYÊN TẮC
ÁP DỤNG PHÁP
LUẬT

THANH TOÁN KHÔNG DÙNG TIỀN MẶT

PHÁP LUẬT VỀ THUẾ GTGT

Khoản chi có chứng từ TT không dùng TM đối với trường hợp mua HH, DV và các khoản thanh toán khác từng lần GT từ 05 triệu đồng trở lên. Chứng từ TT không dùng TM thực hiện theo quy định của các văn bản pháp luật về thuế GTGT.

ĐIỀU CHỈNH KỲ THANH TOÁN

Trường hợp mua HH, DV của một NB có GT dưới 05 triệu đồng nhưng mua nhiều lần trong cùng một ngày có tổng GT từ 05 triệu đồng trở lên thì chỉ được tính vào CP được trừ trong trường hợp có chứng từ TT không dùng TM.

QCTC, QCNB hoặc QĐ của DN quy định việc UQ.

THỜI ĐIỂM
KHÔNG TÍNH
VÀO CP ĐƯỢC
TRỪ

ĐIỂM c K.13 Đ.3 TT 20/2026/TT-BTC

TH mua HH, DV từng lần có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên nếu đến thời điểm ghi nhận CP mà DN chưa thanh toán thì DN được tính vào CP được trừ trong trường hợp có **hợp đồng mua HH, DV, biên bản bàn giao HH, DV và khi thanh toán DN phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.**

CÁC TRƯỜNG HỢP LẬP BẢNG KÊ

ĐIỂM c K.1 Đ.9 ND 320/2025/ND-CP

Chứng từ chi trả tiền cho người bán (đối với trường hợp giá trị mua HH, DV trong ngày của từng hộ, cá nhân từ 5 triệu đồng trở lên phải thanh toán không dùng tiền mặt).

TH GM BK CAO HƠN GIÁ TT CQT CĂN CỨ VÀO GIÁ TT HH, DV CÙNG LOẠI HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG XD LẠI ĐỀ TÍNH CP ĐƯỢC TRỪ.

ĐIỂM c K.1 Đ.9 ND 320/2025/ND-CP

- (1) Mua SP là **nông, lâm, thủy sản** của người sản xuất, đánh bắt trực tiếp bán ra;
- (2) Mua **SP thủ công** làm bằng đay, cói, tre, nứa, lá, song, mây, rơm, vỏ dừa, sọ dừa hoặc nguyên liệu tận dụng từ sản phẩm nông nghiệp của người sản xuất thủ công trực tiếp bán ra;
- (3) Mua **phế liệu** của người trực tiếp thu nhặt;
- (4) Mua **đồ dùng, tài sản của HGD, cá nhân** trực tiếp bán ra;
- (5) Mua hàng hóa, dịch vụ của cá nhân, hộ kinh doanh (không bao gồm các trường hợp nêu trên) có **mức doanh thu dưới ngưỡng** doanh thu.

TT 20/2026/TT-BTC

CT chi trả tiền cho NB theo quy định của PL về **KT, HD, CT** (đối với trường hợp giá trị mua HH, DV trong ngày của từng hộ, CN từ 05 triệu trở lên phải TT không dùng TM); **BK 02/TNDN** do người ĐD theo PL hoặc người được UQ của DN ký và chịu trách nhiệm

**BẢNG KÊ
02/TNDN**

Khấu trừ thuế TNCN theo quy định (nếu trả tiền công, tiền thù lao cho cá nhân từ 2.000.000 đồng/lần trở lên theo quy định điểm i khoản 1 Đ.25 TT 111/2013/TT-BTC)

MUA XE Ô TÔ TỪ 9 CHỖ NGỒI TRỞ XUỐNG (BS VÀNG), XE Ô TÔ TẢI, XE LU

KHOẢN CHI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ GIÁO DỤC, QUỐC PHÒNG & AN NINH

CHI PHÍ ĐƯỢC TRỪ

K.1 Đ.9 LUẬT 67/2025/QH15

b1) Khoản chi cho thực hiện nhiệm vụ **giáo dục quốc phòng và an ninh**, huấn luyện, hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ và phục vụ các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh khác theo quy định của pháp luật.

TT 20/2026/TT-BTC - HỒ SƠ GỒM:

- QĐ** của người có thẩm quyền tại DN về việc thực hiện nhiệm vụ GDQP & AN, huấn luyện, HD của lực lượng dân quân tự vệ và PV các nhiệm vụ QP, AN khác;
- Văn bản XN** của CQ có thẩm quyền theo quy định của PL chuyên ngành về việc DN đã thực hiện nhiệm vụ GDQP & AN, huấn luyện, HD của lực lượng dân quân tự vệ và PV các nhiệm vụ QP, AN khác.

QTT 2025 - HỒ SƠ GỒM: HD, CT THEO QUY ĐỊNH CỦA PL

KHOẢN CHI HỖ TRỢ TỔ CHỨC ĐẢNG, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI

CHI PHÍ ĐƯỢC TRỪ

PHÁP LUẬT VỀ THUẾ TNCN & PHÁP LUẬT CHUYÊN NGÀNH

K.1 Đ.9 LUẬT 67/2025/QH15
b2) Khoản chi hỗ trợ phục vụ cho hoạt động của tổ chức đảng, tổ chức chính trị - xã hội trong DN.

TT 20/2026/TT-BTC - HỒ SƠ GỒM:

- a) **QĐ** thành lập hoặc **quy chế làm việc** của TC đảng, TC CT-XH trong DN;
 - b) **Văn bản đề nghị** hỗ trợ của TC đảng, TC CT-XH trong DN hoặc **kế hoạch SD** kinh phí PV cho HĐ của TC đảng, TC CT-XH trong DN **được phê duyệt** (nếu có).
- QTT 2025 - HỒ SƠ GỒM: HĐ, CT THEO QUY ĐỊNH CỦA PL**

..\..\CHUYÊN ĐỀ\CẬP NHẬT CHÍNH SÁCH THUẾ 2025\CHI PHUC LOI .pptx

KHOẢN CHI CHO HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO NGHỀ NGHIỆP; PHÒNG CHỐNG HIV

CHI PHÍ ĐƯỢC TRỪ

K.1 Đ.9 LUẬT 67/2025/QH15
b3) Khoản chi cho **hoạt động giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nghề nghiệp** cho NLD theo quy định của PL.
b4) Khoản chi thực tế cho **hoạt động phòng, chống HIV/AIDS** nơi làm việc của DN.

K.2 Đ.9 ND 320/2025/ND-CP

- c) Khoản chi cho hoạt động GD nghề nghiệp, ĐT nghề nghiệp cho NLD bao gồm: CP trả cho người dạy, tài liệu học tập, TB dùng để HĐ GDNN, vật liệu thực hành, các CP khác hỗ trợ cho người học; CP ĐT của DN cho NLD được tuyển dụng vào làm việc tại DN; CP đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ cho NLD đang làm việc tại DN. **HS: a) HĐLĐ hoặc TULĐTT hoặc QCTC); b) QĐ** phê duyệt DS cử NLD tham gia; c) HSDK học của NLD; d) Văn bằng, chứng chỉ XN kết quả học tập của NLD.
- d) Khoản chi thực tế cho hoạt động phòng, chống HIV/AIDS nơi làm việc của DN, bao gồm: CP đào tạo cán bộ phòng, chống HIV/AIDS của DN; CP tổ chức truyền thông phòng, chống HIV/AIDS cho NLD của DN; phí thực hiện tư vấn, khám và xét nghiệm HIV/AIDS; CP hỗ trợ người nhiễm HIV/AIDS là NLD của DN. **HS:** Quy định/QCNB quy định về khoản chi cho HĐ phòng, chống HIV/AIDS của DN.

QTT 2025 - HỒ SƠ GỒM: HĐ, CT THEO QUY ĐỊNH CỦA PL

CÁC KHOẢN TÀI TRỢ

CHI PHÍ ĐƯỢC TRỪ

ĐỐI TƯỢNG NHẬN
TÀI TRỢ, ĐIỀU
KIỆN VỀ THỦ TỤC

LẬP HÓA ĐƠN

K.1 Đ.9 LUẬT 67/2025/QH15

b5) (1) Khoản tài trợ cho giáo dục, y tế, văn hóa; (2) Khoản tài trợ cho phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, làm nhà đại đoàn kết, nhà tình nghĩa, nhà cho các đối tượng chính sách theo quy định của pháp luật; (3) Khoản tài trợ theo quy định của CP, TTg CP dành cho các địa phương thuộc địa bàn có ĐKKT-XH ĐBKK; (4) Khoản tài trợ **cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.**

ĐIỂM d K.2 Đ.9 NĐ 320/2025/NĐ-CP QUY ĐỊNH CHI TIẾT

Khoản tài trợ cho văn hóa: Tài trợ cho bảo tàng, thư viện, được thành lập theo quy định pháp luật về văn hóa; tài trợ trực tiếp cho các hoạt động thường xuyên của Quỹ bảo tồn di sản văn hóa; tài trợ cho bảo tàng, thư viện, Quỹ bảo tồn di sản VH thông qua một CQ, TC có chức năng huy động tài trợ theo quy định của pháp luật; Khoản tài trợ **NCKH, PTCN và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số cho các tổ chức, cá nhân.** Đối tượng nhận tài trợ quy định tại điểm này thực hiện theo **quy định của PL về NCKH, PTCN và ĐMST, pháp luật về chuyển đổi số.**

QTT 2025 - HỒ SƠ: THỰC HIỆN THEO TT 96/2015/TT-BTC/HĐ, CT THEO QUY ĐỊNH CỦA PL (TT 96/2015/TT-BTC KHÔNG QUY ĐỊNH)

CHI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ & ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, CHUYỂN ĐỔI SỐ

CHI PHÍ
ĐƯỢC
TRỪ

K.1 Đ.9 LUẬT 67/2025/QH15

a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động SX, KD của DN, bao gồm cả khoản **chi phí bổ sung được trừ theo tỷ lệ phần trăm tính trên chi phí thực tế phát sinh trong kỳ tính thuế liên quan đến hoạt động R&D của DN.**

ĐIỂM a K.1 Đ.9 NĐ 320/2025/NĐ-CP

a1) Khoản CP phát sinh trong kỳ tính thuế liên quan đến hoạt động R&D của DN được tính vào CP **được trừ tối đa không quá 200% tính trên CP thực tế** cho hoạt động này (không bao gồm các khoản chi quy định tại K.3 Đ.10 của NĐ này: khoản chi đã được chi từ Q KH & CN, Q. KH, CN và ĐMST, chuyển đổi số của DN) phát sinh trong kỳ tính thuế tại DN;
a2) Việc XD mức chi được trừ cho HĐ R&D phải đảm bảo sau khi AD mức chi bổ sung, DN **không bị lỗ**;
a3) Việc XD khoản CP thực tế phát sinh trong kỳ tính thuế liên quan đến hoạt động R&D quy định tại điểm này **thực hiện theo quy định của pháp luật về KHCN và ĐMST.**

TT 20/2026/TT-BTC

**HS thực hiện theo quy định của pháp luật về KHCN và ĐMST & NĐ 320/2025/NĐ-CP
QTT 2025 - HỒ SƠ GỒM: HĐ, CT THEO QUY ĐỊNH CỦA PL**

KHOẢN CHI PHỤC VỤ SX, KD NHƯNG CHƯA TƯƠNG ỨNG VỚI DT TÍNH THUẾ

CHI PHÍ ĐƯỢC TRỪ

**VAS 01
NGUYÊN TẮC
DT PHÙ HỢP
VỚI CP**

K.1 Đ.9 LUẬT 67/2025/QH15
b9) Một số khoản chi phục vụ SX, KD của DN nhưng chưa tương ứng với doanh thu phát sinh trong kỳ theo quy định của CP.

DT & CP liên quan tới cùng một giao dịch phải được ghi nhận đồng thời theo **nguyên tắc phù hợp**. Ghi nhận giá trị HTK đã bán vào chi phí trong kỳ phải đảm bảo **nguyên tắc phù hợp giữa chi phí và doanh thu**.

K.6 Đ.20 TT 99/2025/TT-BTC: Các khoản mục doanh thu, thu nhập và các CP liên quan trực tiếp tới việc tạo ra các khoản DT, TN đó phải được trình bày theo **nguyên tắc phù hợp** và **đảm bảo nguyên tắc thận trọng**.
PL II -TT 99/2025/TT-BTC DT & CP liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó (bao gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó) phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp, nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán thì doanh nghiệp phải căn cứ vào bản chất và các VAS và quy định tại Thông tư này để phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CP HỦY HÀNG HƯ HỎNG/TỒN THẤT ĐƯỢC TRỪ (K.1 Đ.9 LUẬT 67/2025/QH15 & Đ.9 NĐ 320/2025/NĐ-CP)

TRƯỜNG HỢP BKK KHÔNG ĐƯỢC BỒI THƯỜNG

Trường hợp khoản bồi thường DN nhận được khác với kỳ phát sinh khoản tổn thất mà DN chưa trừ khoản bồi thường này vào GT tổn thất thì DN tính khoản bồi thường vào thu nhập khác tại kỳ phát sinh khoản bồi thường.

Việc XD TH BKK khác làm cơ sở XD phần GT tổn thất được trừ quy định tại điểm này gồm thảm họa, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ và các TH khác TH theo quy định của PL QLT.

TT 20/2026/TT-BTC: HỒ SƠ GỒM

- a) **BB KKTS, HHTT** do DN lập, XD rõ GTTS, HHTT, nguyên nhân tổn thất, trách nhiệm của TC, CN về những tổn thất, chủng loại, SL, ĐG, GTTS, HH có thể thu hồi được (nếu có);
- b) **BK XNT HHTT** do ĐDHP của DN XN, ký và chịu trách nhiệm trước PL;
- c) **HS bồi thường thiệt hại** được CQ bảo hiểm chấp nhận bồi thường (nếu có);
- d) **HS quy định trách nhiệm** của TC, CN phải bồi thường (nếu có).

QTT 2025 - HỒ SƠ: THỰC HIỆN THEO TT 96/2015/TT-BTC/HĐ

CHI PHÍ HỦY HÀNG ĐƯỢC TRỪ (K.1 Đ.9 LUẬT 67/2025/QH15 & Đ.9 NĐ 320/2025/NĐ-CP)

CP HỦY HTK
KHÔNG CÒN
GTSD, KHÔNG
ĐỦ ĐK LT TRÊN
TT

CP HỦY HTK
QUÁ HẠN SD &
THAY ĐỔI QUÁ
TRÌNH SINH
HÓA TỰ NHIÊN

CP HỦY HTK
H.HÔNG, LẠC
HẬU MỘT,
LẠC HẬU KỸ
THUẬT

TT 20/2026/TT-BTC: HỒ SƠ GỒM

- QĐ của người có thẩm quyền tại DN về việc hủy HH, NVL, vật tư, linh kiện;
- BB kiểm kê giá trị HH, NVL, VT, LK do DN lập, trong đó ghi rõ nguyên nhân, chủng loại, số lượng, giá trị, phương án XL đối với hàng hóa, nguyên liệu, vật tư, linh kiện nêu trên do ĐDHP của DN XN, ký và chịu trách nhiệm;
- QĐ thành lập HĐ XL việc tiêu hủy hàng hóa, nguyên liệu, vật tư, linh kiện;
- QĐ XL của HĐ XL.

QTT 2025 - HỒ SƠ: THỰC HIỆN THEO TT 96/2015/TT-BTC/HĐ, CT THEO QUY ĐỊNH CỦA PL (TT 96/2015/TT-BTC KHÔNG QUY ĐỊNH)

CHI PHÍ HỦY HÀNG ĐƯỢC TRỪ (K.1 Đ.9 LUẬT 67/2025/QH15 & Đ.9 NĐ 320/2025/NĐ-CP)

CP HỦY TS DO
H.HÔNG
KHÔNG CÒN
GTSD, KHÔNG
CÒN N.CẦU SD

HỦY PHÉ
LIỆU, PHÉ
PHẨM TRONG
QT GC, SX

TT 20/2026/TT-BTC: HỒ SƠ GỒM

- QĐ của người có TQ tại DN về việc hủy TS;
- BB KKTS do DN lập, trong đó ghi rõ nguyên nhân hư hỏng, chủng loại, số lượng, giá trị, phương án XL TS do ĐDHP của DN XN, ký và chịu trách nhiệm;
- QĐ thành lập HĐ XL việc hủy TS;
- QĐ XL của HĐ XL.

TT 20/2026/TT-BTC: HỒ SƠ GỒM

BB xác định việc hủy phế liệu, phế phẩm do DN lập và được ĐDHP của DN XN, ký và chịu trách nhiệm trước PL.

QTT 2025 - HỒ SƠ GỒM: HĐ, CT THEO QUY ĐỊNH CỦA PL

**KHOẢN CHI PHỤC VỤ SX, KD NHƯNG CHƯA
TƯƠNG ỨNG VỚI DOANH THU ĐƯỢC TRỪ
(K.1 Đ.9 LUẬT 67/2025/QH15 & Đ.9 NĐ 320/2025/NĐ-CP)**

**CHI PHÍ ĐẦU
THẦU KHÔNG
TRÚNG THẦU**

TT 20/2026/TT-BTC: HỒ SƠ GỒM
HS dự thầu khi tham gia đấu thầu gửi chủ đầu tư, bên mời thầu;
Kết quả lựa chọn nhà thầu do chủ đầu tư, bên mời thầu phát hành (nếu có);
Các HS khác theo quy định của PL về đấu thầu (nếu có);

**CHI NGHIÊN
CỨU TT, SP, DA
PTSP, DV MỚI
KHÔNG T. CÔNG**

TT 20/2026/TT-BTC: HỒ SƠ GỒM
BC nghiên cứu về phát triển thị trường, phát triển về sản phẩm, dịch vụ mới theo quy định tại điểm i2 K.2 Đ.9 NĐ 320/2025/NĐ-CP.

QTT 2025 - HỒ SƠ GỒM: HĐ, CT THEO QUY ĐỊNH CỦA PL

**KHOẢN CHI PHỤC VỤ SX, KD NHƯNG CHƯA
TƯƠNG ỨNG VỚI DOANH THU ĐƯỢC TRỪ
(K.1 Đ.9 LUẬT 67/2025/QH15 & Đ.9 NĐ 320/2025/NĐ-CP)**

**CP THUÊ ĐẤT
TRẢ CHO DN KD
CSHT CHƯA
THAM GIA VÀO
HĐ SXKD**

TT 20/2026/TT-BTC: HỒ SƠ GỒM
QĐ chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc QĐ chủ trương đầu tư hoặc giấy CN ĐKĐT hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương theo quy định của PL về đầu tư (nếu có);
VB thỏa thuận hoặc HĐ thuê đất, CSHT, trong đó quy định rõ các khoản CP DN phải trả cho tiền thuê đất, CP quản lý, duy trì cơ sở hạ tầng.

QTT 2025 - HỒ SƠ GỒM: HĐ, CT THEO QUY ĐỊNH CỦA PL

**CP LIÊN QUAN
ĐẾN TS CHƯA
CÓ KHÁCH
THUÊ**

TT 20/2026/TT-BTC: HỒ SƠ GỒM
HS chứng minh QSH, QSD HP của DN đối với TS;
HS quản lý và theo dõi HT đối với TS theo quy định.
QTT 2025 - HỒ SƠ GỒM:
HS chứng minh quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp của DN đối với TS.

KHOẢN CHI PHỤC VỤ SX, KD NHƯNG CHƯA TƯƠNG ỨNG VỚI DOANH THU ĐƯỢC TRỪ (K.1 Đ.9 LUẬT 67/2025/QH15 & Đ.9 NĐ 320/2025/NĐ-CP)

CP giới thiệu/marketing sản phẩm, DV trước khi bán hàng

CP thành lập DN hoặc chi nhánh, ĐVPT, ĐĐ kinh doanh của DN, CP khôi phục sau khi tạm dừng SX, KD (không phải là các khoản chi ĐTXD để hình thành TSCĐ); CP hoàn trả lại hiện trạng theo HĐ trước khi chấm dứt HĐ SX, KD của DN hoặc chấm dứt HĐ CN, ĐVPT, ĐĐKD DN.

TT 20/2026/TT-BTC: HỒ SƠ GỒM BC về chủ trương đầu tư sản xuất sản phẩm, dịch vụ theo quy định tại điểm i6 K.2 Đ.9 NĐ 320/2025/NĐ-CP.

TT 20/2026/TT-BTC: HỒ SƠ GỒM Giấy CNĐKDN, giấy CNĐKHĐ CN/VPĐD, giấy CN ĐKĐĐKD, giấy xác nhận về việc DN, CV, ĐĐKD TB tạm ngừng KD/tiếp tục KD trước thời hạn đã TB hoặc giấy XN về việc VPĐD tạm ngừng /tiếp tục HĐ trước thời hạn; TB về việc DB đã giải thể hoặc TB về việc chấm dứt tồn tại CN/VPĐD /ĐĐKD.
TH PS CP hoàn trả lại hiện trạng trụ sở, ĐĐSX, KD theo HĐ **trước khi giải thể DN** hoặc chấm dứt HĐ CN/VPĐD /ĐĐKD, DN BS BBBG hiện trạng trụ sở, ĐĐSX, KD trước khi tạm ngừng SX, KD và BBBG hiện trạng sau khi tiếp tục KD trước thời hạn đã TB hoặc BBBG hiện trạng trước và sau khi giải thể DN hoặc chấm dứt HĐ CN/VPĐD /ĐĐKD của DN;

QTT 2025 - HỒ SƠ GỒM: HĐ, CT THEO QUY ĐỊNH CỦA PL

CP GIẢM PHÁT THẢI; KHOẢN ĐÓNG GÓP CÁC QUỸ THÀNH LẬP THEO QĐ CỦA TTg & CP

CHI PHÍ ĐƯỢC TRỪ

K.1 Đ.9 LUẬT 67/2025/QH15

b11) Chi phí liên quan đến việc **giảm phát thải khí nhà kính nhằm trung hòa các-bon và net zero, giảm ô nhiễm môi trường, đồng thời liên quan đến HĐ SX, KD của DN.**
b12) Một số khoản đóng góp vào các quỹ được thành lập theo quyết định của TTg CP và quy định của CP.

K.2 Đ.9 NĐ 320/2025/NĐ-CP

m) Khoản đóng góp vào các Quỹ được TL theo QĐ của TTg và quy định của Cp, bao gồm: Quỹ viễn thông công ích; **Quỹ Phòng, chống tác hại thuốc lá**; Quỹ bảo vệ môi trường VN và các Quỹ được thành lập theo QĐ của TTg, quy định của Cp. Khoản đóng góp vào các Quỹ được tính vào CP được trừ quy định tại điểm này là khoản **DN có nghĩa vụ phải nộp vào các Quỹ theo quy định.**

HỒ SƠ THỰC HIỆN THEO TT 20/2026/TT-BTC

- HS giảm phát thải khí ...: a) **QĐ của người có thẩm quyền** của DN về việc thực hiện giảm phát thải khí nhà kính; b) **HS dự án** hoặc đề án liên quan đến việc giảm phát thải khí nhà kính.
- HS của khoản đóng góp vào các quỹ được thành lập theo QĐ của TTg: a) **QĐ của TTg** hoặc quy định của CP về việc thành lập quỹ; b) **BB XN DN** đóng góp vào các quỹ (nếu có).

QTT 2025 - HỒ SƠ GỒM: HĐ, CT THEO QUY ĐỊNH CỦA PL

CHI PHÚC LỢI TRỰC TIẾP CHO NLD

CHI PHÍ KHÔNG ĐƯỢC TRỪ

PHÁP LUẬT THUẾ GTGT - TNCN

K.2 Đ.9 LUẬT 67/2025/QH15

d4) Phần chi vượt mức do CP quy định đối với chi có tính chất PL trực tiếp cho NLD.

..\..\CHUYÊN ĐỀ\CẬP NHẬT CHÍNH SÁCH THUẾ 2025\CHI PHUC LOI .pptx

K.4 Đ.10 NĐ 320/2025/NĐ-CP

Phần chi cho các khoản có tính chất phúc lợi trực tiếp cho NLD vượt quá 01 tháng lương BQ thực tế thực hiện trong năm tính thuế, bao gồm: (1) Chi khám chữa bệnh, chữa bệnh; (2) Chi nghỉ mát; (3) Chi hỗ trợ điều trị khám bệnh, chữa bệnh; (4) Chi hỗ trợ bổ sung kiến thức học tập tại cơ sở giáo dục, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp; (5) Chi hỗ trợ GD NLD bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch họa, tai nạn, ốm đau; (6) Chi khen thưởng con của NLD có thành tích tốt trong học tập; (7) Chi hỗ trợ chi phí đi lại ngày lễ, tết cho NLD; (8) Chi BH tai nạn (không bao gồm trường hợp chi BH tai nạn bắt buộc theo quy định của pháp luật chuyên ngành), BH sức khỏe, BH tự nguyện khác cho NLD (trừ khoản đóng góp tham gia BH hưu trí bổ sung theo quy định của Luật BH xã hội, khoản chi mua BH nhân thọ cho NLD, BH hưu trí tự nguyện cho NLD) và (9) Những khoản chi có tính chất phúc lợi khác.

CHI MUA BẢO HIỂM TỰ CHO NLD

CHI PHÍ KHÔNG ĐƯỢC TRỪ

PHÁP LUẬT CHUYÊN NGÀNH & THUẾ TNCN

K.2 Đ.9 LUẬT 67/2025/QH15

d5) Phần chi vượt mức do CP quy định đối với khoản đóng góp tham gia BH hưu trí bổ sung theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội hoặc quỹ có tính chất an sinh xã hội, mua BH hưu trí tự nguyện, BH nhân thọ cho NLD.

K.4 Đ.10 NĐ 320/2025/NĐ-CP

Phần chi vượt mức 05 triệu đồng/tháng/người để đóng góp tham gia BH hưu trí bổ sung theo Luật BHXH hoặc quỹ có tính chất an sinh xã hội, mua BH hưu trí tự nguyện, BH nhân thọ cho NLD (ghi cụ thể Điều kiện hưởng và mức hưởng tại một trong các hồ sơ sau: HĐLĐ; TULĐTT; QC tài chính & thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về BH bắt buộc cho NLD).

Phần vượt mức quy định của pháp luật về BHXH, về BHYT để trích nộp các quỹ có tính chất an sinh xã hội (BHXH, BH hưu trí bổ sung bắt buộc), Quỹ BHYT và Quỹ BH thất nghiệp cho NLD.

QUY ĐỊNH VỀ TRÍCH LẬP KHOẢN DỰ PHÒNG

THÔNG TƯ 48/2019/TT-BTC

PHÁP LUẬT THUẾ TNDN

- Đối tượng, phạm vi áp dụng: TT 48/2019/TT-BTC hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư, dự phòng tổn thất nợ phải thu khó đòi và dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, DV, công trình xây dựng **làm cơ sở xác định khoản CP được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN theo quy định.**

- Việc trích lập các khoản dự phòng cho mục đích lập và trình bày BCTC của các TCKT thực hiện theo PLKT.

- TT 48/2019/TT-BTC áp dụng đối với các ĐT là các tổ chức kinh tế (sau đây gọi tắt là DN) được thành lập, hoạt động SX, KD theo quy định của PL VN.

- TCTD, CN NH nước ngoài được thành lập hợp pháp tại VN thực hiện trích lập và xử lý các khoản dự phòng theo quy định tại TT 48/2019/TT-BTC. Riêng đối với **dự phòng rủi ro trong hoạt động của TCTD, CN NH nước ngoài** thực hiện trích lập và sử dụng theo quy định do NHNN VN ban hành sau khi thống nhất với BTC.

K.5 Đ.10 NĐ 320/2025/NĐ-CP

Trích lập và sử dụng các khoản dự phòng không theo đúng quy định của pháp luật về trích lập dự phòng: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp và dự phòng rủi ro nghề nghiệp của DN thẩm định giá, DN cung cấp DV kiểm toán độc lập.

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH & KHẤU HAO TSCĐ (K.1 Đ.9 LUẬT 67/2025/QH15 & Đ.10 NĐ 320/2025/NĐ-CP)

NGUYÊN GIÁ
TSCĐ - GIÁ TRỊ
CÒN LẠI & NÂNG
CẤP TSCĐ

HTKT; QSH; XÂY
TRÊN ĐẤT THUẾ;
MƯỢN; LƯU TRỮ

KHẤU HAO
NHANH &
THAY ĐỔI
TGKH

TG KH; TSCĐ
ĐÃ KHẤU HAO
HẾT; TL TSCĐ

- XE Ô TÔ TỪ 9 CHỖ
NGỒI TRỞ XUỐNG, TÀU
BAY, DU THUYỀN,...
- GTCL KHI THANH LÝ

TSCĐ TẠM DỪNG
HĐ THEO THỜI
VỤ; SỬA CHỮA,
DI DỜI,...

TSCĐ ĐK QSH
TSCĐ LÀ QSDĐ
GẮN VỚI VẬT
KIẾN TRÚC

TSCĐ HỖN HỢP
QSDĐ - BDS ĐT
QSDĐ CÓ THỜI HẠN
(ĐIỂM e4 K.6 Đ.10 NĐ 181/2025/NĐ-CP: BAO
GỒM ĐTXD MỚI, DỪNG HĐ ĐỀ SC, ĐỀ
ĐTXD MỚI)

TSCĐ PHÚC LỢI;
TSCĐ ĐÃ QUA
SD; TRƯỜNG; HỢP
KHÔNG GHI NHẬN
TSCĐ VÔ HÌNH

QUY ĐỊNH VỀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

THÔNG TƯ 45/2013/TT-BTC

PHÁP LUẬT THUẾ TNDN

- Đối tượng, phạm vi áp dụng: (1) TT 45/2013/TT-BTC **áp dụng cho DN được thành lập và hoạt động tại VN** theo quy định của pháp luật; (2) Việc tính và trích khấu hao theo TT 45/2013/TT-BTC được thực hiện đối với từng **TSCĐ** của DN.

- Các khoản **chi phí khấu hao TSCĐ được tính vào chi phí hợp lý thực hiện theo quy định tại các văn bản pháp luật về thuế TNDN.**

- DN hoạt động có hiệu quả kinh tế cao được khấu hao nhanh nhưng tối đa **không quá 2 lần mức khấu hao xác định theo PP đường thẳng** (mức quy định tại PL 1) **để nhanh chóng đổi mới công nghệ.** **TSCĐ** tham gia vào HĐKD được trích KH nhanh là MM, TB; DC LV đo lường, thí nghiệm; TB & PT VT; DC QL; súc vật, vườn cây lâu năm; phải đảm bảo kinh doanh có lãi.

K.7 Đ.10 NĐ 320/2025/NĐ-CP

- Không được tính vào CP được trừ CP khấu hao TSCĐ:

+ Không đúng và vượt mức quy định hiện hành về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

+ Không được quản lý, theo dõi, hạch toán trong SSKT theo **chế độ quản lý TSCĐ** và HTKT **hiện hành.**

- DN trích khấu hao TSCĐ theo quy định về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ kể cả trường hợp khấu hao nhanh nhưng phải đáp ứng điều kiện đảm bảo KD có lãi (**Bổ: không quá 2 lần theo PP đường thẳng**).

- Không được tính vào CP được trừ CP khấu hao TSCĐ:

+ Không sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ.

+ Không có giấy tờ CM thuộc QSH.

...

- **Bổ: DN thực hiện TB PP KH trích khấu hao với CQT (ví dụ: TB lựa chọn thực hiện PPKH đường thẳng...).**

CHI PHÍ TRÍCH TRƯỚC

CHI PHÍ KHÔNG ĐƯỢC TRỪ

K.2 Đ.9 LUẬT 67/2025/QH15

g) Khoản trích trước vào chi phí không đúng quy định của pháp luật.

K.7 Đ.10 NĐ 320/2025/NĐ-CP

Các khoản CP trích trước theo kỳ hạn, theo CK mà đến hết kỳ hạn, hết chu kỳ chưa chi/chi không hết.

a) Các khoản trích trước bao gồm: Khoản trích trước về **SCL TSCĐ theo quy định của PLKT** (TK: 352: TT 99/2025/TT-BTC: bổ; TH HĐ thuê TSCĐ có điều khoản quy định khi kết thúc HĐ, DN có nghĩa vụ phải sửa chữa, bảo dưỡng: trích trước); các khoản trích trước đối với HĐ đã tính DT nhưng còn tiếp tục phải thực hiện nghĩa vụ theo HĐ (kể cả trường hợp DN có hoạt động cho thuê tài sản, HĐ KDDV trong nhiều năm nhưng có thu tiền trước của KH và đã tính toàn bộ vào DT của năm thu tiền): ([B2] – [B10]) và các khoản trích trước khác: (Trích trước chi phí DV kiểm toán: TK335).

b) Trường hợp DN có HĐ SXKD đã ghi nhận DT tính thuế TNDN nhưng chưa phát sinh đầy đủ CP thì được trích trước các khoản CP theo quy định vào chi phí được trừ tương ứng với DT đã ghi nhận khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN. Khi kết thúc hợp đồng, DN phải tính toán XD chính xác số chi phí thực tế căn cứ các hoá đơn, chứng từ hợp pháp thực tế đã PS để điều chỉnh tăng chi phí (TH CP thực tế phát sinh lớn hơn số đã trích trước) hoặc giảm CP (trường hợp chi phí thực tế phát sinh nhỏ hơn số đã trích trước) sửa chữa có tính chu kỳ vào kỳ tính thuế kết thúc hợp đồng.

c) Đối với những **TSCĐ** việc thì DN được trích trước chi phí sửa chữa theo dự toán vào chi phí hàng năm. Nếu số thực chi sửa chữa lớn hơn số trích theo dự toán thì DN được tính thêm vào chi phí được trừ số chênh lệch này.

CHI PHÍ PHẢI TRẢ (TK 335) (TT 99/2025/TT-BTC & PHÁP LUẬT THUẾ TNDN)

TT 99/2025/TT-BTC

(1) CP trong thời gian DN ngừng SX theo mùa, vụ có thể XD được kế hoạch ngừng SX. DN tiến hành tính trước và hạch toán vào CPSX, KD trong kỳ những CP sẽ phải chi trong thời gian ngừng SX, KD;

(2) Trích trước chi phí lãi tiền vay phải trả trong trường hợp vay trả lãi sau, lãi trái phiếu trả sau (khi trái phiếu đáo hạn). Việc vốn hóa chi phí đi vay phải tuân thủ VAS 16. NT không vốn hóa lãi vay khi đi vay để phục vụ việc thi công,, kể cả trường hợp đối với khoản vay riêng, ví dụ: NT xây lắp vay tiền để thi công XD công trình cho KH, công ty đóng tàu theo HĐ cho chủ tàu,...

Những khoản chi phí trích trước chưa sử dụng cuối năm phải giải trình trong Bản TM BCTC.

PHÁP LUẬT CIT

- Chi phí kiểm toán phải trả (VB 1699/TCT-CS ngày 06/5/2015) điều chỉnh vào MCT [B4]/[B7].

- Các khoản phải trả cho HH, DV đã nhận được từ NB hoặc đã cung cấp cho NM trong kỳ BC nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ chứng từ, hồ sơ, tài liệu KT, được ghi nhận vào CPSX, KD của kỳ BC: CP được trừ (nếu có hóa đơn, chứng từ hợp pháp).

- Trích trước chi phí lãi tiền vay phải trả: có hợp đồng chậm trả.

- Trích lập quỹ lương dự phòng phải đảm bảo sau khi trích lập, DN không bị lỗ, nếu DN bị lỗ thì không được trích đủ 17% (TK 334). Trường hợp sau 6 tháng, DN chưa sử dụng hoặc sử dụng không hết quỹ lương DP thì DN phải tính giảm chi phí của năm sau.

XỬ LÝ HÀNH VI LẬP HÓA ĐƠN KHÔNG ĐÚNG THỜI ĐIỂM ĐỐI VỚI NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA

VB 2731/TCT-CS NGÀY 20/6/2016 TCT

Trường hợp DN mua NVL chính của nhà cung cấp trong tháng 1/2016 để phục vụ SXKD nhưng nhà cung cấp không lập hóa đơn khi giao nguyên vật liệu trong tháng 01/2016 mà lập hóa đơn vào tháng 02/2016. DN có các hồ sơ, tài liệu: báo giá, hợp đồng kinh tế và biên bản bàn giao trong tháng 1/2016 thì đề nghị CT kiểm tra thực tế việc mua bán hàng hóa của Công ty để có cơ sở hướng dẫn DN tính vào chi phí được trừ đối với số hóa đơn nêu trên nếu đáp ứng các điều kiện theo quy định và phối hợp với CQT quản lý nhà cung cấp để XP VPHC đối với hành vi lập hóa đơn không đúng thời điểm (trả lời trường hợp trong năm).

...\CHUYÊN ĐỀ BỔ TRỢ\CHUYÊN ĐỀ THUẾ TNDN\CHI PHÍ ĐƯỢC TRỪ\VĂN BẢN CHI PHÍ ĐƯỢC TRỪ\VB 2731-TCT-CS NGÀY 20.06.2016 TCT VỀ CP ĐƯỢC TRỪ BÊN BÁN XUẤT HÓA ĐƠN KHÔNG ĐÚNG THỜI ĐIỂM.doc

CHI CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG (K.1 Đ.9 LUẬT 67/2025/QH15 & Đ.10 NĐ 320/2025/NĐ-CP)

**KHÔNG QUY ĐỊNH
TẠI HĐLĐ/TULĐTT
QCTC/QC THƯỜNG**

**HẾT T. HẠN NỘP HSQT
CHƯA CHI/KHÔNG CÓ
CTTT THEO QUY ĐỊNH CỦA PL**

**TIỀN LƯƠNG
NGƯỜI NN (VB CỬ SANG
LV); CHỦ CT TNHH MTV,
DNTN, SÁNG LẬP VIÊN**

**CÔNG TÁC PHÍ (TT
KHÔNG DÙNG TM)/KHOẢN
CTP; TIỀN NHÀ; TIỀN HỌC
CON NLĐ NN**



VAS 18
(1) NGHĨA VỤ NỢ CÓ KHẢ NĂNG PS TỪ CÁC SỰ KIỆN ĐÃ XẢY RA & ĐANG TỒN TẠI.
(2) SẼ CHỈ ĐƯỢC XÁC ĐỊNH BỞI KHẢ NĂNG HAY XẢY RA HOẶC KHÔNG XẢY RA CỦA MỘT HOẶC NHIỀU S.KIỆN KHÔNG CHẮC CHẮN TRONG T. LAI MÀ DN KHÔNG K.SOÁT ĐƯỢC.

[..\ỦY QUYỀN\CV 654TNI-QLDN1 THUÈ TN VỀ UQ NHẬN THAY LƯƠNG.pdf](#)

**CHI PHÍ
TIỀN
LƯƠNG
HẾT
THỜI
HẠN NỘP
HS QTT
CHƯA
CHI**

K.8 Đ.10 NĐ 320/2025/NĐ-CP
Chi tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp phải trả cho NLĐ nhưng hết thời hạn nộp HS QTT năm thực tế chưa chi; trừ trường hợp DN có trích lập quỹ lương DP Mức dự phòng hàng năm do DN quyết định nhưng không quá 17% quỹ tiền lương thực hiện.

**KHÔNG ĐƯỢC
TRỪ (NĂM PSCP)**

VĂN BẢN CQT

**KHÔNG
ĐƯỢC TRỪ**

K.8 Đ.10 NĐ 320/2025/NĐ-CP
HĐ quy định tiền thuê nhà cho các CGNN LV tại VN; tiền học cho con của người NN học tại VN theo bậc học từ mầm non đến trung học phổ thông được DN trả có tính chất tiền lương, tiền công và có đầy đủ hóa đơn, chứng từ theo quy định.

**ĐƯỢC TRỪ VÀO
NĂM THỰC CHI**

QUY ĐỊNH VỀ THUẾ LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC PHÍ & ĐIỆN THOẠI

THUẾ THU
NHẬP CÁ
NHÂN

CHI PHÍ ĐƯỢC
TRỪ TÍNH
THUẾ TNDN

QUY CHẾ TÀI CHÍNH/ QUY CHẾ NỘI BỘ
KHOẢN:(1) ĐÚNG ĐỐI TƯỢNG; (2) ĐÚNG NỘI DUNG;
(3) PHÙ HỢP VỚI THỰC TẾ

Trường hợp DN cử NLD đi công tác (bao gồm công tác trong nước và công tác nước ngoài) nếu có phát sinh CP từ 05 triệu đồng trở lên mà các khoản CP này được TT bởi cá nhân bằng DV TT không dùng TM thì đủ điều kiện là hình thức TT không dùng TM và tính vào CP được trừ nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau: Có hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, pháp luật về hóa đơn, chứng từ do người cung cấp HH, DV giao xuất; DN có QĐ hoặc văn bản cử NLD đi công tác; quy chế tài chính hoặc quy chế nội bộ của DN cho phép NLD được phép TT khoản công tác phí, mua vé phương tiện đi lại bởi cá nhân bằng DV TT không dùng TM và khoản chi này sau đó được DN TT lại cho NLD

CHI PHÍ CHI PHÍ LẤY VAY

CHI PHÍ
KHÔNG
ĐƯỢC TRỪ

PHÁP LUẬT KT
NGUYÊN TẮC CƠ SỞ
ĐƠN TÍCH & QUY
ĐỊNH VỐN HÓA CHI
PHÍ LẤY VAY

PHÁP LUẬT
CHUYÊN
NGÀNH

K.2 Đ.9 LUẬT 67/2025/QH15

i) Phần chi trả lãi tiền vay tương ứng với phần VDL còn thiếu; lãi tiền vay trong quá trình ĐT **đã được ghi nhận vào giá trị ĐT**; lãi vay để triển khai thực hiện các HĐ tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí; phần chi trả lãi tiền vay vốn SX, KD của ĐT không phải là TCTD vượt mức theo quy định của [Bộ luật Dân sự](#) (Đ.468 [Bộ luật Dân sự](#)).

..\KẾ TOÁN & THUẾ\THÔNG TƯ
99_2025_TT-BTC\VÍ DỤ MINH HỌA
LÃI VAY .pptx

..\CHUYÊN ĐỀ BỒ TRỢ\CHUYÊN ĐỀ THUẾ
TNDN\CHUYÊN ĐỀ CHI PHÍ LÃI VAY.pptx

CHI PHÍ LÃI VAY TÍNH THUẾ TNDN (K.2 Đ.9 LUẬT 67/2025/QH15 & Đ.10 NĐ 320/2025/NĐ-CP)

LÃI VAY TC
TÍN DỤNG

LÃI VAY DOANH
NGHIỆP

QTM/TGNH LỚN
VB 2389/TCT/CS NGÀY
26/7/2013 & VB 3930/TCT-DNL
NGÀY 12/10/2018 CỦA TCT

GÓP VỐN BẰNG
NGOẠI TỆ

GIAO DỊCH
LIÊN KẾT

LÃI VAY CHẬM
TRẢ & PB HTK

LÃI VAY ĐẦU
TƯ VÀO DN
KHÁC

VAY TỔ CHỨC,
CÁ NHÂN NƯỚC
NGOÀI

VỐN HÓA CHI
PHÍ LÃI VAY

TRƯỜNG HỢP VAY TIỀN LS 0%

VB 4815/TCT- CS NGÀY
18/10/2016-TCT
(AD Đ.50 LUẬT QLT
38/2019/QH11/Đ.24 LUẬT
QLT 108/2025/QH15)

Công văn 3602/TCT-CS 2024 về
chính sách thuế nhà thầu đối với lãi
tiền vay (luatvietnam.vn)

[LÃI VAY](#) VB 4193-CTTPHCM-
TTHT NGÀY 25-04-2024 VỀ ÁN ĐỊNH
THUẾ VAY TIỀN CÁ NHÂN LS %.pdf

[CHUYÊN ĐỀ LÃI VAY](#) VB 4975 CỦA TCT ÁN ĐỊNH
CHO VAY LS 0% VÀ TẠM ƯNG
TIỀN.doc

[CHUYÊN ĐỀ LÃI VAY](#) VB
40684 NĂM 2017 CỦA CT HN VAY CÁ
NHÂN LS 0% KHÔNG PHÁT SINH
NGHĨA VỤ THUẾ.doc

Ghi chú: cho mượn tài sản phi tiền tệ ghi vào TK138, cho mượn tiền ghi vào TK
1283 (TT200/2014/TT-BTC-TT99/2025/TT-BTC)/1288 (TT133) - Cho vay

PHÁP LUẬT KẾ TOÁN

NGUYÊN TẮC CƠ SỞ DỒN TÍCH & QUY ĐỊNH VỐN HÓA CHI PHÍ LẤY VAY

PHÁP LUẬT
VỀ THUẾ
TNDN

PHÁP LUẬT
VỀ GIAO
DỊCH LIÊN
KẾT

- 1) DN BT, BOT, BTO được tính vào CP được trừ đối với khoản chi trả lãi tiền vay của các hợp đồng BT, BOT, BTO theo thực tế phát sinh trong kỳ. Trường hợp DN lựa chọn áp dụng PB CP lãi vay của các hợp đồng BT, BOT, BTO theo doanh thu thì CP lãi vay trong kỳ của các hợp đồng BT, BOT, BTO được XD theo công thức sau: **CP lãi vay trong kỳ = (Tổng CP lãi vay theo PATC : Tổng DT theo PATC) X DT thực hiện trong kỳ.**
- 2) Trường hợp DN đã lựa chọn áp dụng CP trả lãi tiền vay PB theo DT thì việc áp dụng phương pháp PB CP trả lãi tiền vay được áp dụng trong suốt thời gian thực hiện dự án BT, BOT, BTO.
- 3) Phần CP trả lãi tiền vay theo thực tế phát sinh trong kỳ của các hợp đồng BT, BOT, BTO vượt mức CP lãi vay PB theo DT quy định tại điểm này không được tính vào CP được trừ trong kỳ mà chuyển sang các kỳ tính thuế tiếp theo.

THUẾ GTGT - TNDN - TNCN (K.1 Đ.9 LUẬT 67/2025/QH15 & Đ.10 NĐ 320/2025/NĐ-CP)

THUẾ GTGT
ĐÃ KHẤU
TRỪ/HOÀN/XE
Ô TÔ DƯỚI 9
CHỖ NGỒI

THUẾ TNDN,
TRỪ NTNN
THỎA
THUẬN NET

THUẾ TNCN,
TRỪ HĐLĐ
THỎA THUẬN
NET

THUẾ GTGT
HH BIỂU
TẶNG, TÀI
TRỢ ĐƯỢC
TRỪ

THUẾ GTGT &
TNCN NỘP
THAY HKD
KHOẢN
(TỪ 2026: BỎ)

THUẾ GTGT
KHÔNG
THUỘC TH
HOÀN ĐƯỢC
TRỪ

..\CẬP NHẬT CHÍNH SÁCH THUẾ 2026\KHAC\BAN TINH THUE NNTT.xls

Từ 01/01/2026: Thuế TTĐB không được KT hoặc chưa được khấu trừ do không PS số thuế TTĐB bán ra (bao gồm cả TH giải thể, phá sản), NNT được tính vào CP để tính thuế TNDN.

THUẾ TNDN MÀ DN VN PHẢI NỘP THEO PL NN KHI CC DV HOẶC HH KÈM DV RANN MÀ DT CCDV HOẶC HH KÈM DV BAO GỒM CẢ THUẾ TNDN ?

THUÊ TÀI SẢN CỦA CÁ NHÂN, TIỀN ĐIỆN - NƯỚC CHỦ SỞ HỮU LÀ CÁ NHÂN

THUÊ TÀI SẢN CỦA CÁ NHÂN

TT 20/2026/TT-BTC

Đối với trường hợp DN thuê TS của cá nhân thì HS để XD chi phí được trừ là HĐ thuê TS & chứng từ trả tiền thuê. Trường hợp DN thuê TS của cá nhân mà tại HĐ thuê TS có thỏa thuận tiền thuê TS chưa bao gồm thuế (thuế GTGT, TNCN) và DN phải nộp thuế thay cho cá nhân theo quy định của pháp luật về QLT thì DN được tính vào chi phí được trừ cả phần thuế nộp thay cho CN đó nếu có chứng từ nộp thuế.

HS của khoản chi được tính vào CP được trừ quy định tại Điều này là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao có đóng dấu của DN hoặc chứng từ điện tử theo quy định của pháp luật.

- (1) HÓA ĐƠN ĐIỆN - NƯỚC & HỢP ĐỒNG THUÊ TÀI SẢN (TRƯỜNG HỢP THANH TOÁN TRỰC TIẾP CHO NHÀ CUNG CẤP)
- (2) CHỨNG TỪ THANH TOÁN VỚI BÊN CHO THUÊ & HĐ THUÊ TS (TRƯỜNG HỢP THANH TOÁN TRỰC TIẾP CHO NGƯỜI CHO THUÊ)

K.23 Đ.10 NĐ 320/2025/NĐ-CP

- Trường hợp DN thuê ĐĐ SX, KD trực tiếp TT tiền điện, nước cho nhà cung cấp điện, nước không có các hoá đơn TT tiền điện, nước và hợp đồng thuê ĐĐ SX, KD;
- Trường hợp DN thuê ĐĐ SX, KD TT tiền điện, nước với chủ sở hữu cho thuê ĐĐ SX, KD không có chứng từ TT tiền điện, nước đối với người cho thuê ĐĐ SX, KD phù hợp với số lượng điện, nước thực tế tiêu thụ và hợp đồng thuê ĐĐ SXKD.

CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỔ (TK 242) (TT 99/2025/TT-BTC & PHÁP LUẬT THUẾ TNDN)

TT 99/2025/TT-BTC

Bỏ các chi phí thành lập DN, CP QC (Trừ QC nhiều kỳ), CP phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động; CP trong giai đoạn nghiên cứu, chi phí trong giai đoạn triển khai không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ vô hình; Lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa DN; Lãi mua trả chậm trả góp TS; CP lãi đi vay trả trước hoặc lãi trái phiếu trả ngay khi phát hành.

Về thời gian phân bổ các chi phí chờ phân bổ tùy theo tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ cho phù hợp. (ví dụ thời gian phân bổ CCDC, thời gian sửa chữa định kỳ TSCĐ).

K.15 Đ.10 NĐ 320/2025/NĐ-CP

- Trường hợp DN có chi các khoản chi phí để có các TS không thuộc TSCĐ như: Chi về mua và sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế, giấy phép chuyển giao công nghệ, nhãn hiệu thương mại, lợi thế kinh doanh, QSD thương hiệu... thì các khoản chi này được phân bổ dần vào CPKD nhưng tối đa không quá 03 năm (bao gồm CC, DC, bao bì LC).
- Trường hợp DN có góp vốn bằng giá trị lợi thế kinh doanh, giá trị QSD thương hiệu thì giá trị lợi thế kinh doanh, giá trị QSD thương hiệu góp vốn không tính vào chi phí được trừ.

K.2 Đ.9 NĐ 320/2025/NĐ-CP

- Chi phí thành lập DN hoặc chi nhánh, đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh của DN, chi phí khôi phục sau khi tạm dừng sản xuất, kinh doanh (không phải là các khoản chi đầu tư xây dựng để hình thành TS cố định); chi phí hoàn trả lại hiện trạng theo hợp đồng trước khi chấm dứt hoạt động SX, KD của DN hoặc chấm dứt hoạt động chi nhánh, đơn vị phụ thuộc, ĐĐKD của DN (CP được trừ).

CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI (TK 413) (TT 99/2025/TT-BTC & PHÁP LUẬT THUẾ TNDN)

PHÁP LUẬT KẾ TOÁN

TT 99/2025/TT-
BTC

VAS 10

HT trực tiếp từ vào TK 635 (lỗ), TK 515 (lãi) {không qua TK 413 - (BCTC: bù trừ)}, CLTG GD trước động: không thực hiện kết chuyển thông qua TK 242, TK 3387 (CIT: từng thời kỳ)

..\..\HS THANH KIỂM TRA MẪU & THỰC TẾ\HS CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ\BẢNG TÍNH CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ THỰC HIỆN .xlsx

PHÁP LUẬT THUẾ TNDN

NĐ 320/2025/NĐ-CP

- Lãi/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do **đánh giá** lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ tính thuế bao gồm chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm là không phải là nợ phải trả **không tính thu nhập chịu thuế/ CP không được trừ**.
- Đối với khoản **nợ phải thu, khoản cho vay, tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển** có gốc ngoại tệ phát sinh trong kỳ, chênh lệch tỷ giá hối đoái được tính vào chi phí được trừ là khoản chênh lệch giữa **tỷ giá tại thời điểm phát sinh** với **tỷ giá tại thời điểm ghi nhận ban đầu**.

..\..\CHUYÊN ĐỀ THUẾ THU NHẬP DN\TY GIA\CHUYÊN ĐỀ TỶ GIÁ VÀ CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ.pptx

CHI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

CHI PHÍ
KHÔNG
ĐƯỢC TRỪ

K.2 Đ.9 LUẬT 67/2025/QH15

- o) Chi về **đầu tư xây dựng cơ bản** trong giai đoạn đầu tư để hình thành tài sản cố định; chi liên quan trực tiếp đến việc tăng, giảm vốn chủ sở hữu của DN.

K.18 Đ.10 NĐ 320/2025/NĐ-CP

Chi về đầu tư XD CB trong giai đoạn đầu tư để hình thành TSCĐ.

- a) Khi bắt đầu hoạt động SXKD, DN chưa phát sinh DT nhưng có phát sinh các khoản chi thường xuyên để duy trì hoạt động SXKD của DN (không phải là các khoản chi đầu tư xây dựng để hình thành TSCĐ) mà các khoản chi này đáp ứng các điều kiện theo quy định thì khoản chi này được **tính vào CP được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế**; b) Trường hợp trong giai đoạn đầu tư, DN có phát sinh khoản **chi trả tiền vay** thì khoản chi này được tính vào giá trị đầu tư. Trường hợp trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản, DN phát sinh cả khoản **chi trả lãi tiền vay và thu từ lãi tiền gửi** thì được bù trừ giữa khoản chi trả lãi tiền vay và thu từ lãi tiền gửi, sau khi bù trừ **phần chênh lệch còn lại ghi giảm giá trị đầu tư**.

LÃI VAY ĐẦU TƯ XÂY DỰNG (BAO GỒM MMTB)

NĐ 320/2025/NĐ-CP

Trường hợp trong giai đoạn đầu tư, **DN có phát sinh khoản chi trả tiền vay thì khoản chi này được tính vào giá trị đầu tư**. Trường hợp Công ty vay vốn của Ngân hàng để đầu tư xây dựng dự án “Nhà máy sản xuất dược phẩm, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng” có phát sinh khoản chi trả tiền lãi vay trong giai đoạn đầu tư để hình thành tài sản cố định thì khoản chi này **được tính vào giá trị của tài sản, giá trị công trình đầu tư nếu đủ điều kiện vốn hóa theo quy định pháp luật về kế toán**. Chi phí lãi vay đã được ghi nhận vào giá trị, tài sản, giá trị công trình đầu tư **không được tính vào chi phí được trừ** theo quy định.

[..\..\CHUYÊN ĐỀ\LÃI VAY\KHÁC\VB 76653-CT-TTHT NGÀY 19-11-2018 CT HN VỀ VỐN HÓA CP LAI VAY doc.doc](#)

LÃI CHẬM THANH TOÁN VÀ TIỀN PHẠT, TIỀN BỒI THƯỜNG VI PHẠM HỢP ĐỒNG

LÃI CHẬM
THANH TOÁN
THỎA THUẬN

LÃI MUA/BÁN
TRẢ GÓP TRẢ
CHẬM

TIỀN PHẠT/BỒI
THƯỜNG TÍNH
THEO LÃI VAY

CHI PHÍ KHÔNG ĐÁP ỨNG ĐIỀU KIỆN, NỘI DUNG THEO QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CHUYÊN NGÀNH

**CHI PHÍ
KHÔNG
ĐƯỢC TRỪ**

K.2 Đ.9 LUẬT 67/2025/QH15
m2) khoản chi không đáp ứng điều kiện chi, nội dung chi **theo quy định của pháp luật chuyên ngành.**

K.23 Đ.10 NĐ 320/2025/NĐ-CP

Khoản chi không đáp ứng điều kiện chi, nội dung chi theo quy định của pháp luật chuyên ngành, bao gồm: Khoản chi cho làm thêm giờ vượt mức thời gian quy định của pháp luật về lao động; khoản chi quảng cáo trong trường hợp quảng cáo các sản phẩm, hàng hóa, DV bị cấm quảng cáo hoặc quảng cáo các sản phẩm, hàng hóa, DV phải đăng ký với cơ quan có thẩm quyền nhưng DN không thực hiện đăng ký quảng cáo theo quy định của pháp luật; khoản chi phục vụ sản xuất, kinh doanh không đúng hoặc vượt mức chi theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

THUẾ SUẤT & THU NHẬP MIỄN THUẾ TNDN

Đ.10 LUẬT THUẾ TNDN SỐ 67/2025/QH15
Đ.11 NĐ 320/2025/NĐ-CP & Đ.2 NĐ 141/2026/NĐ-CP

**TS 15%: 01 TỶ < DN CÓ
TỔNG DT NĂM ≤ 03 TỶ**

**TS 17%: 50 TỶ ≥ DN CÓ
TỔNG DT NĂM > 03 TỶ**

THU NHẬP MIỄN THUẾ TNDN CÓ TỔNG DT NĂM ≤ 01 TỶ

Trường hợp kỳ tính thuế năm 2025 có thời điểm kết thúc sau ngày 01/01/2026: Miễn thuế TNDN cho thời gian tính từ ngày 01/01/2026 đến hết kỳ tính thuế năm 2025.

MỨC THUẾ SUẤT CHUNG: 20%

TS 25% đến 50% đối với tìm kiếm, khai thác dầu khí;
TS 50% đối với khai thác tài nguyên quý hiếm (bạch kim, vàng, bạc, thiếc, wonfram, antimoan, đá quý, đất hiếm và tài nguyên quý hiếm khác) theo quy định theo quy định của pháp luật. Trường hợp mỏ có từ 70% trở lên diện tích được giao ở địa bàn đặc biệt khó khăn thì áp dụng thuế suất 40%.

THUẾ SUẤT 15% & 17% HOẶC TN MIỄN THUẾ

DOANH THU: [(PL KQKD = DT (KHÔNG BAO GỒM CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DT) + DT TỪ HĐTC + TN KHÁC)

TS 15% & 17% KHÔNG ÁP DỤNG ĐỐI VỚI DN ĐƯỢC T.LẬP THEO PL VN LÀ C.TY CON HOẶC C.TY CÓ QHLK MÀ DN TRONG QHLK KHÔNG PHẢI LÀ DN ĐÁP ỨNG ĐK AD TS 15% (DT ≤ 3 TỶ) & 17% (3 TỶ < DT ≤ 50 TỶ)

DOANH THU

- a) Trường hợp DN có năm trước liền kề **dưới 12 tháng**: DT TT chia cho số tháng nhân với 12 tháng.
b) Trường hợp DN mới thành lập và dự kiến tổng DT ≤ 03 tỷ đồng/ ≤ 50 tỷ đồng thì DN XĐ **tạm nộp** theo mức thuế suất 15% hoặc 17%.
Trường hợp tổng DT thực tế **không đáp ứng điều kiện** dẫn đến nộp thiếu so với số thuế phải tạm nộp theo quy định thì DN nộp BS số tiền thuế còn thiếu và tiền chậm nộp theo quy định của PL về QLT.

THU NHẬP MIỄN THUẾ TNDN

Số thuế TNDN được miễn thuế của kỳ tính thuế năm 2025 bằng **tổng số thuế TNDN phải nộp của năm 2025 chia cho 12 tháng** (hoặc **số tháng thực tế hoạt động của kỳ tính thuế năm 2025** đối với trường hợp doanh nghiệp thành lập mới trong năm 2025) và nhân với số tháng của kỳ tính thuế năm 2025 thuộc năm dương lịch 2026

ƯU ĐÃI MIỄN THUẾ 2 NĂM DN THÀNH LẬP MỚI TỪ HỘ KINH DOANH & MIỄN THUẾ ĐỐI TƯỢNG KHÁC

ĐỐI TƯỢNG ƯU ĐÃI MỚI VÀ ĐẶC BIỆT

Đơn vị sự nghiệp công lập

ĐIỂM a K.5 Đ.21 NĐ
320/2025/NĐ-CP

Giảm 50% số thuế TNDN tính trên phần thu nhập từ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

DN chuyển đổi từ HKD (DT năm ≤ 50 tỷ)

K.4 Đ.21 NĐ
320/2025/NĐ-CP

- Miễn thuế 02 năm liên tục kể từ khi có TNCT
- Sau thời gian miễn thuế, nếu thuộc ngành, nghề, địa bàn ưu đãi thì tiếp tục được hưởng mức ưu đãi (TS ưu đãi và miễn thuế, giảm thuế) tương ứng theo quy định.

TC KH&CN, CSGD Đại học công lập

ĐIỂM b K.5 Đ.21 NĐ
320/2025/NĐ-CP

Miễn thuế thu nhập từ đào tạo, nghiên cứu khoa học, công nghệ,... đối với hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận.

NGHỊ QUYẾT SỐ 198/2025/QH15

CÓ HIỆU LỰC TỪ NGÀY 17/5/2025

THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT VỀ MỘT SỐ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC BIỆT PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN (Nghị quyết số 198/2025/qh15 - có hiệu lực từ ngày 17/5/2025)

1. HỖ TRỢ VỀ THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ



2. HỖ TRỢ TÀI CHÍNH - TÍN DỤNG

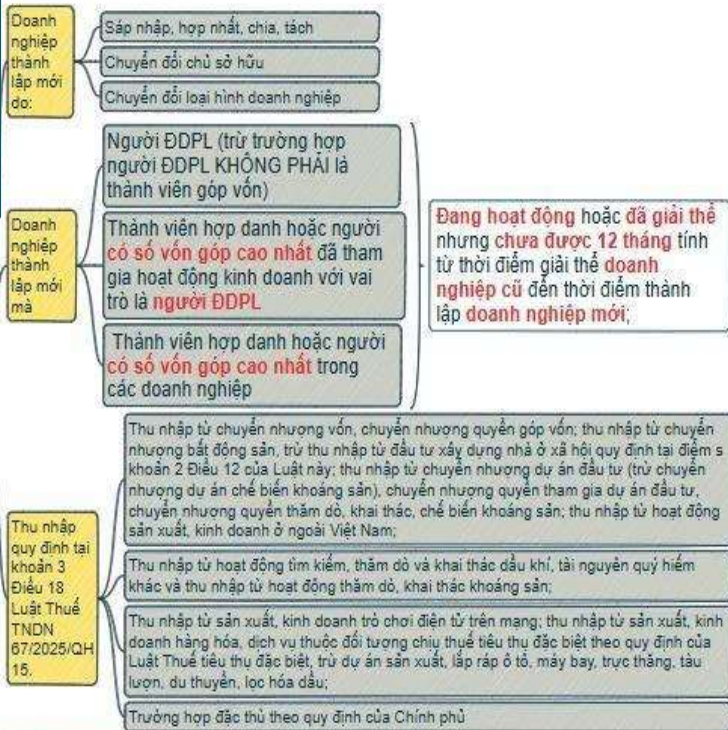


MIỄN THUẾ TNDN 3 NĂM DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA ĐĂNG KÝ KINH DOANH LẦN ĐẦU (Nghị định 20/2026/NĐ-CP ngày 15/01/2026 quy định và hướng dẫn Nghị quyết số 198/2025/QH15)

NĐ 20/2026/NĐ-CP CÓ HIỆU LỰC TỪ NGÀY 15/01/2026; TRỪ K.1 Đ.7 (MIỄN THUẾ TNDN DN KN S.TẠO), K.3 Đ.7 (MIỄN THUẾ TNDN DN SME); Đ.9 (QUỸ NCPT & KHCN ĐMST & CDS): CÓ HIỆU LỰC TỪ NGÀY 17/5/2025 & ÁP DỤNG TỪ KỲ TÍNH THUẾ 2025; K.2 Đ.7 (MIỄN THUẾ TNDN CN CP, PHẦN VỐN GÓP VÀO DN KN S.TẠO); Đ.8 (MIỄN THUẾ TNCN CN CP, PHẦN VỐN GÓP VÀO DN KN S.TẠO): CÓ HIỆU LỰC TỪ NGÀY 17/5/2025.

3 năm kể từ ngày được cấp GCN ĐKDN lần đầu

Doanh nghiệp nhỏ và vừa: **NGOẠI TRƯ**



Miễn thuế TNDN

- Thời gian miễn thuế: **tính liên tục từ NĂM ĐẦU TIÊN** được cấp Giấy CNĐKDN **LẦN ĐẦU**
- Trường hợp GCNĐKDN được cấp **TRƯỚC THỜI ĐIỂM NQ 198/2025/QH15** có hiệu lực thì hành mà **CÒN THỜI GIAN ÁP DỤNG ƯU ĐÃI** thì doanh nghiệp được **HƯỚNG ƯU ĐÃI** theo quy định tại khoản này **CHO THỜI GIAN CÒN LẠI**

DOANH NGHIỆP KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO - TỔ CHỨC TRUNG GIAN HỖ TRỢ KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

HOẠT ĐỘNG KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

THU NHẬP TỪ HOẠT ĐỘNG KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

NĐ 20/2026/NĐ-CP

Đối tượng:

- DN khởi nghiệp sáng tạo
- Tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo
- Công ty quản lý quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo

Mức ưu đãi:

- Miễn thuế 02 năm
- Giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo

Thời gian tính ưu đãi:

- Tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế từ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo
- Trường hợp không có thu nhập chịu thuế trong 03 năm đầu kể từ năm có doanh thu thì tính từ năm thứ tư

NQ 98/2023/QH15

Đối tượng:

- DN khởi nghiệp sáng tạo
- Tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo
- Tổ chức KH & CN
- Trung tâm đổi mới sáng tạo

Mức ưu đãi:

- Miễn thuế 05 năm

Thời gian tính ưu đãi:

- Tính từ thời điểm phát sinh thuế TNDN phải nộp từ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

Điều kiện:

- phải đáp ứng tiêu chí quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

THU NHẬP TỪ CHUYỂN NHƯỢNG VỐN ĐẦU TƯ TẠI DN KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO

NĐ 20/2026/NĐ-CP

Đối tượng: Doanh nghiệp có thu nhập từ:

- Chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp
- Quyền góp vốn, quyền mua CP, quyền mua phần vốn góp vào DN khởi nghiệp sáng tạo

Loại trừ:

- Không áp dụng đối với chuyển nhượng CP, quyền mua CP của công ty đại chúng, tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch

Mức ưu đãi:

- Miễn thuế TNDN đối với toàn bộ thu nhập này

NQ 98/2023/QH15

Đối tượng: Doanh nghiệp có thu nhập từ:

- Chuyển nhượng vốn góp, quyền góp vốn vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn TP.HCM

Mức ưu đãi:

- Miễn thuế TNDN đối với toàn bộ thu nhập này

DOANH NGHIỆP KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO - TỔ CHỨC TRUNG GIAN HỖ TRỢ KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

DN khởi nghiệp sáng tạo là DN được thành lập theo quy định của pháp luật để thực hiện ý tưởng trên cơ sở khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới và có khả năng tăng trưởng nhanh.

(K1, ĐIỀU 3, NQ 98/2023/QH15)

TC trung gian hỗ trợ khởi nghiệp (HT KN) đổi mới sáng tạo (ĐM ST) là **tổ chức thúc đẩy KD**, TC HT KN ĐM ST, khu tập trung DV HT KN ĐM ST, CSKT HT DN nhỏ và vừa, CS ươm tạo DN nhỏ và vừa, khu làm việc chung hỗ trợ DN nhỏ và vừa KN sáng tạo, trung tâm xúc tiến và hỗ trợ hoạt động chuyển giao công nghệ, trung tâm HT ĐM ST, TC CCTB dùng chung.

(K2, ĐIỀU 3, NQ 98/2023/QH15)

..\CHUYÊN ĐỀ THUẾ TNDN\CHUYÊN ĐỀ ƯU ĐÃI THUẾ TNDN DOANH NGHIỆP KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO.ppt

Nghi quyết 98/2023/QH15 thí điểm cơ chế chính sách đặc thù phát triển Hồ Chí Minh

Nghi quyết 20/2023/NQ-HĐND lĩnh vực ưu tiên điều kiện dự án đổi mới sáng tạo khởi nghiệp Hồ Chí Minh

DN VỪA - NHỎ - SIÊU NHỎ (LUẬT SỐ 04/2017/QH14 & ND 80/2021/ND-CP)

LĨNH VỰC	DN SIÊU NHỎ	DN NHỎ	DN VỪA
II. THƯƠNG MẠI, DV			
LĐ THAM GIA BHXH BQ NĂM (Tổng LĐ trên CT nộp BHXH NT liền kề: số tháng/ Nếu HĐ < 1 năm tính trên số tháng HĐ) &	LĐ ≤ 10 NGƯỜI &	≤ 50 NGƯỜI &	1 ≤ 100 LĐ NGƯỜI &
DOANH THU (BCTC NT liền kề/ Nếu HĐ < 1 năm, trên 1 năm nhưng chưa PS DT thì căn cứ tổng nguồn vốn) HOẶC	≤ 10 TỶ HOẶC	≤ 100 TỶ HOẶC	≤ 300 TỶ HOẶC
TỔNG NGUỒN VỐN (BCĐKT NT liền kề)	≤ 3 TỶ	≤ 50 TỶ; NHƯNG KHÔNG PHẢI LÀ DN SIÊU NHỎ	≤ 100 TỶ; NHƯNG KHÔNG PHẢI LÀ DN NHỎ, DN SIÊU NHỎ

DN VỪA - NHỎ - SIÊU NHỎ (LUẬT SỐ 04/2017/QH14 & ND 80/2021/ND-CP)

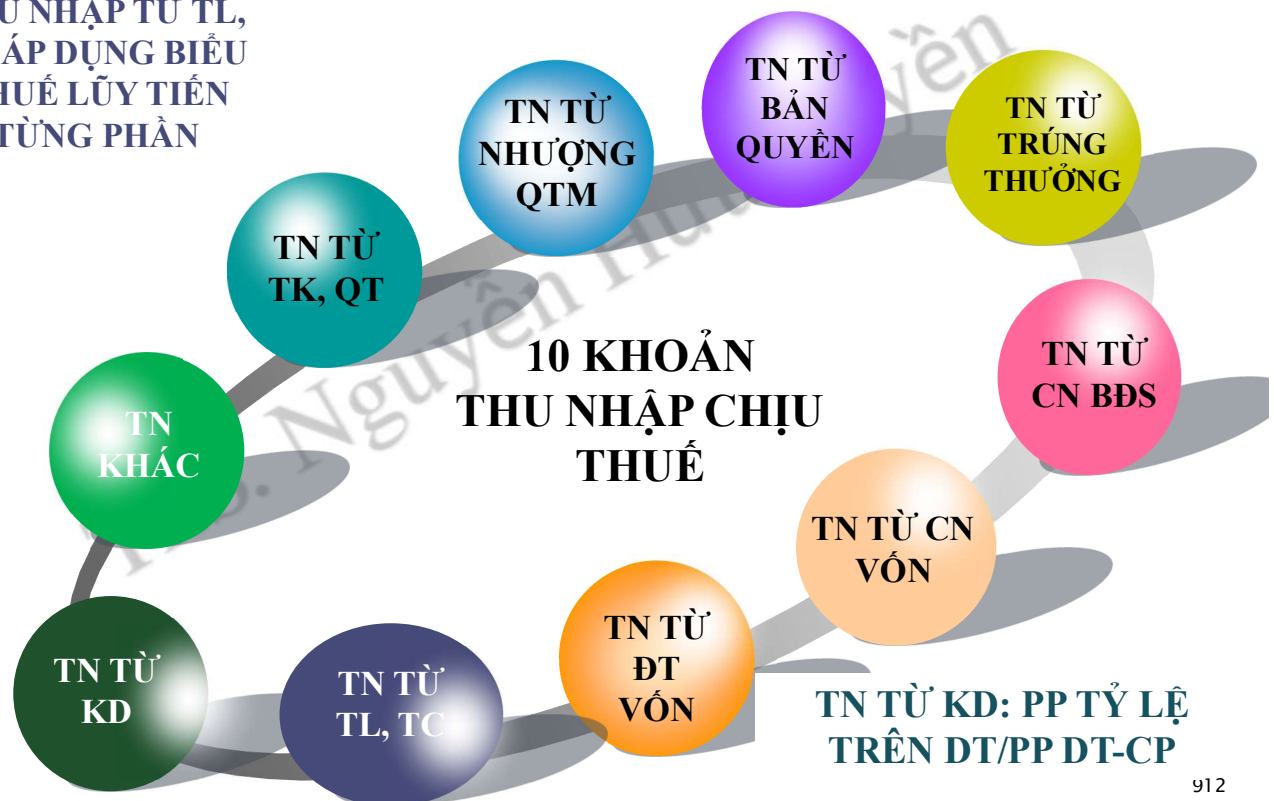
LĨNH VỰC	DN SIÊU NHỎ	DN NHỎ	DN VỪA
I. NÔNG, LÂM, NGHIỆP, THỦY SẢN & CÔNG NGHIỆP, XÂY DỰNG			
LĐ THAM GIA BHXH BQ NĂM (Tổng LĐ trên CT nộp BHXH NT liền kề: số tháng/ Nếu HĐ < 1 năm tính trên số tháng HĐ) &	LĐ ≤ 10 NGƯỜI &	≤ 100 NGƯỜI &	1 ≤ 200 LĐ NGƯỜI &
DOANH THU (BCTC NT liền kề/ Nếu HĐ < 1 năm, trên 1 năm nhưng chưa PS DT thì căn cứ tổng nguồn vốn) HOẶC	≤ 3 TỶ HOẶC	≤ 50 TỶ HOẶC	≤ 200 TỶ HOẶC
TỔNG NGUỒN VỐN (BCĐKT NT liền kề)	≤ 3 TỶ	≤ 20 TỶ; NHƯNG KHÔNG PHẢI LÀ DN SIÊU NHỎ	≤ 100 TỶ; NHƯNG KHÔNG PHẢI LÀ DN NHỎ, DN SIÊU NHỎ

PHẦN III. CẬP NHẬT THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN & QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH



I. 10 KHOẢN THU NHẬP CHỊU THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN (LUẬT 109/2025/QH15)

THU NHẬP TỪ TL, TC ÁP DỤNG BIỂU THUẾ LŨY TIẾN TỪNG PHẦN



Tài liệu sử dụng tại lớp học CNKT VACPA ngày 26/05/2026

1. HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH

- (1) HĐ SXKD HH, DV CN HÀNH NGHỀ ĐỘC LẬP CÓ GIẤY PHÉP, CCHN;
- (2) ĐẠI LÝ, MÔI GIỚI, HTKD;
- (3) KD TMĐT, NỀN TẢNG SỐ.

DT NĂM \leq
01 TỶ

3 TỶ < DT NĂM \leq 50 TỶ
& DT NĂM > 50 TỶ

01 TỶ < DT
NĂM \leq 3 TỶ

..\..\CHUYÊN ĐỀ\CẬP NHẬT CHÍNH SÁCH THUẾ 2026\CHUYÊN ĐỀ CẬP NHẬT THUẾ TNCN QLT HKD 2026.pptx

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG HỘ KINH DOANH

DT 2025 \leq 01 TỶ

(NĐ 141/2026/NĐ-CP: 01 TỶ)

DT 2025 > 01 TỶ

(NĐ 141/2026/NĐ-CP: 01 TỶ)

ĐIỂM d K.1 Đ.4 TT 18/2026/NĐ-CP

Gửi TB số TK/số hiệu ví điện tử theo Mẫu số 01/BK-STK chậm nhất là ngày 20/4/2026.

Điểm d K.1 Đ.4 TT 18/2026/NĐ-CP

Gửi TB số TK/số hiệu ví điện tử theo Mẫu 01/BK-STK kèm theo TK thuế đầu tiên của năm 2026.

K.4 Đ.13 NĐ 68/2026/NĐ-CP

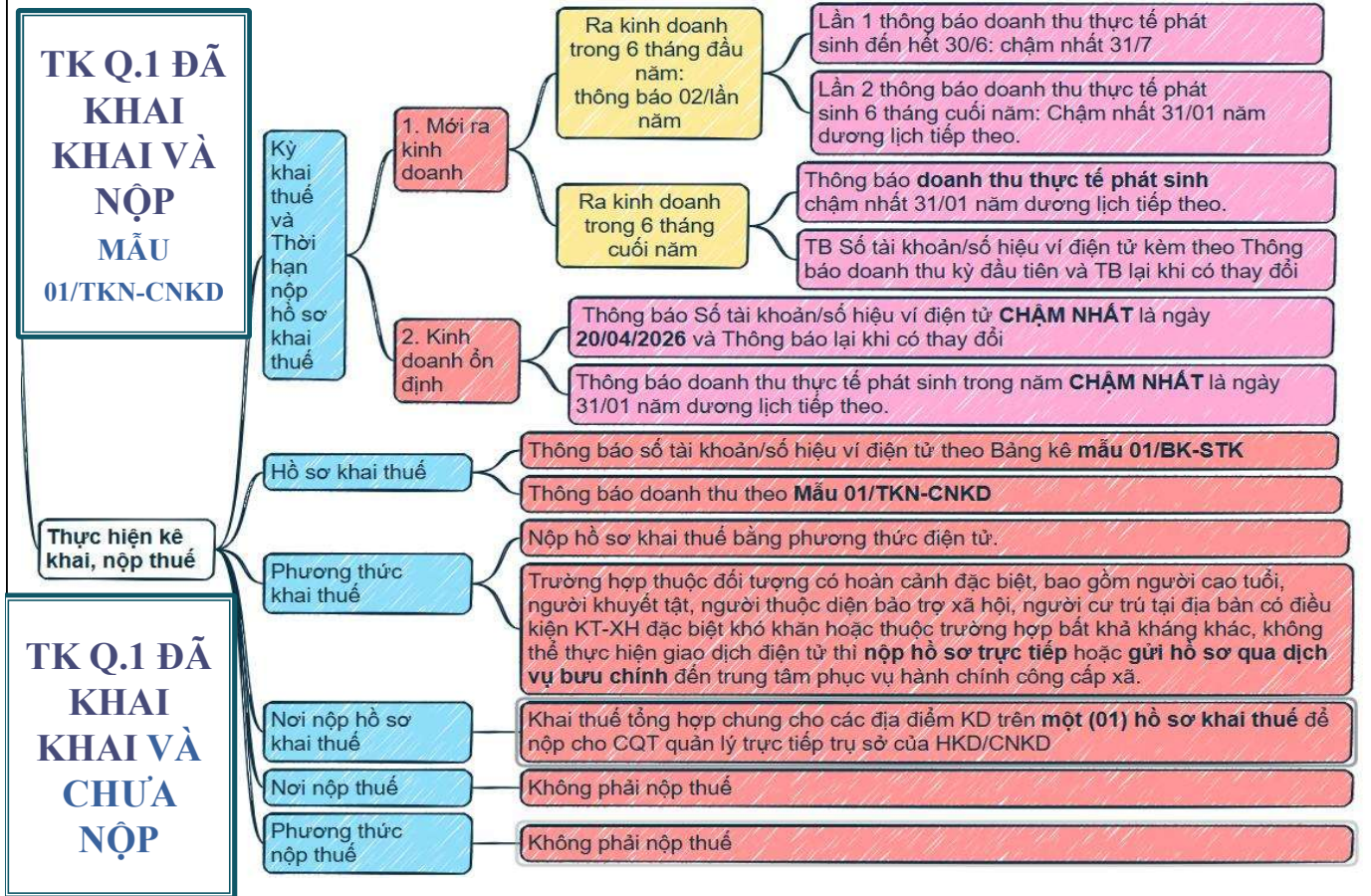
HKD, CNKD thực hiện thông báo cho CQT theo phương thức điện tử tất cả các số tài K. mở tại TC CU DV thanh toán, số hiệu ví điện tử mở tại TC CU DV trung gian thanh toán liên quan đến SXKD.

Điểm d K.1 Đ.4 TT 18/2026/NĐ-CP

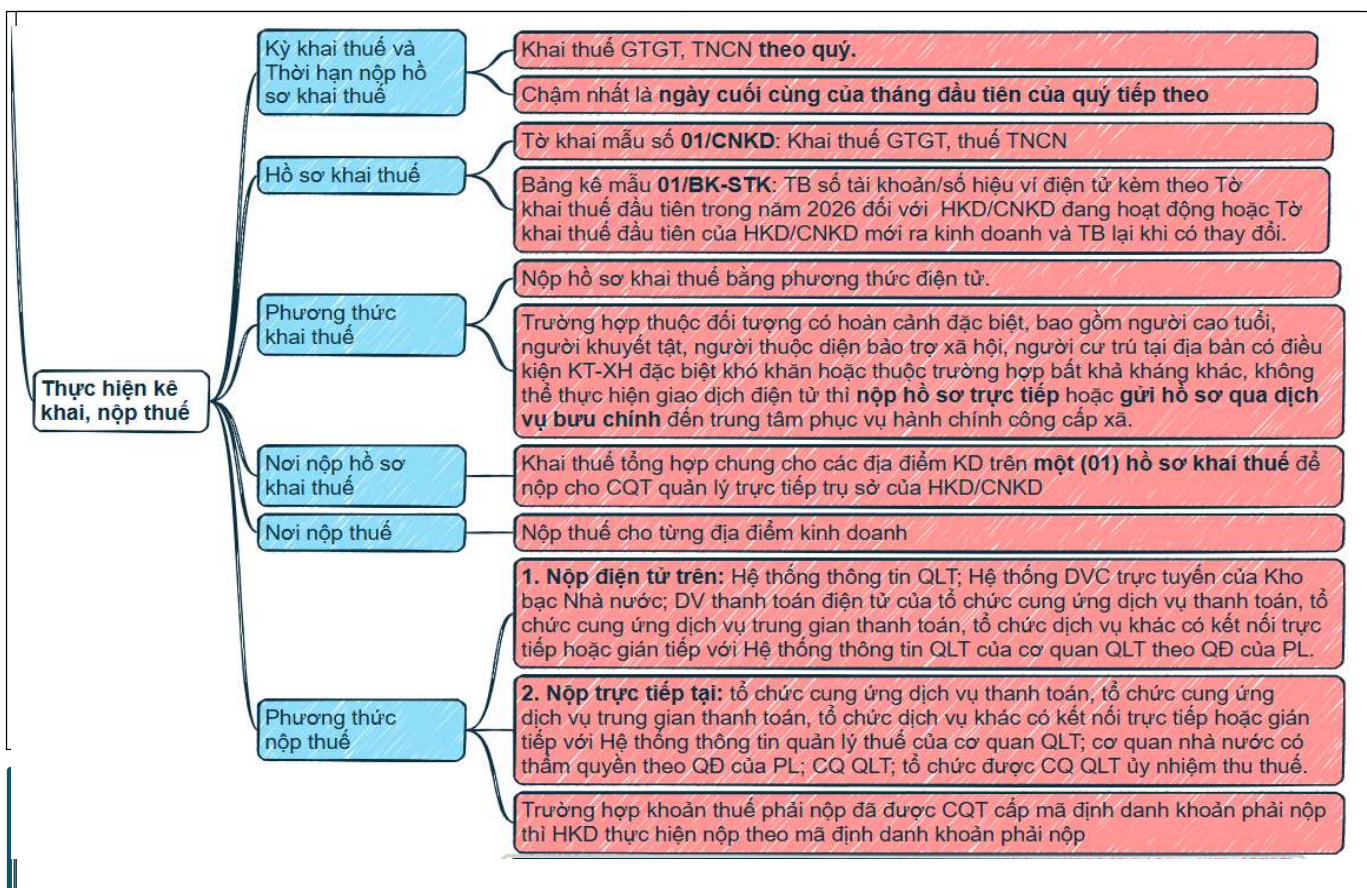
HKD, CNKD khi thay đổi thông tin số TK /số hiệu ví điện tử thì TB cho CQT theo quy định của pháp luật QLT.

..\..\CHUYÊN ĐỀ\CẬP NHẬT CHÍNH SÁCH THUẾ 2026\HỘ KINH DOANH\MAU TT 18\MAU BK 01.BK-STK.doc

HỘ KINH DOANH DT NĂM ≤ 01 TỶ



01 TỶ < DT NĂM ≤ 3 TỶ CHỌN PP DT % TS



01 TỶ < DT NĂM ≤ 3 TỶ CHỌN PP TNTT x TS

Xác định phương pháp tính thuế

Phương pháp tính thuế GTGT, TNCN

GTGT: tỷ lệ % trên doanh thu

TNCN:

Doanh thu trên 500 triệu đồng đến 3 tỷ đồng: thu nhập tính thuế nhân (x) với thuế suất 15%

Doanh thu năm trên 3 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng: thu nhập tính thuế nhân (x) với thuế suất 17%

Thay đổi và ổn định phương pháp tính thuế

Thực hiện **ổn định** phương pháp tính thuế trong **02 năm liên tục** kể từ năm đầu tiên áp dụng.

Thực hiện **khai tạm nộp thuế TNCN theo quý trên cùng HSKT GTGT (Mẫu số 01/CNKD)**. Số thuế TNCN tạm nộp bằng thuế suất nhân (x) DT tính thuế quý và khai QTT TNCN theo năm.

TH số thuế TNCN đã tạm nộp ít hơn số thuế đã khai tạm nộp, số thuế tạm nộp ít hơn số thuế phải nộp khi QT thì HKD, CNKD thực hiện nộp BS và **không phải tính tiền chậm nộp**. TH số thuế TNCN tạm nộp nhiều hơn số thuế phải nộp khi QT thì thực hiện **thủ tục XL tiền thuế nộp thừa** theo **Đ.12 ND** này (Mẫu 02/QTT-TNCN-CNKD).

3 TỶ < DOANH THU NĂM ≤ 50 TỶ

Kỳ khai thuế và Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế

- Khai thuế GTGT và **khai tạm nộp TNCN theo quý**.
- Chậm nhất là **ngày cuối cùng của tháng đầu tiên của quý tiếp theo**.

Khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân theo năm: chậm nhất là ngày 31/3 năm dương lịch tiếp theo

Hồ sơ khai thuế

Tờ khai mẫu số **01/CNKD**: Khai thuế GTGT, **khai tạm nộp thuế TNCN** trong năm.

Bảng kê hàng tồn kho, máy móc, thiết bị tính đến 31/12/2025.

Bảng kê mẫu **01/BK-STK**: TB số tài khoản/số hiệu ví điện tử kèm theo Tờ khai thuế đầu tiên trong năm 2026 đối với HKD/CNKD đang hoạt động hoặc Tờ khai thuế đầu tiên của HKD/CNKD mới ra kinh doanh và thông báo lại khi có thay đổi.

Hồ sơ khai quyết toán thuế TNCN cuối năm: Tờ khai mẫu số **02/CNKD-TNCN-QTT**.

Phương thức khai thuế

Nộp hồ sơ khai thuế bằng phương thức điện tử.

Trường hợp thuộc đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt, bao gồm người cao tuổi, người khuyết tật, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người cư trú tại địa bàn có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn hoặc thuộc trường hợp bất khả kháng khác, không thể thực hiện giao dịch điện tử thì **nộp hồ sơ trực tiếp** hoặc **gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính** đến trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.

Thực hiện kê khai, nộp thuế

KHAI THUẾ CHO THUẾ BẤT ĐỘNG SẢN

TRƯỜNG HỢP CN CHO THUÊ TT KHAI

Khai **hai lần** trong năm tính thuế: Ngày **31/7** & ngày **31/01** của năm dương lịch tiếp theo;

Hoặc khai **một lần** theo năm tính thuế: Ngày **31/01** của năm dương lịch tiếp.

CN có **nhiều BĐS** khai thuế **tổng hợp chung** cho các **BDS trên 01 HSKT** và **lựa chọn 01 CQT** nơi có **BDS cho thuê để nộp HSKT**. Nộp thuế theo từng địa điểm nơi có BĐS cho thuê.

..\CHUYÊN ĐỀ\CẬP NHẬT CHÍNH SÁCH THUẾ 2026\HỒ KINH DOANH\MAU TT 18\TK 01.BDS + PL.docx

TRƯỜNG HỢP TC KHAI, NỘP THAY

Thời hạn nộp HSKT **XĐ** theo kỳ thanh toán tiền thuê BĐS.

Cá nhân cho thuê BĐS và bên đi thuê **phải quy định rõ trong hợp đồng cho thuê BĐS nội dung khai thay, nộp thay thuế và số tiền được trừ khi tính thuế TNCN TK 01/TCKT và PL 02/BK-KTBDS**.

..\CHUYÊN ĐỀ\CẬP NHẬT CHÍNH SÁCH THUẾ 2026\HỒ KINH DOANH\MAU TT 18\TK 01.TCKT + PL.doc

Đ.8 TT 18/2026/TT-BTC

- TH quy định tại K.3 Đ.18 NĐ 68/2026/NĐ-CP thì được khai điều chỉnh theo TK **Mẫu 01/TTS** theo DT chịu thuế TTPS trong năm 2025 và khai DT năm 2026 theo **Mẫu 01/BDS**.
- Đối với trường hợp **đã kê khai, nộp** thuế theo hướng dẫn tại TT 40/2021/TT-BTC thì **không điều chỉnh lại**. TH chưa khai thuế thì thực hiện theo hồ sơ, thủ tục quy định tại TT 18/2026/TT-BTC **không bị xử phạt**.

THUẾ TNCN TỪ KINH DOANH ĐỐI VỚI CÁ NHÂN KHÔNG CƯ TRÚ (TỪ 01/07/2026)

K.2 Đ.10 LUẬT THUẾ 04/2007/QH12

DT là toàn bộ tiền bán hàng, tiền gia công, tiền hoa hồng, tiền cung ứng DV PS trong kỳ tính thuế từ các HĐ SXKD HH, DV.

TH CNKD không XĐ được DT thì CQT có thẩm quyền ấn định DT theo quy định của PL về QLT.

THUẾ TNCN

=

DT X TS

K.3 Đ.10 LUẬT THUẾ 04/2007/QH12

- 1% đối với hoạt động kinh doanh HH.
- 5% đối với hoạt động kinh doanh DV.
- 2% đối với hoạt động SX, XD, VT và hoạt động kinh doanh khác.

DT là toàn bộ tiền bán hàng, tiền gia công, tiền cung ứng DV kể cả trợ giá, phụ thu, phụ trội mà CN được hưởng, **bao gồm cả CP do bên mua HH, DV trả thay cho CN không cư trú mà không được hoàn trả**. Trường hợp thoả thuận hợp đồng không bao gồm TNCN thì DT tính thuế phải quy đổi.

TS: a) Phân phối, CCHH: **1%**; b) DV, XD không bao thầu NVL: **5%**; c) SX, VT, DV có gắn với hàng hoá, XD có bao thầu NVL: **2%**; d) HĐ CCSP và DV nội dung thông tin số về giải trí, trò chơi điện tử, phim số, ảnh số, nhạc số, quảng cáo: **5%**; đ) HĐ KD khác: **2%**.

2. THUẾ TNCN TỪ TIỀN LƯƠNG, TIỀN CÔNG

TIỀN LƯƠNG, TIỀN CÔNG & CÁC
KHOẢN CÓ TÍNH CHẤT TIỀN
LƯƠNG, TIỀN CÔNG

TIỀN THÙ LAO &
CÁC KHOẢN LỢI
ÍCH BẰNG
TIỀN/KHÔNG BẰNG
TIỀN

PHỤ CẤP, TRỢ CẤP,
TN KHÁC
TRỪ PHỤ CẤP, TRỢ
CẤP KHÔNG TÍNH
THUẾ

..\..\..\CHUYÊN ĐỀ BỔ TRỢ\CHUYÊN ĐỀ THUẾ TNCN\CHUYÊN ĐỀ
THUẾ TNCN TỪ TIỀN LƯƠNG, TIỀN CÔNG.pptx

3. THUẾ TNCN TỪ ĐẦU TƯ VỐN (TỪ 01/07/2026)

TN
tính thuế

X

TS
5%

Thời điểm thực chi

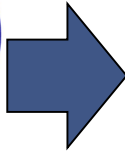
K.3 Đ.3 LUẬT THUẾ TNCN 109/2025/QH15

a) Tiền lãi cho vay; b) Lợi tức cổ phần; c) Thu nhập từ đầu tư vốn dưới các hình thức khác (Luật 103/VBHN-VPQH: trừ thu nhập từ lãi trái phiếu Chính phủ).

..\..\..\CHUYÊN ĐỀ BỔ TRỢ\CHUYÊN ĐỀ THUẾ TNCN\CHUYÊN ĐỀ THUẾ
TNCN TỪ CHUYỂN NHƯỢNG VỐN - ĐẦU TƯ VỐN.pptx

4. THUẾ TNCN TỪ CHUYỂN NHƯỢNG VỐN (TỪ NGÀY 01/07/2026)

**THU NHẬP TỪ
CHUYỂN
NHƯỢNG
VỐN**



- Thu nhập từ CNV: $[(GCN - (GM - CPCN))] \times 20\%$.
- Thu nhập từ CNCK: $GCN \times 0,1\%$
- TN từ CNV dưới các hình thức khác.

CÁ NHÂN KHÔNG CƯ TRÚ

$[(GCN - (GM + CPCN))] \times 20\%$. VN ; TH KHÔNG XĐ ĐƯỢC GM & CP LQ: $GCN (x) 2\%$
CNCK: $GCN \times 0,1\%$

K.4 Đ.3 LUẬT THUẾ TNCN 109/2025/QH15

- Thu nhập từ chuyển nhượng phần vốn trong các TC kinh tế;
- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán;
- Thu nhập từ chuyển nhượng vốn dưới các hình thức khác.

..\..\CHUYÊN ĐỀ BỔ TRỢ\CHUYÊN ĐỀ THUẾ TNCN\CHUYÊN ĐỀ THUẾ TNCN TỪ CHUYỂN NHƯỢNG VỐN - ĐẦU TƯ VỐN.pptx

5. THUẾ TNCN TỪ C.N BĐS (TỪ 01/07/2026)



**GÍA
CN**

X

**THUẾ SUẤT
2%**

- TN từ CN QSDĐ và TS gắn liền với đất;
- TN từ chuyển nhượng QSH hoặc sử dụng nhà ở;
- TN từ CN quyền thuê đất, quyền thuê mặt nước;
- Các khoản TN khác nhận được từ CN BĐS dưới mọi HT.

Thời điểm xác định thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng BĐS là **thời điểm hợp đồng chuyển nhượng có hiệu lực** theo quy định của PL hoặc thời điểm đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu BĐS.

6. THUẾ TNCN TỪ TRÚNG THƯỞNG (TỪ NGÀY 01/07/2026)

a) Trúng thưởng xổ số;
c) Trúng thưởng trong các hình thức đặt cược (Luật 103/VBHN-VPQH cá cược);

b) Trúng thưởng trong các hình thức khuyến mại;

d) Trúng thưởng trong các trò chơi, cuộc thi có thưởng và các hình thức trúng thưởng khác, (BS: trừ trúng thưởng trong casino).

TỪ 01/07/2026: 10 % TRÊN PHẦN VƯỢT TRÊN 20 TRIỆU

TRƯỚC 01/07/2026: 10 % TRÊN PHẦN VƯỢT TRÊN 10 TRIỆU

..\..\CHUYÊN ĐỀ BỔ TRỢ\CHUYÊN ĐỀ THUẾ TNCN\CHUYÊN ĐỀ THUẾ TNCN TỪ TRÚNG THƯỞNG - BẢN QUYỀN - NHƯỢNG QUYỀN THƯƠNG MẠI.pptx

7 & 8. THUẾ TNCN TỪ BẢN QUYỀN, QUYỀN THƯƠNG MẠI (TỪ 01/07/2026)

THU NHẬP TÍNH THUẾ TỪ BẢN QUYỀN (BAO GỒM C.GIAO QSD CÁC ĐT QSH TRÍ TUỆ; C.GIAO C. NGHỆ), QUYỀN THƯƠNG MẠI

Bản quyền: 5% phần thu nhập vượt trên 20 triệu đồng.

Quyền thương mại: 5% phần thu nhập vượt trên 20 triệu đồng.

ĐV trả TN khai khấu trừ theo tháng/quý (mẫu 06/TNCN)

TRƯỚC 01/07/2026: 5 % TRÊN PHẦN VƯỢT TRÊN 10 TRIỆU

..\..\CHUYÊN ĐỀ BỔ TRỢ\CHUYÊN ĐỀ THUẾ TNCN\CHUYÊN ĐỀ THUẾ TNCN TỪ TRÚNG THƯỞNG - BẢN QUYỀN - NHƯỢNG QUYỀN THƯƠNG MẠI.pptx

9. THUẾ TNCN TỪ THỪA KẾ - QUÀ TẶNG (TỪ NGÀY 01/07/2026)

**CHỨNG KHOÁN
PHẦN VỐN GÓP**

BẤT ĐỘNG SẢN

TÀI SẢN PHẢI ĐK QSH

ô tô; xe gắn máy, xe mô tô; tàu thủy, kể cả sà lan, ca nô, tàu kéo, tàu đẩy; thuyền, kể cả du thuyền; tàu bay; súng săn, súng thể thao

TỪ 01/07/2026: 10 % TRÊN PHẦN VƯỢT TRÊN 20 TRIỆU

TRƯỚC 01/07/2026: 10 % TRÊN PHẦN VƯỢT TRÊN 10 TRIỆU

4

10. THUẾ TNCN TỪ TN KHÁC (TỪ 01/07/2026)

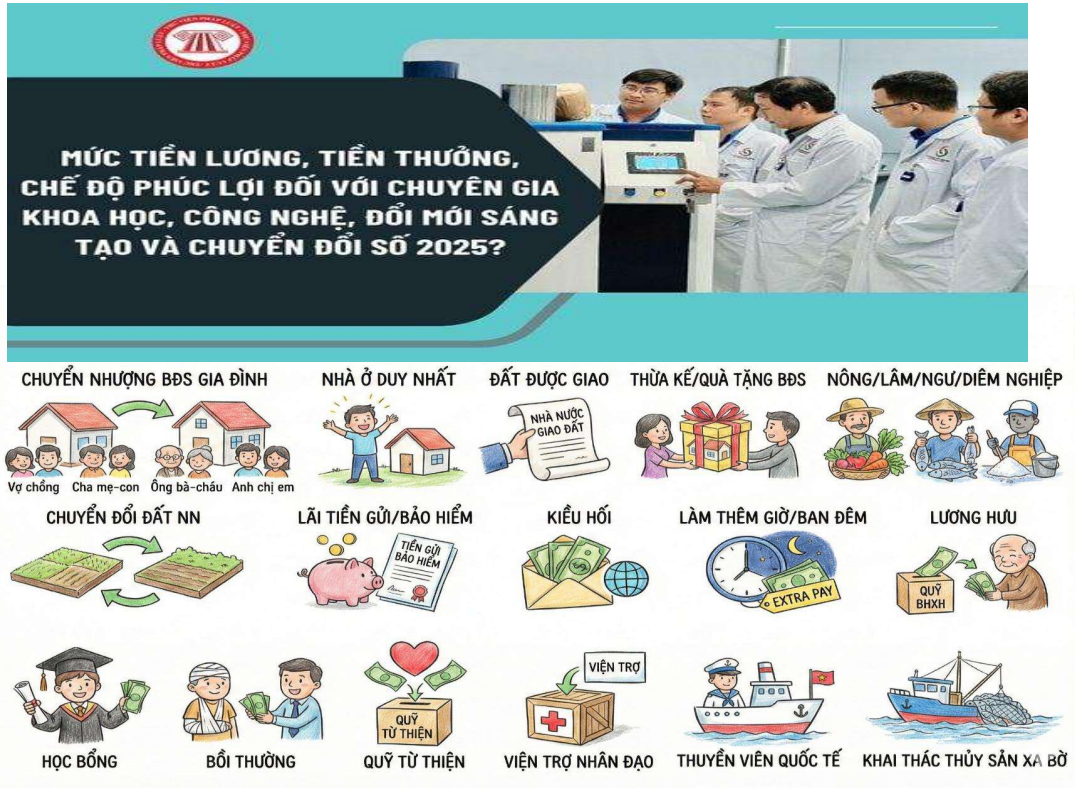
5 % TRÊN PHẦN VƯỢT TRÊN 20 TRIỆU:

- a) TN từ chuyển nhượng tên miền internet quốc gia VN “.vn” (TT 40/2021/TT-BTC: thuộc đối tượng áp dụng HKD);
- b) TN từ chuyển nhượng kết quả giảm phát thải khí nhà kính, tín chỉ các bon;
- c) TN từ chuyển nhượng biển số xe trúng đấu giá theo quy định của pháp luật.

0,1 % X GIÁ CHUYỂN NHƯỢNG:

- d) TN từ chuyển nhượng tài sản số;
- đ) TN từ chuyển nhượng vàng miếng.

II. THU NHẬP MIỄN THUẾ - THU NHẬP KHÔNG TÍNH THUẾ - MIỄN, GIẢM THUẾ TNCN



THU NHẬP MIỄN THUẾ

Đ.4 LUẬT THUẾ TNCN 109/2025/QH15

1. TN từ **chuyển nhượng, nhận thừa kế, quà tặng là BĐS** giữa các cá nhân có quan hệ gia đình, huyết thống.
2. Trường hợp cá nhân **chỉ có một nhà ở, đất ở duy nhất tại VN**.
3. TN từ giá trị QSĐĐ của cá nhân được Nhà nước giao đất.
4. TN của **HGD, cá nhân trực tiếp SXNN (bao gồm lợi tức CP của thành viên HTX, LH HTX NN, cá nhân là ND ký kết hợp đồng với DN tham gia “Cánh đồng lớn”)**.
5. TN từ **chuyển đổi đất nông nghiệp**.
6. TN từ lãi trái phiếu CP, lãi tiền gửi tại tổ chức tín dụng, **lãi từ HDBH nhân thọ**.
7. Thu nhập từ **kiều hối**.

Đ.4 LUẬT THUẾ TNCN 109/2025/QH15

8. Tiền lương làm việc **ban đêm, làm thêm giờ, tiền lương, tiền công trả cho những ngày không nghỉ phép theo quy định của PL** (K.9 Đ.4 Luật thuế TNCN số 04/2007/QH12: phần tiền lương làm việc **ban đêm, làm thêm giờ được trả cao hơn so với tiền lương làm việc ban ngày, làm trong giờ theo quy định của PL**).
9. Tiền lương hưu do **Quỹ bảo hiểm xã hội chi trả**; TN do **quỹ BH hưu trí bổ sung, quỹ hưu trí tự nguyện chi trả**.
10. TN từ **học bổng**.
11. TN từ **bồi thường hợp đồng BH nhân thọ, ... và các khoản bồi thường khác theo quy định của PL**.
12. TN nhận được từ các TC và **quỹ từ thiện**.
13. TN nhận được từ nguồn **viện trợ NN**.
14. TN từ TL, TC của **thuyền viên VTQT**.

THU NHẬP MIỄN THUẾ

Đ.4 LUẬT THUẾ TNCN 109/2025/QH15

15. TN của cá nhân là chủ tàu và CN làm việc trên tàu từ hoạt động cung cấp hàng hóa, dịch vụ trực tiếp phục vụ hoạt động khai thác, đánh bắt thủy sản xa bờ.

16. TN từ chuyển nhượng lần đầu kết quả **giảm phát thải khí nhà kính của cá nhân được công nhận kết quả giảm phát thải khí nhà kính, tín chỉ các bon của cá nhân được cấp tín chỉ các bon; thu nhập từ tiền lãi trái phiếu xanh; thu nhập từ chuyển nhượng lần đầu trái phiếu xanh sau khi phát hành.**

17. TN từ tiền lương, tiền công từ **thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.**

Đ.4 LUẬT THUẾ TNCN 109/2025/QH15

18. Thu nhập từ quyền tác giả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo khi kết quả nhiệm vụ được thương mại hóa theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, pháp luật về sở hữu trí tuệ.

19. TN của nhà đầu tư cá nhân, chuyên gia từ dự án khởi nghiệp sáng tạo, sáng lập viên cho DN khởi nghiệp sáng tạo, nhà đầu tư cá nhân góp vốn vào quỹ đầu tư mạo hiểm.

20. TN từ tiền lương, tiền công của chuyên gia nước ngoài làm việc tại chương trình, dự án tài trợ bằng nguồn vốn ODA....

21. Thu nhập sau khi đã nộp thuế TNDN của cá nhân là chủ DNTN, cá nhân là chủ công ty TNHH MTV.

CÁC TRƯỜNG HỢP MIỄN, GIẢM THUẾ KHÁC

Đ.5 LUẬT THUẾ TNCN 109/2025/QH15

1. NNT gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, hoả hoạn, tai nạn, bệnh hiểm nghèo ảnh hưởng đến khả năng nộp thuế thì được giảm thuế tương ứng với mức độ thiệt hại nhưng không vượt quá số thuế phải nộp.

2. Miễn TNCN **trong thời hạn 05 năm đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của CN là nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao thuộc các trường hợp sau:** a) Thu nhập từ DA HĐ công nghiệp công nghệ số trong khu công nghệ số tập trung; b) Thu nhập từ DA R & D, SX SP công nghệ số trọng điểm, chip bán dẫn, hệ thống trí tuệ nhân tạo; c) Thu nhập từ các HĐ đào tạo nhân lực công nghiệp công nghệ số (**Luật 109/2025/QH15 BS**).

Đ.5 LUẬT THUẾ TNCN 109/2025/QH15

3. Miễn TNCN trong thời hạn 05 năm đối với thu nhập từ TL, TC của CN là nhân lực công nghệ cao thực hiện HĐ R&D công nghệ cao hoặc công nghệ chiến lược thuộc DM công nghệ cao được ưu tiên ĐT triển hoặc DM công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược theo quy định của PL về công nghệ cao (**Luật 109/2025/QH15 BS**).

4. Miễn TNCN đối với CN chứng chỉ quỹ mở TL theo quy định của PL về chứng khoán được nắm giữ từ 02 năm trở lên kể từ ngày mua (**Luật 109/2025/QH15 BS**).

5. Giảm 50% TNCN đối với lợi tức của nhà đầu tư CN được chia từ quỹ đầu tư chứng khoán, quỹ đầu tư BDS TL theo quy định của Luật CK trong thời hạn do CP quy định (**Luật 109/2025/QH15 BS**).

MIỄN THUẾ TNCN CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN PHẦN GÓP VỐN VÀO DN KN SÁNG TẠO

K.2 Đ.8 NĐ 20/2026/NĐ-CP (CÓ HIỆU LỰC TỪ NGÀY 17/5/2025)

Cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp, quyền góp vốn, quyền mua cổ phần, quyền mua phần vốn góp vào DN khởi nghiệp sáng tạo được miễn thuế thu nhập cá nhân.

K.2 Đ.8 NĐ 20/2026/NĐ-CP: KHÔNG ÁP DỤNG

Thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của công ty đại chúng, tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Trường hợp bán toàn bộ DN do cá nhân làm chủ sở hữu dưới hình thức chuyển nhượng vốn có gắn với bất động sản thì kê khai và nộp thuế TNCN theo hoạt động chuyển nhượng BĐS.

MIỄN, GIẢM PIT CHUYÊN GIA, NHÀ KHOA HỌC CÓ TỪ TIỀN LƯƠNG NHẬN TỪ DN KN SÁNG TẠO

K.1 Đ.8 NĐ 20/2026/NĐ-CP (CÓ HIỆU LỰC TỪ NGÀY 17/5/2025)

CN là chuyên gia, nhà khoa học theo quy định của Luật KH, CN & ĐMST và các VB hướng dẫn có thu nhập từ tiền lương, tiền công nhận được từ DN khởi nghiệp sáng tạo, TTNC & PT, TC trung gian HT KN ĐMST được miễn thuế trong thời hạn 02 năm (24 tháng liên tục) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm (48 tháng liên tục) tiếp theo đối với khoản thu nhập này.

TH CN vừa có thu nhập từ tiền lương, tiền công được miễn, giảm thuế theo quy định tại khoản này vừa có thu nhập từ tiền lương, tiền công khác thì số thuế thu nhập cá nhân được miễn, giảm theo quy định tại khoản này được XD:

Số thuế được giảm trong kỳ tính thuế	= 50% x	Số thuế TNCN tính trên tổng thu nhập từ tiền lương, tiền công trong kỳ tính thuế	x	Thu nhập được giảm thuế từ tiền lương, tiền công tại khoản này Tổng TNCT từ tiền lương, tiền công trong kỳ tính thuế
Số thuế được miễn trong kỳ tính thuế	=	Số thuế TNCN tính trên tổng thu nhập từ tiền lương, tiền công trong kỳ tính thuế	x	Thu nhập được miễn thuế từ tiền lương, tiền công tại khoản này Tổng TNCT từ tiền lương, tiền công trong kỳ tính thuế

III. THU NHẬP TỪ TIỀN LƯƠNG, TIỀN CÔNG

CÁ NHÂN CƯ TRÚ
TÍNH THUẾ TNCN THEO BIỂU
THUẾ LUYỆN TIẾN TỪNG PHẦN

CÁ NHÂN KHÔNG CƯ TRÚ
TÍNH THUẾ TNCN 20% (KHÔNG
PHÂN BIỆT NƠI TRẢ TN)

..\..\CHUYÊN ĐỀ BỒ TRỢ\CHUYÊN ĐỀ THUẾ TNCN\CHUYÊN ĐỀ THUẾ
TNCN TỪ TIỀN LƯƠNG, TIỀN CÔNG.pptx

2

BẢNG HƯỚNG DẪN TÍNH THUẾ TNCN THEO BIỂU THUẾ LUYỆN TIẾN TỪNG PHẦN

TỪ 01/01/2026				TRƯỚC 01/01/2026		
BẬC	TTTT/NĂM (TRIỆU)	TTTT/THÁNG (TRIỆU)	TS (%)	BẬC	TN TT/THÁNG	TS (%)
1	Đến 120	Đến 10	5	1	Đến 5 triệu đồng	5
2	Trên 120 đến 360	Trên 10 đến 30	10	2	Trên 5 triệu đồng đến 10 Triệu đồng	10
3	Trên 360 đến 720	Trên 30 đến 60	20	3	Trên 10 triệu đồng đến 18 triệu đồng	15
4	Trên 720 đến 1.200	Trên 60 đến 100	30	4	Trên 18 triệu đồng đến 32 triệu đồng	20
5	Trên 1.200	Trên 100	35	5	Trên 32 triệu đồng đến 52 triệu đồng	25
				6	Trên 52 triệu đồng đến 80 triệu đồng	30
				7	Trên 80 triệu đồng	35

GIẢM TRỪ GIA CẢNH (TỪ 01/01/2026) NQ 110/2025/UBTVQH14

BẢN THÂN:

- NGƯỜI VN: 186 TRIỆU/NĂM
- NGƯỜI NN: 15,5. TRIỆU/THÁNG

NPT (MST): 6,2 TRIỆU/THÁNG
ĐK CHẠM NHẤT TĐ QT/NGÀY 31/12
(TÍNH TỪ THỜI ĐIỂM PS NV ND)

...\CHUYÊN ĐỀ BỔ TRỢ\CHUYÊN ĐỀ THUẾ
TNCN\CHUYÊN ĐỀ GIẢM TRỪ GIA CẢNH.pptx

15

NGUYÊN TẮC GIẢM TRỪ GIA CẢNH Đ.10 LUẬT THUẾ TNCN 109/2025/QH15

Mỗi NPT chỉ được tính giảm trừ một lần vào một NNT trong năm tính thuế. Trường hợp nhiều NNT có chung NPT phải nuôi dưỡng thì NNT tự thỏa thuận.

NNT có nhiều nguồn thu nhập từ tiền lương, tiền công, **thì tại mỗi một thời điểm** (tính đủ theo tháng) được lựa chọn tính giảm trừ cảnh cho bản thân tại một nơi.

Người NN là CN cư trú tại VN được tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân **từ tháng 01** (hoặc từ tháng đến VN trong trường hợp CN lần đầu tiên có mặt tại VN) đến tháng kết thúc HĐLĐ và rời VN trong năm tính thuế

Trong năm thì mỗi người phụ thuộc chỉ được tính giảm trừ một lần vào một người nộp thuế, không được chuyển người phụ thuộc sang người khác trong năm tính thuế. Phải chờ hết năm tính thuế mới chuyển được.

**NGƯỜI PHỤ
THUỘC
Đ.10 LUẬT
109/2025/QH15**

Con chưa thành niên; con là người mất năng lực hành vi dân sự, người khuyết tật, không có khả năng LĐ. bao gồm con thành niên đang học đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp hoặc học nghề (TN không vượt quá mức BTC quy định).

**Cha, mẹ (Hết tuổi LĐ/không có KN LĐ)
Vợ/chồng (Không có khả năng LĐ)
TN không vượt quá mức BTC quy định**

Những người khác không nơi nương tựa mà NNT phải trực tiếp nuôi dưỡng (TN không vượt quá mức BTC quy định).

15
6

**ĐÓNG GÓP TỪ THIỆN, NHÂN ĐẠO & GIẢM TRỪ
KHÁC (Đ.11 LUẬT 109/2025/QH15)**

ĐÓNG GÓP TỪ THIỆN, NHÂN ĐẠO

- Khoản đóng góp vào TC, CS chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em có hoàn cảnh ĐBKK, người K. tật, người già không nơi nương tựa;
- Khoản đóng góp vào Q từ thiện, quỹ nhân đạo, Q khuyến học;
- Khoản đóng góp vào các TC có chức năng huy động tài trợ được TL và hoạt động theo quy định của PL.

TC, CS và các quỹ quy định tại khoản này phải được CQNN có thẩm quyền cho phép TL hoặc công nhận, HĐ vì mục đích từ thiện, nhân đạo, khuyến học, không vì mục tiêu LN.

GIẢM TRỪ KHÁC

Khoản chi cho YT- GD - ĐT của NNT, NPT được giảm trừ theo mức do CP (phải đáp ứng các ĐK về HĐ, CT theo quy định của PL và không được chi trả từ các nguồn khác).

15
7

PHẦN V. CẬP NHẬT PHÁP LUẬT KHÁC



Luật thuế Tiêu Thu Đặc biệt năm 2025 có hiệu lực vào ngày 1/1/2026 sửa đổi biểu thuế suất và mức thuế tuyệt đối

- 01. Đối với mặt hàng thuốc lá**
Giữ nguyên mức thuế suất thuế tỷ lệ phần trăm hiện hành (75%) và bổ sung mức thuế tuyệt đối theo lộ trình 5 năm từ 2027-2031
- 02. Đối với mặt hàng rượu bia**
Tăng thuế suất thuế tỷ lệ phần trăm theo lộ trình 5%/năm trong 5 năm từ năm 2027-2031
- 03. Đối với xe ô tô chở hàng**
Điều chỉnh thuế suất đối với mặt hàng xe ô tô pick-up chở hàng cabin kép, xe ô tô tải VAN có từ hai hàng ghế trở lên, có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chở người và khoang chở hàng theo lộ trình tăng 3%/năm trong 3 năm từ năm 2027 - 2029
- 04. Đối với nước giải khát**
Theo tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) có hàm lượng đường trên 5g/100ml: Áp dụng mức thuế suất 8% (từ năm 2027) và 10% (từ năm 2028).

KHAI KHẤU TRỪ THUẾ TNCN THÁNG/QUÝ

KHAI KHẤU TRỪ THUẾ TNCN THÁNG/QUÝ NẾU PHÁT SINH KHẤU TRỪ

NNT KHAI MẪU 05/KK-TNCN BẰNG 0 ĐỒNG !? HAY KHÔNG KHAI

NQ 66.16/2026/NQ-CP PLI.9 TRANG 153

1. Thủ tục khai thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công (bao gồm cả cá nhân nhận thưởng bằng cổ phiếu từ đơn vị sử dụng lao động) tại điểm a khoản 1 Điều 8 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP như sau:

Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân (trừ thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công). Trường hợp người nộp thuế đáp ứng các tiêu chí theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP thì được lựa chọn khai theo quý.

2. Thủ tục khai thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công (bao gồm cả cá nhân nhận thưởng bằng cổ phiếu từ đơn vị sử dụng lao động) tại điểm c khoản 2 Điều 8 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP như sau:

Thuế thu nhập cá nhân đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập thuộc diện khấu trừ thuế theo quy định của pháp luật thuế thu nhập cá nhân, mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập đó thuộc diện khai thuế giá trị gia tăng theo quý và lựa chọn khai thuế thu nhập cá nhân theo quý; thuế thu nhập cá nhân đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công thuộc diện khấu trừ thuế theo quy định của pháp luật thuế thu nhập cá nhân; cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công trực tiếp khai thuế với cơ quan thuế.

QUYẾT TOÁN THUẾ TNCN TỪ TIỀN LƯƠNG, TIỀN CÔNG

Đ.3 NĐ 373/2025/NĐCP (HIỆU LỰC TỪ 14/02/2026)

Cá nhân cư trú có thu nhập tiền lương, tiền công thuộc diện tổ chức chi trả khấu trừ tại nguồn từ **hai nơi trở lên** thì nộp HS khai QTT tại **CQT quản lý trực tiếp tổ chức trả thu nhập lớn nhất trong năm**. Trường hợp có nhiều nguồn thu nhập lớn nhất trong năm mà các nguồn thu nhập đó bằng nhau thì CN nộp HS QTT tại **một trong những CQT quản lý trực tiếp tổ chức chi trả các nguồn thu nhập lớn nhất trên**.

Trường hợp cá nhân nộp HS khai QTT TNCN không đúng quy định nêu trên thì CQT nơi đã tiếp nhận hồ sơ của cá nhân đó căn cứ thông tin trên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành thuế hỗ trợ chuyển hồ sơ đến CQT quản lý trực tiếp tổ chức trả thu nhập để thực hiện QTT TNCN theo quy định pháp luật.

BÃI BỎ THỦ TỤC ĐĂNG KÝ NPT (QĐ 216/QĐ-BTC)

PHỤ LỤC I NĐ 126/2021/NĐ-CP

PL I NĐ 373/2025/NĐ-CP

9.11. Hồ sơ đăng ký người phụ thuộc

- 07/ĐK-NPT-TNCN Bản đăng ký người phụ thuộc
- 07/XN-NPT-TNCN PL bảng kê khai về người phải trực tiếp nuôi dưỡng HS CM NPT theo quy định của Luật Thuế TNCN
- 07/THĐK-NPT-TNCN PL bảng tổng hợp đăng ký người phụ thuộc cho người giám trừ gia cảnh (áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện đăng ký giảm trừ NPT cho NLĐ)

KHÔNG QUY ĐỊNH

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính:

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC bị bãi bỏ	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Số Quyết định đã công bố TTHC bị bãi bỏ
1	2.002229	Đăng ký người phụ thuộc (NPT) giảm trừ gia cảnh đối với cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công	Nghị định số 373/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế	Thuế	Thuế tỉnh, thành phố	STT 27 kèm theo Quyết định 4472/QĐ-BTC ngày 30/12/2025 công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý Thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

LUẬT QUẢN LÝ THUẾ SỐ 108/2025/QH15



• HIỆU LỰC TỪ
01/07/2026



• HĐĐT CHO HKD
CÓ HIỆU LỰC TỪ
01/01/2026



• QUY ĐỊNH BỔ
THUẾ KHOẢN HKD,
TỪ 01/01/2026

BỔ SUNG

Tổ chức NN, cá nhân nước ngoài có hoạt động kinh doanh tại VN hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam là NNT theo quy định của pháp luật về thuế;

Tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài có hoạt động kinh doanh trên nền tảng TMĐT, nền tảng số khác là người nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế.

[..\..\CHUYÊN ĐỀ\TỔNG QUAN VỀ THUẾ\TỔNG QUAN VỀ THUẾ.pptx](#)

KHAI BỔ SUNG HỒ SƠ KHAI THUẾ (K.5 Đ.12 LUẬT 108/2025/QH15 - TỪ 01/07/2026)

NNT khai BS HSKT **trong thời hạn 05 năm** kể từ ngày hết thời hạn nộp HSKT đối với các trường hợp sau:

- Trước khi CQT, CQ có thẩm quyền CB QĐ thanh tra, kiểm tra;
- HS không thuộc PV, thời kỳ thanh tra, kiểm tra thuế;
- HS không thuộc trường hợp CQĐT YC không được** khai BS HSKT, khoản thu khác để PV ĐTVA;
- NNT phát hiện HSKT đã nộp còn sai, sót liên quan đến **phạm vi, thời kỳ đã thanh tra, kiểm tra dẫn đến phát sinh tăng** số thuế phải nộp, giảm số thuế đã được miễn, giảm, hoàn, giảm số thuế được khấu trừ, giảm số thuế đã nộp **thì được BS HSKT. CQT có trách nhiệm rà soát HS giải trình**, trường hợp chấp thuận HSGT **thì ban hành TB chấp thuận cho NNT điều chỉnh HSKT** & bị xử lý theo quy định như đối với trường hợp thanh tra, kiểm tra phát hiện.
- Các TH **thực hiện theo KL, QĐ của CQNN có thẩm quyền LQ đến nội dung XD NVT**. Trường hợp NNT khai BS **làm tăng** số thuế phải nộp, giảm số thuế được khấu trừ, miễn, giảm, hoàn **thì bị xử lý theo quy định** như đối với trường hợp thanh tra, kiểm tra phát hiện.

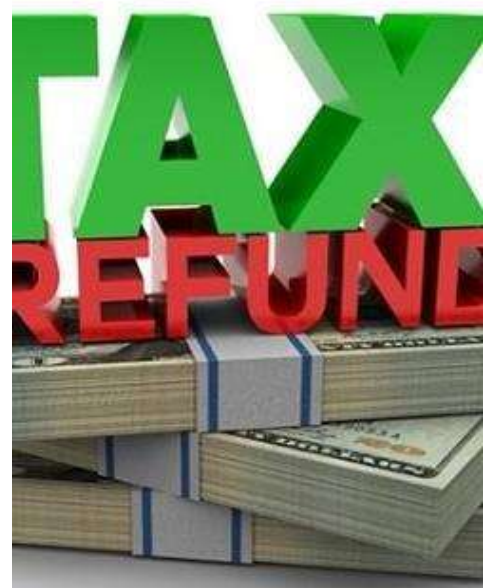
HOÀN THÀNH NGHĨA VỤ THUẾ TRƯỚC KHI XUẤT CẢNH K.5 Đ.17 LUẬT 108/2025/QH15

Mở rộng đối tượng bị cưỡng chế trước xuất cảnh

- Bổ sung chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp, HTX vào diện phải hoàn thành nghĩa vụ thuế trước khi xuất cảnh.
- So sánh với Luật 2019: chỉ quy định người đại diện theo pháp luật

HOÀN THUẾ (Đ.18 LUẬT 108/2025/QH15)

- Luật hóa hoàn thuế tự động dựa trên dữ liệu, tiêu chí quản lý rủi ro, quy trình xử lý tự động và bảo đảm an toàn thông tin => triển khai theo từng giai đoạn phù hợp với tình hình thực tế của hệ thống thuế
- Luật chỉ quy định khung, giao Chính phủ quy định chi tiết: Các trường hợp không hoàn, phân loại hoàn thuế, thời hạn tiếp nhận, giải quyết, phản hồi.



[..\.\CHUYÊN ĐỀ BỒ TRỢ\CHUYÊN ĐỀ THANH - KIỂM TRA\CHUYÊN ĐỀ PHÒNG NGỪA RỦI RO TRONG THANH - KIỂM TRA THUẾ HOÀN THUẾ.pptx](#)

KIỂM TRA THUẾ (Đ.22 & Đ.23 LUẬT 108/2025/QH15)

Bổ sung nguyên tắc "ưu tiên kiểm tra trực tuyến, từ xa trên dữ liệu điện tử"

Tăng thời hạn kiểm tra: Thời hạn kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế tăng gấp đôi từ 10 ngày LV lên 20 ngày LV .

Thời hạn riêng cho kiểm tra giao dịch liên kết: Quy định thời hạn kiểm tra với doanh nghiệp có giao dịch liên kết là 40 ngày LV.

Bổ sung CQT có quyền truy cập vào dữ liệu phần mềm kế toán, hoá đơn điện tử, máy tính tiền của người nộp thuế có dấu hiệu trốn thuế



[..\CHUYÊN ĐỀ BỒ TRỢ\CHUYÊN ĐỀ THANH - KIỂM TRA\CHUYÊN ĐỀ PHÒNG NGỪA RỦI RO TRONG THANH - KIỂM TRA THUẾ CHUẨN.pptx](#)

QUYỀN NNT & NGHĨA VỤ NNT

Đ.37 LUẬT
108/2025/QH15

Bổ sung quyền được áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định của pháp luật về quản lý thuế, hải quan nếu đáp ứng đủ các điều kiện về chế độ ưu tiên theo quy định của pháp luật;

Quy định về không phải nộp các chứng từ, tài liệu, không phải gửi các thông tin đã có sẵn trong hồ sơ thuế mà cơ quan quản lý thuế đã có, trừ trường hợp có thay đổi nội dung hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế để phục vụ kiểm tra thuế;

Bổ sung trách nhiệm sử dụng đúng mục đích các hàng hóa, dịch vụ miễn thuế, khoản thu khác, không chịu thuế theo kê khai; nếu thay đổi mục đích, phải kê khai lại và nộp tiền thuế, khoản thu khác và các khoản phát sinh theo quy định của pháp luật

QUYỀN & NGHĨA VỤ CÔNG CHỨC THUẾ (Đ.38 LUẬT 108/2025/QH15)

Bổ
sung,
làm rõ

Công chức quản lý thuế có nhiệm vụ và chịu trách nhiệm giải quyết hồ sơ thuế trong phạm vi: hồ sơ, tài liệu NNT cung cấp; cơ sở dữ liệu quản lý thuế; thông tin cơ quan nhà nước có thẩm quyền; kết quả quản lý rủi ro.

Không chịu trách nhiệm về những nội dung trong các VB, giấy tờ, tài liệu có trong hồ sơ thuế đã được CQ, người có thẩm quyền khác chấp thuận, thẩm định, phê duyệt hoặc giải quyết trước đó.

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA KTNN, CQ TT

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

1. Trực tiếp kiểm toán NNT gửi biên bản hoặc báo cáo kiểm toán cho NNT và NNT có trách nhiệm thực hiện kiến nghị. CQT tiến hành xử phạt vi phạm hành chính.
2. Không trực tiếp kiểm toán đối với NNT mà thực hiện kiểm toán tại CQT: gửi bản trích sao các văn bản có kiến nghị liên quan đến nghĩa vụ thuế và khoản thu khác phải nộp cho NNT để thực hiện. CQT có trách nhiệm tổ chức thực hiện kiến nghị.



CƠ QUAN THANH TRA

1. Trực tiếp thanh tra NNT gửi biên bản, kết luận hoặc quyết định xử lý sau thanh tra cho NNT.
2. Không trực tiếp thanh tra đối với NNT mà thực hiện thanh tra CQT: gửi bản trích sao có kết luận hoặc quyết định xử lý sau thanh tra liên quan đến nghĩa vụ thuế và khoản thu khác phải nộp cho NNT để thực hiện. CQT có trách nhiệm tổ chức thực hiện kết luận hoặc quyết định xử lý sau thanh tra của cơ quan thanh tra.

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA KTNN, CQ TT

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC (K.9 Đ.39 LUẬT 108/2025/QH15)

1. **Trực tiếp kiểm toán NNT** gửi biên bản hoặc báo cáo kiểm toán cho NNT và NNT có trách nhiệm thi hiện kiến nghị. CQT tiến hành xử phạt vi phạm hành chính.
2. **Không trực tiếp kiểm toán đối với NNT** mà thi hiện kiểm toán tại CQT: gửi bản trích sao các văn bản có kiến nghị liên quan đến nghĩa vụ thuế và khoản thu khác phải nộp cho NNT để thực hiện. CQT có trách nhiệm tổ chức thực hiện kiến nghị.



CƠ QUAN THANH TRA (K.10 Đ.39 LUẬT 108/2025/QH15)

1. **Trực tiếp thanh tra NNT** gửi biên bản, kết luận hoặc quyết định xử lý sau thanh tra cho NNT.
2. **Không trực tiếp thanh tra đối với NNT** mà thực hiện **thanh tra** CQT: gửi bản trích sao có kết luận hoặc quyết định xử lý sau thanh tra liên quan đến nghĩa vụ thuế và khoản thu khác phải nộp cho NNT để thực hiện. CQT có trách nhiệm tổ chức thực hiện kết luận hoặc quyết định xử lý sau thanh tra của cơ quan thanh tra.

